

Trường Đại Học Mở - Địa chất
Quản lý kế hoạch giảng dạy
-oOo-

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
Môn đã xếp thời khóa biểu											
4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	01		201	7	1	3	HNAD301	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	02		121	7	9	3	HNBG202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4000002	Tâm lý học đại cương	01		203	7	6	3	HNAD301	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0201-13	Ngô Văn Hường
4000002	Tâm lý học đại cương	02		202	7	1	3	HNAD401	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0201-13	Ngô Văn Hường
4000002	Tâm lý học đại cương	03		50	7	10	4	HNAA205	21/11/2015 - 09/01/2016	0201-13	Ngô Văn Hường
4000003	Tiếng Việt thực hành	01		83	7	9	3	HNAA409	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	01		152	7	6	3	HNBG206	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0201-10	Nguyễn Thị Phương
4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	02		202	7	10	3	HNAD101	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0201-10	Nguyễn Thị Phương
4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	01		152	7	1	3	HNBG206	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	02		147	7	6	3	HNBG302	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4010101	Đại số	02		222	4	1	2	HNAD301	21/10/2015 - 16/12/2015	0101-17	Phạm Tuấn Cường
					6	3	3	HNAD301	23/10/2015 - 18/12/2015	0101-17	Phạm Tuấn Cường
4010101	Đại số	03		219	3	9	2	HNAD401	20/10/2015 - 15/12/2015	0101-17	Phạm Tuấn Cường
					6	6	3	HNAD201	23/10/2015 - 18/12/2015	0101-17	Phạm Tuấn Cường
4010101	Đại số	05		201	2	4	2	HNAD301	19/10/2015 - 14/12/2015	0101-10	Đào Xuân Hưng
					6	3	3	HNAD401	23/10/2015 - 18/12/2015	0101-10	Đào Xuân Hưng
4010101	Đại số	06		186	4	6	3	HNAD401	21/10/2015 - 16/12/2015	0101-10	Đào Xuân Hưng
					5	6	2	HNAD201	22/10/2015 - 17/12/2015	0101-10	Đào Xuân Hưng
4010101	Đại số	07		162	4	4	2	HNBG302	21/10/2015 - 16/12/2015	0101-20	Lê Hương Giang
					6	3	3	HNBG306	23/10/2015 - 18/12/2015	0101-20	Lê Hương Giang
4010101	Đại số	08		113	3	6	2	HNBG302	20/10/2015 - 15/12/2015	0101-20	Lê Hương Giang

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản
Bộ môn: Toán (01 0101)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010101	Đại số	08		113	5	6	3	HNBG302	22/10/2015 - 17/12/2015	0101-20	Lê Hương Giang
4010101	Đại số	09		213	2	1	3	HNAD101	19/10/2015 - 14/12/2015	0101-06	Trương Mạnh Hùng
					6	1	2	HNAD101	23/10/2015 - 18/12/2015	0101-06	Trương Mạnh Hùng
4010101	Đại số	10		212	2	6	2	HNAD101	19/10/2015 - 14/12/2015	0101-06	Trương Mạnh Hùng
					4	8	3	HNAD101	21/10/2015 - 16/12/2015	0101-06	Trương Mạnh Hùng
4010101	Đại số	12		125	2	9	3	HNBG206	19/10/2015 - 14/12/2015	0101-11	Nguyễn Trường Thanh
					5	9	2	HNBG302	22/10/2015 - 17/12/2015	0101-11	Nguyễn Trường Thanh
4010101	Đại số	13		119	3	3	3	HNBG306	20/10/2015 - 15/12/2015	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn
					5	4	2	HNBG302	22/10/2015 - 17/12/2015	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn
4010101	Đại số	14		181	2	4	2	HNAD401	19/10/2015 - 14/12/2015	0101-11	Nguyễn Trường Thanh
					6	9	3	HNAD201	23/10/2015 - 18/12/2015	0101-11	Nguyễn Trường Thanh
4010101	Đại số	16		128	2	3	3	HNBG206	19/10/2015 - 14/12/2015	0101-03	Tô Văn Đình
					4	4	2	HNBG206	21/10/2015 - 16/12/2015	0101-03	Tô Văn Đình
4010101	Đại số	17		125	4	8	3	HNBG206	21/10/2015 - 16/12/2015	0101-03	Tô Văn Đình
					5	9	2	HNBG202	22/10/2015 - 17/12/2015	0101-03	Tô Văn Đình
4010101	Đại số	18		143	2	4	2	HNBG202	19/10/2015 - 14/12/2015	0101-22	Nguyễn Thế Lâm
					4	3	3	HNBG202	21/10/2015 - 16/12/2015	0101-22	Nguyễn Thế Lâm
4010101	Đại số	19		145	3	6	2	HNBG202	20/10/2015 - 15/12/2015	0101-22	Nguyễn Thế Lâm
					5	6	3	HNBG202	22/10/2015 - 17/12/2015	0101-22	Nguyễn Thế Lâm
4010101	Đại số	22		45	3	8	3	HNAB306	17/11/2015 - 05/01/2016	0101-26	Nguyễn Thùy Linh
					4	11	3	HNAA404	18/11/2015 - 06/01/2016	0101-26	Nguyễn Thùy Linh
4010101	Đại số	23		47	2	6	3	HNAB307	16/11/2015 - 04/01/2016	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương
					4	6	3	HNAB306	18/11/2015 - 06/01/2016	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương
4010102	Giải tích 1	02		222	3	3	3	HNAD301	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-09	Nguyễn Thị Hằng
					5	3	3	HNAD301	22/10/2015 - 24/12/2015	0101-09	Nguyễn Thị Hằng
4010102	Giải tích 1	03		221	2	8	3	HNAD301	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-09	Nguyễn Thị Hằng
					4	8	3	HNAD301	21/10/2015 - 23/12/2015	0101-09	Nguyễn Thị Hằng
4010102	Giải tích 1	05		202	3	1	3	HNAD401	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn
					5	3	3	HNAD401	22/10/2015 - 24/12/2015	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn
4010102	Giải tích 1	06		189	3	6	3	HNAD401	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản
Bộ môn: Toán (01 0101)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010102	Giải tích 1	06		189	5	8	3	HNAD401	22/10/2015 - 24/12/2015	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn
4010102	Giải tích 1	07		161	2	1	3	HNBG302	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-18	Phạm Ngọc Anh
					4	1	3	HNBG302	21/10/2015 - 23/12/2015	0101-18	Phạm Ngọc Anh
4010102	Giải tích 1	08		109	2	6	3	HNBG302	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-19	Nguyễn Thu Hằng
					4	6	3	HNBG302	21/10/2015 - 23/12/2015	0101-19	Nguyễn Thu Hằng
4010102	Giải tích 1	09		213	3	3	3	HNAD101	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-18	Phạm Ngọc Anh
					6	3	3	HNAD101	23/10/2015 - 25/12/2015	0101-18	Phạm Ngọc Anh
4010102	Giải tích 1	10		213	3	8	3	HNAD101	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-19	Nguyễn Thu Hằng
					6	8	3	HNAD101	23/10/2015 - 25/12/2015	0101-19	Nguyễn Thu Hằng
4010102	Giải tích 1	12		125	2	3	3	HNBG306	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-25	Hoàng Ngự Huân
					3	8	3	HNBG306	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-25	Hoàng Ngự Huân
4010102	Giải tích 1	13		119	2	9	3	HNBG302	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-24	Lê Bích Phượng
					6	9	3	HNBG206	23/10/2015 - 25/12/2015	0101-24	Lê Bích Phượng
4010102	Giải tích 1	14		181	2	1	3	HNAD401	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn
					5	9	3	HNAD301	22/10/2015 - 24/12/2015	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn
4010102	Giải tích 1	16		128	3	1	3	HNBG206	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-26	Nguyễn Thùy Linh
					5	3	3	HNBG206	22/10/2015 - 24/12/2015	0101-26	Nguyễn Thùy Linh
4010102	Giải tích 1	17		124	3	6	3	HNBG206	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-24	Lê Bích Phượng
					6	6	3	HNBG302	23/10/2015 - 25/12/2015	0101-24	Lê Bích Phượng
4010102	Giải tích 1	18		142	2	1	3	HNBG202	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-23	Nguyễn Thị Hiền
					3	1	3	HNBG202	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-23	Nguyễn Thị Hiền
4010102	Giải tích 1	19		145	2	8	3	HNBG202	19/10/2015 - 21/12/2015	0101-23	Nguyễn Thị Hiền
					3	8	3	HNBG202	20/10/2015 - 22/12/2015	0101-23	Nguyễn Thị Hiền
4010103	Giải tích 2	01		45	3	11	3	HNBG601	17/11/2015 - 05/01/2016	0101-10	Đào Xuân Hưng
					5	11	3	HNAD203	19/11/2015 - 07/01/2016	0101-10	Đào Xuân Hưng
4010104	Xác suất thống kê	01		52	7	9	4	HNAA403	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-22	Nguyễn Thế Lâm
4010105	Xác suất thống kê	01		205	7	1	3	HNAD201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-06	Trương Mạnh Hùng
4010105	Xác suất thống kê	02		199	7	6	3	HNBG306	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-18	Phạm Ngọc Anh
4010105	Xác suất thống kê	03		202	7	6	3	HNAD401	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-19	Nguyễn Thu Hằng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản
Bộ môn: Toán (01 0101)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010105	Xác suất thống kê	04		161	7	9	3	HNBG206	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-04	Nguyễn Văn Ngọc
4010105	Xác suất thống kê	06		47	2	9	4	HNAB307	16/11/2015 - 04/01/2016	0101-04	Nguyễn Văn Ngọc
4010106	Phương pháp tính	01		207	7	6	3	HNAD201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-24	Lê Bích Phượng
4010106	Phương pháp tính	02		200	7	9	3	HNAD201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương
4010106	Phương pháp tính	03		203	7	9	3	HNAD301	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn
4010106	Phương pháp tính	04		147	7	9	3	HNBG302	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-10	Đào Xuân Hưng
4010106	Phương pháp tính	06		37	3	9	4	HNAB401	17/11/2015 - 05/01/2016	0101-03	Tô Văn Đình
4010108	Phương trình toán lý	01		54	3	6	3	HNAA306	08/09/2015 - 13/10/2015	0101-17	Phạm Tuấn Cường
					4	8	3	HNAA306	09/09/2015 - 14/10/2015	0101-17	Phạm Tuấn Cường
4010108	Phương trình toán lý	02		59	7	6	3	HNAB405	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-17	Phạm Tuấn Cường
4010109	Logic đại cương	01		60	7	6	3	HNAA208	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn
4010109	Logic đại cương	02		150	7	1	3	HNAD403	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn
4010110	Toán tối ưu	01		81	7	9	3	HNAB207	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-03	Tô Văn Đình
4010110	Toán tối ưu	02		207	7	3	3	HNBG302	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-03	Tô Văn Đình
4010111	Toán rời rạc	01		80	7	6	3	HNAB310	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-04	Nguyễn Văn Ngọc
4010111	Toán rời rạc	02		81	7	1	3	HNAB310	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-04	Nguyễn Văn Ngọc
4010113	Toán cao cấp 1	01		237	3	3	3	HNAD201	20/10/2015 - 15/12/2015	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương
					6	4	2	HNAD201	23/10/2015 - 18/12/2015	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương
4010113	Toán cao cấp 1	02		231	3	6	3	HNAD201	20/10/2015 - 15/12/2015	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương
					5	6	2	HNAD101	22/10/2015 - 17/12/2015	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương
4010114	Toán cao cấp 2	01		64	7	9	4	HNAA404	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0101-25	Hoàng Ngự Huân
4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	01		65	7	2	4	HNAB503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0102-10	Dư Thị Xuân Thảo
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	01		62	2	6	2	HNAA408	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-09	Bùi Thị Thanh Lan
					6	8	2	HNAA406	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-09	Bùi Thị Thanh Lan
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	02		61	3	1	2	HNAA203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-09	Bùi Thị Thanh Lan

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Vật Lý (01 0102)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	02		61	5	1	2	HNAA203	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-09	Bùi Thị Thanh Lan
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	03		60	4	9	2	HNAA204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-09	Bùi Thị Thanh Lan
					5	9	2	HNAA203	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-09	Bùi Thị Thanh Lan
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	04		70	3	2	2	HNAA207	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-12	Phạm Thị Trang
					5	2	2	HNAA207	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-12	Phạm Thị Trang
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	05		61	3	6	2	HNAB205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-12	Phạm Thị Trang
					5	6	2	HNAA403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-12	Phạm Thị Trang
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	06		70	3	2	2	HNAA409	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-14	Trần Thị Hà
					5	2	2	HNAA409	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-14	Trần Thị Hà
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	07		60	3	4	2	HNAB501	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-14	Trần Thị Hà
					5	4	2	HNAB205	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-14	Trần Thị Hà
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	08		60	4	2	2	HNAB202	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-14	Trần Thị Hà
					4	4	2	HNAB202	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-14	Trần Thị Hà
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	09		40	5	6	2	HNAA404	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
					6	11	2	HNAA403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	10		59	4	1	2	HNAB503	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
					6	4	2	HNAB206	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	11		41	2	4	2	HNAD303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
					5	9	2	HNAB504	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	12		42	3	1	2	HNAB305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
					4	8	2	HNAB505	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	13		28	4	10	2	HNAA308	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
					6	10	2	HNAA402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Vật Lý (01 0102)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	14		20	2	8	2	HNAB503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
					6	2	2	HNAB501	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	15		43	2	1	2	HNAA206	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
					5	1	2	HNAA205	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	16		30	2	10	2	HNAA305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
					4	3	2	HNAB303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	17		40	3	4	2	HNAB205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
					4	6	2	HNAB205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	18		69	3	1	2	HNAB207	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
					6	1	2	HNAA207	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	19		62	3	8	2	HNAB207	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
					5	11	2	HNAA207	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-15	Tổng Bá Tuấn
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	20		62	3	4	2	HNAA204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
					5	4	2	HNAA204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	21		60	2	1	2	HNBG401	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
					4	6	2	HNAA205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	22		61	3	7	2	HNAB501	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
					6	7	2	HNAA407	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	23		60	2	4	2	HNAA407	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
					6	4	2	HNAA408	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	24		60	2	9	2	HNAA407	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
					4	9	2	HNAB502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	25		61	5	1	2	HNAA303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản
Bộ môn: Vật Lý (01 0102)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	25		61	6	1	2	HNAA203	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	26		60	3	9	2	HNAA306	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
					5	10	2	HNAA305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	27		60	2	4	2	HNAA205	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
					6	4	2	HNAA204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	28		45	3	10	2	HNAA203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
					5	8	2	HNAA205	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	29		59	3	4	2	HNAA206	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
					5	4	2	HNAA206	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-13	Lê Đắc Tuyên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	30		60	3	1	2	HNAA406	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
					5	1	2	HNAD402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	31		39	3	4	2	HNAA307	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
					6	10	2	HNAA204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	32		60	4	8	2	HNAA303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
					6	8	2	HNAB305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	33		60	3	10	2	HNAA204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
					5	10	2	HNAA204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	34		60	4	4	2	HNAA307	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
					6	4	2	HNAA307	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	35		60	3	6	2	HNAA308	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
					5	6	2	HNAA307	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	36		60	4	2	2	HNAA402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu
					5	4	2	HNAA402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản
Bộ môn: Vật Lý (01 0102)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	40		33	2	2	2	HNAA405	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
					6	6	2	HNAA308	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	41		80	5	4	2	HNAB311	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
					6	1	2	HNAB311	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	42		60	3	6	2	HNAB311	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
					4	9	2	HNAB311	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	43		41	3	4	2	HNAA404	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-18	Đình Văn Thiên
					5	4	2	HNAA405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-18	Đình Văn Thiên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	44		33	4	7	2	HNAA408	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-18	Đình Văn Thiên
					5	10	2	HNAA409	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-18	Đình Văn Thiên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	45		45	4	4	2	HNAA405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-18	Đình Văn Thiên
					6	1	2	HNAA404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-18	Đình Văn Thiên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	46		36	2	6	2	HNAB207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
					3	9	2	HNAB303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	47		57	3	4	2	HNAB303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
					5	4	2	HNAB303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	48		22	4	6	2	HNAA407	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
					6	8	2	HNAA402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	49		37	2	4	2	HNAB506	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
					3	1	2	HNAB506	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	50		23	3	7	2	HNAB303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-16	Đào Việt Thắng
					6	10	2	HNAA207	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-16	Đào Việt Thắng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	51		23	4	4	2	HNAA406	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Vật Lý (01 0102)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	51		23	6	2	2	HNAA405	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	52		52	3	7	2	HNAB502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải
					4	8	2	HNAB501	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	53		60	3	4	2	HNAA406	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải
					4	4	2	HNAA408	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	54		21	3	9	2	HNAB206	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải
					4	2	2	HNAD202	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	59		45	2	10	2	HNAA304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
					4	10	2	HNAA304	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	60		25	7	2	4	HNAD101	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0102-16	Đào Việt Thắng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	61		34	2	8	2	HNAA403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
					4	8	2	HNAA407	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	62		46	2	6	3	HNAB401	16/11/2015 - 04/01/2016	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
					6	11	3	HNAA408	20/11/2015 - 08/01/2016	0102-01	Hồ Quỳnh Anh
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	64		41	2	7	3	HNBG403	07/12/2015 - 04/01/2016	0102-18	Đinh Văn Thiên
					3	10	3	HNAA407	08/12/2015 - 05/01/2016	0102-18	Đinh Văn Thiên
					7	10	3	HNBG401	12/12/2015 - 09/01/2016	0102-18	Đinh Văn Thiên
4010205	Khoa học vật liệu đại cương	01		61	7	6	3	HNAB311	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0102-04	Vũ Bá Dũng
4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	01		69	7	9	4	HNAA306	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-20	Vũ Duy Thịnh
4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	03		222	2	4	2	HNAD201	19/10/2015 - 14/12/2015	0103-12	Hà Mạnh Hùng
					4	3	3	HNAD301	21/10/2015 - 16/12/2015	0103-12	Hà Mạnh Hùng
4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	04		219	2	6	2	HNAD301	19/10/2015 - 14/12/2015	0103-26	Nguyễn Thị Kim Thoa
					3	6	3	HNAD301	20/10/2015 - 15/12/2015	0103-26	Nguyễn Thị Kim Thoa
4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	06		201	2	1	3	HNAD301	19/10/2015 - 14/12/2015	0103-10	Đỗ Thị Hải
					4	4	2	HNAD101	21/10/2015 - 16/12/2015	0103-10	Đỗ Thị Hải
4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	07		188	4	9	2	HNAD401	21/10/2015 - 16/12/2015	0103-16	Vũ Kim Thư

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản
Bộ môn: Hoá (01 0103)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	07		188	6	6	3	HNAD301	23/10/2015 - 18/12/2015	0103-16	Vũ Kim Thư
4010302	Hóa học đại cương phần 2	01		59	2	3	3	HNAA303	07/09/2015 - 12/10/2015	0103-16	Vũ Kim Thư
					3	1	3	HNAA303	08/09/2015 - 13/10/2015	0103-16	Vũ Kim Thư
4010302	Hóa học đại cương phần 2	02		50	4	3	3	HNAD203	04/11/2015 - 09/12/2015	0103-16	Vũ Kim Thư
					6	9	3	HNAB201	06/11/2015 - 11/12/2015	0103-16	Vũ Kim Thư
4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	01		65	2	1	2	HNAA303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0103-07	Nguyễn Đình Độ
					5	2	2	HNAA304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0103-07	Nguyễn Đình Độ
4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	02		62	4	1	2	HNAB303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0103-21	Lê Thị Vinh
					6	1	2	HNAB507	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0103-21	Lê Thị Vinh
4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	04		61	2	8	2	HNAA402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0103-25	Nguyễn Viết Hùng
					4	8	2	HNAA405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0103-25	Nguyễn Viết Hùng
4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	05		62	7	9	4	HNAA307	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-03	Công Tiến Dũng
4010304	Hoá vô cơ phần 2	01		41	7	6	3	HNAB204	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-18	Lê Thị Phương Thảo
4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	01		63	4	10	2	HNAB505	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0103-09	Nguyễn Thu Hà
					6	6	2	HNAD502	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0103-09	Nguyễn Thu Hà
4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	02		63	3	10	2	HNAD203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0103-06	Lê Thị Duyên
					5	10	2	HNAB303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0103-06	Lê Thị Duyên
4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	03		61	7	9	4	HNAA308	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-14	Lê Đức Liêm
4010306	Hóa phân tích phần 2	01		59	7	6	3	HNAD403	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-14	Lê Đức Liêm
4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	01		63	7	9	4	HNAA402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-05	Phạm Tiến Dũng
4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	02		30	6	6	4	HNBG202	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0103-11	Võ Thị Hạnh
4010308	Hoá lý phần 1 + TN	01		64	2	1	3	HNAD204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0103-24	Vũ Thị Minh Hồng
					4	1	3	HNAD303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0103-24	Vũ Thị Minh Hồng
4010308	Hoá lý phần 1 + TN	02		54	3	6	3	HNAB507	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0103-05	Phạm Tiến Dũng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản
Bộ môn: Hoá (01 0103)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010308	Hoá lý phần 1 + TN	02		54	5	6	3	HNAD303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0103-05	Phạm Tiến Dũng
4010311	Hóa môi trường 1	01		61	7	3	3	HNBG101	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-02	Hoàng Thị Chung
4010311	Hóa môi trường 1	02		25	2	11	3	HNAB205	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0103-02	Hoàng Thị Chung
4010401	Hình học họa hình	01		61	2	11	3	HNAA203	07/09/2015 - 12/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					4	11	3	HNAA203	09/09/2015 - 14/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010401	Hình học họa hình	02		71	2	8	3	HNAA207	07/09/2015 - 12/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					4	8	3	HNAA409	09/09/2015 - 14/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010401	Hình học họa hình	03		70	5	8	3	HNAB207	10/09/2015 - 15/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					6	6	3	HNAA409	11/09/2015 - 16/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010401	Hình học họa hình	04		60	3	8	3	HNAA206	08/09/2015 - 13/10/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					6	1	3	HNAA204	11/09/2015 - 16/10/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010401	Hình học họa hình	05		49	5	1	3	HNAA206	10/09/2015 - 15/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					6	10	3	HNAA205	11/09/2015 - 16/10/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010401	Hình học họa hình	06		60	3	1	3	HNAA308	08/09/2015 - 13/10/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					4	1	3	HNAA308	09/09/2015 - 14/10/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010401	Hình học họa hình	07		58	3	1	3	HNAA306	08/09/2015 - 13/10/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
					4	3	3	HNAA205	09/09/2015 - 14/10/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010401	Hình học họa hình	08		43	2	6	3	HNAA306	07/09/2015 - 12/10/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					5	1	3	HNAA307	10/09/2015 - 15/10/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010401	Hình học họa hình	09		41	2	1	3	HNAA307	07/09/2015 - 12/10/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
					6	1	3	HNAA305	11/09/2015 - 16/10/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010401	Hình học họa hình	10		47	2	9	3	HNAA206	07/09/2015 - 12/10/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
					4	9	3	HNAA307	09/09/2015 - 14/10/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010401	Hình học họa hình	11		48	3	6	3	HNAA402	03/11/2015 - 08/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
					6	1	3	HNAA307	06/11/2015 - 11/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010401	Hình học họa hình	12		59	2	1	3	HNAA307	02/11/2015 - 07/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
					4	1	3	HNAA406	04/11/2015 - 09/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010401	Hình học họa hình	13		54	3	1	3	HNAA303	03/11/2015 - 08/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					6	6	3	HNAA307	06/11/2015 - 11/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Hình hoạ (01 0104)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010401	Hình học họa hình	14		70	2	9	3	HNAA207	02/11/2015 - 07/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					4	9	3	HNAA207	04/11/2015 - 09/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010401	Hình học họa hình	15		69	3	9	3	HNAA207	03/11/2015 - 08/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					5	6	3	HNAB207	05/11/2015 - 10/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010401	Hình học họa hình	16		48	5	1	3	HNAA307	05/11/2015 - 10/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					6	9	3	HNAA307	06/11/2015 - 11/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010401	Hình học họa hình	17		38	5	9	3	HNAB205	05/11/2015 - 10/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					6	1	3	HNAA406	06/11/2015 - 11/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010401	Hình học họa hình	18		30	4	1	3	HNAB305	04/11/2015 - 09/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
					5	3	3	HNAA406	05/11/2015 - 10/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
4010401	Hình học họa hình	22		61	3	6	3	HNAA402	08/09/2015 - 13/10/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
					5	6	3	HNAA402	10/09/2015 - 15/10/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010401	Hình học họa hình	23		50	7	6	3	HNAD402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0104-30	Trịnh Hậu
4010402	Vẽ kỹ thuật	01		61	4	11	3	HNAA204	09/09/2015 - 14/10/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
					6	9	3	HNAB504	11/09/2015 - 16/10/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010402	Vẽ kỹ thuật	03		60	2	1	3	HNAA406	07/09/2015 - 12/10/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
					5	3	3	HNAA406	10/09/2015 - 15/10/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010402	Vẽ kỹ thuật	04		61	3	9	3	HNAA404	03/11/2015 - 08/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
					5	9	3	HNAA407	05/11/2015 - 10/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010402	Vẽ kỹ thuật	05		60	7	3	3	HNBG508	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010403	Autocad + TH	01		73	7	6	3	HNAB506	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010403	Autocad + TH	02		76	7	3	3	HNBG507	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010403	Autocad + TH	03		71	7	9	3	HNBG607	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010403	Autocad + TH	04		55	2	11	3	HNAB206	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010403	Autocad + TH	05		74	7	9	3	HNBG606	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
4010403	Autocad + TH	06		79	6	11	3	HNAA409	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010403	Autocad + TH	07		70	4	11	3	HNAB404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Hình hoạ (01 0104)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010403	Autocad + TH	08		70	2	11	3	HNAB204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
4010404	Vẽ kỹ thuật xây dựng	01		23	2	9	3	HNAA208	02/11/2015 - 07/12/2015	0104-30	Trịnh Hậu
					4	9	3	HNAD303	04/11/2015 - 09/12/2015	0104-30	Trịnh Hậu
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	01		60	4	7	2	HNAB502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-30	Trịnh Hậu
					6	6	2	HNAA404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0104-30	Trịnh Hậu
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	02		61	2	4	2	HNAA203	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-01	Trần Hồng Hải
					4	4	2	HNAA203	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-01	Trần Hồng Hải
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	03		60	2	9	2	HNAA203	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-01	Trần Hồng Hải
					3	8	2	HNAA203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0104-01	Trần Hồng Hải
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	04		72	2	4	2	HNAA207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					4	4	2	HNAA207	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	05		72	3	4	2	HNAA409	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
					5	4	2	HNAA409	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0104-06	Hoàng Văn Tài
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	06		67	5	8	2	HNAA409	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
					6	8	2	HNAA207	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	07		60	2	4	2	HNAB305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
					6	4	2	HNAB305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0104-05	Vũ Hữu Tuyên
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	08		61	3	4	2	HNAA402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					4	4	2	HNAA407	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	09		60	2	4	2	HNAA404	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					4	7	2	HNAB305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	10		60	5	4	2	HNAB502	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền
					6	4	2	HNAB504	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0104-02	Thạc Thu Hiền

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Hình hoạ (01 0104)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	11		57	3	9	2	HNAD303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
					5	9	2	HNAB507	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	12		57	2	8	2	HNAB207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
					4	9	2	HNAB303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	13		69	2	1	2	HNAB303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
					6	4	2	HNAB405	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0104-07	Phạm Thị Mai Anh
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	14		42	4	8	2	HNAB205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
					6	6	2	HNAA402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	16		40	7	9	4	HNAB201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	17		37	2	6	2	HNAA403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
					4	6	2	HNAA406	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng
4010501	Cơ học lý thuyết 1	01		71	3	4	2	HNAA207	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
					5	4	2	HNAA207	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
4010501	Cơ học lý thuyết 1	02		54	3	10	2	HNAA303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
					5	8	2	HNAB501	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
4010501	Cơ học lý thuyết 1	03		71	4	4	2	HNAA409	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
					6	2	2	HNAA409	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
4010501	Cơ học lý thuyết 1	04		59	3	8	2	HNAA204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
					6	6	2	HNAA204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
4010501	Cơ học lý thuyết 1	05		59	2	4	2	HNAA406	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
					6	4	2	HNAA406	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
4010501	Cơ học lý thuyết 1	06		71	2	4	2	HNAB207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
					4	4	2	HNAB207	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010501	Cơ học lý thuyết 1	07		68	3	10	2	HNAB207	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
					6	9	2	HNAA409	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
4010501	Cơ học lý thuyết 1	08		44	4	10	2	HNAB205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
					5	2	2	HNAA204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
4010501	Cơ học lý thuyết 1	09		60	3	8	2	HNAA205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
					5	8	2	HNAA204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
4010501	Cơ học lý thuyết 1	10		60	2	2	2	HNAA205	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
					4	1	2	HNAA205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
4010501	Cơ học lý thuyết 1	11		62	3	6	2	HNAA206	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
					5	6	2	HNAA206	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	12		59	4	4	2	HNAA303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
					6	4	2	HNAA206	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	13		44	2	2	2	HNAD304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
					4	10	2	HNAA405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	14		50	4	8	2	HNAA308	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
					6	8	2	HNAA304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	15		60	4	1	2	HNAA307	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
					6	2	2	HNAA306	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	16		60	3	8	2	HNAA307	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
					5	8	2	HNAA306	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	17		60	3	2	2	HNAA307	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
					5	2	2	HNAA308	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-01	Trần Đình Sơn
4010501	Cơ học lý thuyết 1	18		54	3	10	2	HNAA205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010501	Cơ học lý thuyết 1	18		54	5	10	2	HNAA303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	19		58	2	3	2	HNAA308	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					5	2	2	HNAA402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	20		60	3	1	2	HNAA403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					4	4	2	HNAA404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	21		51	3	7	2	HNAA404	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					5	9	2	HNAA405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	22		65	4	2	2	HNAB506	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					5	4	2	HNAB506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	23		64	2	9	2	HNAB303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					6	6	2	HNAA207	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	24		60	3	4	2	HNAA405	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					6	4	2	HNAA405	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	25		46	4	10	2	HNAA305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					6	8	2	HNAA403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	26		58	2	1	2	HNAB206	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
					6	1	2	HNAA407	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0105-03	Trần Thị Trâm
4010501	Cơ học lý thuyết 1	27		43	2	4	2	HNAA405	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-07	Bùi Thị Thủy
					4	4	2	HNAB206	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-07	Bùi Thị Thủy
4010501	Cơ học lý thuyết 1	32		60	2	6	2	HNAA402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
					4	6	2	HNAA404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0105-10	Đinh Công Đạt
4010501	Cơ học lý thuyết 1	33		44	7	9	4	HNAB303	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010501	Cơ học lý thuyết 1	34		45	7	6	6	HNAB102	21/11/2015 - 09/01/2016	0105-10	Đinh Công Đạt

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010504	Cơ học ứng dụng	01		53	2	8	3	HNAA406	07/09/2015 - 12/10/2015	0105-07	Bùi Thị Thúy
					3	9	3	HNAA402	08/09/2015 - 13/10/2015	0105-07	Bùi Thị Thúy
4010504	Cơ học ứng dụng	02		58	4	8	3	HNAA203	09/09/2015 - 14/10/2015	0105-07	Bùi Thị Thúy
					6	3	3	HNAA203	11/09/2015 - 16/10/2015	0105-07	Bùi Thị Thúy
4010504	Cơ học ứng dụng	03		60	5	6	3	HNAA203	10/09/2015 - 15/10/2015	0105-07	Bùi Thị Thúy
					6	8	3	HNAA203	11/09/2015 - 16/10/2015	0105-07	Bùi Thị Thúy
4010504	Cơ học ứng dụng	04		30	7	6	3	HNAB303	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0105-09	Phạm Ngọc Chung
4010601	Tiếng Anh NEF1	01		43	7	2	4	HNAB504	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0106-20	Trịnh Thị Vân
4010601	Tiếng Anh NEF1	03		40	7	3	2	HNBG106	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0106-19	Nguyễn ánh Hoa
					7	6	2	HNBG405	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0106-19	Nguyễn ánh Hoa
4010601	Tiếng Anh NEF1	05		27	2	4	2	HNBG405	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0106-22	Vũ Thanh Tâm
					3	4	2	HNBG603	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0106-22	Vũ Thanh Tâm
4010601	Tiếng Anh NEF1	07		35	2	12	2	HNAA404	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0106-06	Nguyễn Thị Lệ Hằng
					4	11	2	HNAB303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0106-06	Nguyễn Thị Lệ Hằng
4010601	Tiếng Anh NEF1	08		43	2	6	2	HNAD502	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0106-06	Nguyễn Thị Lệ Hằng
					6	11	2	HNAB202	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0106-06	Nguyễn Thị Lệ Hằng
4010602	Tiếng Anh NEF2	01		45	7	9	4	HNAB506	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0106-10	Trần Thị Bích Hồng
4010603	Tiếng Anh 3	01		45	7	6	3	HNAD503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0106-18	Nguyễn Mai Hương
4010603	Tiếng Anh 3	02		38	2	11	3	HNAD402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0106-18	Nguyễn Mai Hương
4010604	Tiếng Anh 4	01		42	7	3	3	HNBG607	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0106-23	Đặng Thanh Mai
4010607	Tiếng Trung 1	01		42	7	2	4	HNAA206	10/10/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0106-05	Đỗ Kim Phương
4010701	Giáo dục thể chất 1	01		43	2	1	2	SKTXLAO1	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-12	Lê Ngọc Linh
					3	1	2	SKTXLAO1	08/09/2015 - 29/09/2015	0107-12	Lê Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	02		43	6	7	2	SKTXLAO1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010701	Giáo dục thể chất 1	03		40	6	7	2	SKTXLAO2	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010701	Giáo dục thể chất 1	04		40	3	7	2	SKTXLAO1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	05		29	3	7	2	SKTXLAO2	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010701	Giáo dục thể chất 1	06		41	5	3	2	SKTXLAO1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	07		40	5	3	2	SKTXLAO2	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010701	Giáo dục thể chất 1	08		41	3	3	2	SKTXLAO1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010701	Giáo dục thể chất 1	09		27	3	3	2	SKTXLAO2	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010701	Giáo dục thể chất 1	10		40	5	7	2	SKTXLAO1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010701	Giáo dục thể chất 1	11		30	5	7	2	SKTXLAO2	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	12		40	6	3	2	SKTXLAO1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	13		32	6	3	2	SKTXLAO2	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-12	Lê Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	14		41	3	9	2	SKTXLAO1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	15		41	5	9	2	SKTXLAO1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010701	Giáo dục thể chất 1	16		40	5	9	2	SKTXLAO2	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	17		41	6	9	2	SKTXLAO1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010701	Giáo dục thể chất 1	18		40	6	9	2	SKTXLAO2	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	19		43	7	3	2	SKTXLAO1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	20		40	2	3	2	SKTXLAO1	19/10/2015 - 14/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010701	Giáo dục thể chất 1	21		40	2	3	2	SKTXLAO2	19/10/2015 - 14/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010701	Giáo dục thể chất 1	22		40	4	3	2	SKTXLAO1	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010701	Giáo dục thể chất 1	23		23	4	3	2	SKTXLAO2	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	24		43	7	9	2	SANTDA2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010701	Giáo dục thể chất 1	25		40	7	3	2	SANTDA2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-12	Lê Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	26		40	7	1	2	SANTDA2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-12	Lê Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	27		40	7	1	2	SANTDA1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	29		46	7	7	2	SKTXLAO1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010701	Giáo dục thể chất 1	30		40	7	9	2	SKTXLAO1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010701	Giáo dục thể chất 1	31		35	7	7	2	SKTXLAO2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010701	Giáo dục thể chất 1	34		40	3	7	2	SANTDA1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	35		40	3	7	2	SANTDA2	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	36		40	5	7	2	SANTDA1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010701	Giáo dục thể chất 1	37		42	5	7	2	SANTDA2	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010701	Giáo dục thể chất 1	38		40	3	3	2	SANTDA1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	39		40	6	3	2	SANTDA2	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	40		40	5	3	2	SANTDA1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	41		32	6	3	2	SANTDA1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	43		40	4	7	2	SANTDA2	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	44		31	5	3	2	SANTDA2	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	45		30	3	3	2	SANTDA2	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	46		44	6	7	2	SANTDA2	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010701	Giáo dục thể chất 1	47		40	7	7	2	SANTDA2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010701	Giáo dục thể chất 1	48		40	6	9	2	SANTDA2	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	49		40	7	9	2	SANTDA1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010701	Giáo dục thể chất 1	50		40	7	7	2	SANTDA1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010701	Giáo dục thể chất 1	51		44	7	3	2	SANTDA1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	52		40	4	3	2	SANTDA1	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	53		40	4	3	2	SANTDA2	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010701	Giáo dục thể chất 1	54		40	2	3	2	SANTDA1	19/10/2015 - 14/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	55		28	2	3	2	SANTDA2	19/10/2015 - 14/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010701	Giáo dục thể chất 1	56		41	6	1	2	SKTXLAO1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	57		40	7	3	2	SKTXLAO2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010701	Giáo dục thể chất 1	58		40	7	1	2	SKTXLAO2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010701	Giáo dục thể chất 1	61		43	7	9	2	SANTDB2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	62		40	7	9	2	SANTDB3	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh
4010701	Giáo dục thể chất 1	63		40	7	7	2	SANTDB2	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	66		46	5	1	2	SANTDB1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	67		40	3	1	2	SANTDB1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	69		41	6	1	2	SANTDB1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010701	Giáo dục thể chất 1	70		42	4	1	2	SANTDB1	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiét
4010701	Giáo dục thể chất 1	74		42	6	9	2	SANTDB1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010701	Giáo dục thể chất 1	75		40	5	9	2	SANTDB1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010701	Giáo dục thể chất 1	76		42	3	9	2	SANTDB1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010701	Giáo dục thể chất 1	79		44	7	1	2	SANTDB1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	80		40	7	9	2	SANTDB1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	81		39	7	3	2	SANTDB1	24/10/2015 - 19/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	84		43	4	7	2	SANTDB1	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đồng
4010701	Giáo dục thể chất 1	85		40	2	7	2	SANTDB1	19/10/2015 - 14/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010701	Giáo dục thể chất 1	86		40	5	7	2	SANTDB1	22/10/2015 - 17/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	87		25	3	7	2	SANTDB1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	88		42	2	3	2	SANTDB1	19/10/2015 - 14/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010701	Giáo dục thể chất 1	89		40	3	3	2	SANTDB1	20/10/2015 - 15/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010701	Giáo dục thể chất 1	90		40	4	9	2	SANTDB1	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010701	Giáo dục thể chất 1	91		38	6	3	2	SANTDB1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010701	Giáo dục thể chất 1	97		33	6	7	2	SANTDB1	23/10/2015 - 18/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010701	Giáo dục thể chất 1	98		41	4	3	2	SANTDB1	21/10/2015 - 16/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiệt
4010702	Giáo dục thể chất 2	01		41	3	9	2	SANTDB2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010702	Giáo dục thể chất 2	02		41	6	1	2	SANTDB2	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	03		42	2	7	2	SANTDB2	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiệt
4010702	Giáo dục thể chất 2	04		41	3	1	2	SANTDB3	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010702	Giáo dục thể chất 2	05		40	4	9	2	SANTDB2	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	06		41	3	9	2	SANTDB3	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	07		41	5	1	2	SANTDB3	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	08		40	4	9	2	SANTDB3	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010702	Giáo dục thể chất 2	09		40	4	1	2	SANTDB3	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	10		40	5	9	2	SANTDB2	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	11		41	5	1	2	SANTDB2	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiệt
4010702	Giáo dục thể chất 2	12		40	6	1	2	SANTDB3	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiệt

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010702	Giáo dục thể chất 2	13		41	6	3	2	SANTDB2	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010702	Giáo dục thể chất 2	14		40	5	3	2	SANTDB3	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	15		40	3	1	2	SANTDB2	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	16		40	4	3	2	SANTDB3	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	17		40	2	1	2	SANTDB2	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010702	Giáo dục thể chất 2	18		41	6	9	2	SANTDB2	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	19		40	4	1	2	SANTDB2	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-07	Lê Văn Cường
4010702	Giáo dục thể chất 2	20		40	2	9	2	SANTDB3	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010702	Giáo dục thể chất 2	21		40	2	1	2	SANTDB3	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	22		40	2	9	2	SANTDB2	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-07	Lê Văn Cường
4010702	Giáo dục thể chất 2	23		40	5	3	2	SANTDB2	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010702	Giáo dục thể chất 2	24		38	5	3	2	SANTDB2	10/09/2015 - 01/10/2015	0107-07	Lê Văn Cường
					6	1	2	SANTDB3	11/09/2015 - 02/10/2015	0107-07	Lê Văn Cường
4010702	Giáo dục thể chất 2	25		34	2	3	2	SANTDB3	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
					3	3	2	SANTDB3	08/09/2015 - 29/09/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010702	Giáo dục thể chất 2	26		28	2	9	2	SANTDB2	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
					6	7	2	SANTDB3	11/09/2015 - 02/10/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	28		32	2	7	2	SANTDB3	16/11/2015 - 07/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
					5	7	2	SANTDB2	19/11/2015 - 10/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010702	Giáo dục thể chất 2	29		24	2	7	2	SANTDB2	16/11/2015 - 07/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
					6	7	2	SANTDB2	20/11/2015 - 11/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010703	Giáo dục thể chất 3	01		42	2	7	2	SANTDB3	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	02		40	6	7	2	SANTDB2	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	03		41	3	3	2	SANTDB2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	04		40	4	7	2	SANTDB3	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010703	Giáo dục thể chất 3	05		41	3	7	2	SANTDB3	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	06		41	3	7	2	SANTDB2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-14	Lý Kế Cường
4010703	Giáo dục thể chất 3	08		40	4	7	2	SANTDB4	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	09		40	5	7	2	SANTDB2	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010703	Giáo dục thể chất 3	11		40	2	7	2	SANTDB4	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	12		40	4	3	2	SANTDB5	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010703	Giáo dục thể chất 3	13		42	5	9	2	SANTDB3	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010703	Giáo dục thể chất 3	14		41	2	3	2	SANTDB2	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	15		40	6	9	2	SANTDB5	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	16		40	3	1	2	SANTDB5	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	17		42	6	9	2	SANTDB3	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	18		41	4	7	2	SANTDB2	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	19		41	6	9	2	SANTDB4	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	20		41	4	3	2	SANTDB2	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	21		42	2	9	2	SANTDB5	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	22		40	3	1	2	SANTDB4	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-14	Lý Kế Cường
4010703	Giáo dục thể chất 3	23		40	5	7	2	SANTDB3	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010703	Giáo dục thể chất 3	24		39	2	3	2	SANTDB4	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	25		41	4	9	2	SANTDB4	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	26		41	3	3	2	SANTDB4	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-14	Lý Kế Cường
4010703	Giáo dục thể chất 3	27		40	5	7	2	SANTDB5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	28		40	4	3	2	SANTDB4	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	29		42	4	7	2	SANTDB5	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010703	Giáo dục thể chất 3	30		40	3	9	2	SANTDB5	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	31		40	6	1	2	SANTDB4	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	32		40	5	3	2	SANTDB4	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	33		41	5	9	2	SANTDB5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	34		40	6	1	2	SANTDB5	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	35		40	6	7	2	SANTDB5	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	36		42	4	1	2	SANTDB5	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010703	Giáo dục thể chất 3	37		40	5	7	2	SANTDB4	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010703	Giáo dục thể chất 3	38		41	3	7	2	SANTDB5	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010703	Giáo dục thể chất 3	39		40	2	3	2	SANTDB5	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	40		40	3	7	2	SANTDB4	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	41		40	5	1	2	SANTDB4	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	42		40	2	7	2	SANTDB5	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	43		40	4	1	2	SANTDB4	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	44		38	4	9	2	SANTDB5	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-18	Đỗ Tiến Thiết
4010703	Giáo dục thể chất 3	45		40	6	7	2	SANTDB3	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	46		40	5	3	2	SANTDB5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010703	Giáo dục thể chất 3	47		40	5	9	2	SANTDB4	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010703	Giáo dục thể chất 3	48		40	2	1	2	SANTDB4	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	49		39	3	3	2	SANTDB5	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010703	Giáo dục thể chất 3	50		41	5	1	2	SANTDB5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-11	Trần Thị Kim Chung
4010703	Giáo dục thể chất 3	51		40	2	9	2	SANTDB4	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	52		40	2	1	2	SANTDB5	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010703	Giáo dục thể chất 3	53		40	3	9	2	SANTDB4	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-14	Lý Kế Cường
4010703	Giáo dục thể chất 3	54		40	6	3	2	SANTDB5	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-02	Nguyễn Quang Huy
4010703	Giáo dục thể chất 3	55		40	6	7	2	SANTDB4	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-12	Lã Ngọc Linh
4010703	Giáo dục thể chất 3	56		38	6	3	2	SANTDB4	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	57		40	2	3	2	SANTDB5	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-07	Lê Văn Cương
					5	9	2	SANTDB5	10/09/2015 - 01/10/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010703	Giáo dục thể chất 3	58		40	2	9	2	SANTDB4	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
					6	1	2	SANTDB5	11/09/2015 - 02/10/2015	0107-10	Lê Viết Tuấn
4010703	Giáo dục thể chất 3	59		41	6	3	2	SANTDB5	11/09/2015 - 02/10/2015	0107-07	Lê Văn Cương
					6	7	2	SANTDB5	11/09/2015 - 02/10/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010703	Giáo dục thể chất 3	60		39	2	7	2	SANTDB5	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
					6	7	2	SANTDB4	11/09/2015 - 02/10/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010703	Giáo dục thể chất 3	61		39	3	9	2	SANTDB5	08/09/2015 - 29/09/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
					7	7	2	SANTDB5	12/09/2015 - 03/10/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010703	Giáo dục thể chất 3	62		41	7	3	2	SANTDB5	12/09/2015 - 03/10/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
					7	9	2	SANTDB5	12/09/2015 - 03/10/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010703	Giáo dục thể chất 3	63		40	2	9	2	SANTDB5	16/11/2015 - 07/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
					6	9	2	SANTDB5	20/11/2015 - 11/12/2015	0107-08	Lương Anh Hùng
4010703	Giáo dục thể chất 3	64		41	2	7	2	SANTDB4	16/11/2015 - 07/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
					4	7	2	SANTDB4	18/11/2015 - 09/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010703	Giáo dục thể chất 3	65		26	4	3	2	SANTDB5	18/11/2015 - 09/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
					6	9	2	SANTDB4	20/11/2015 - 11/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
4010703	Giáo dục thể chất 3	66		40	7	1	2	SANTDB5	21/11/2015 - 12/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
					7	7	2	SANTDB5	21/11/2015 - 12/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010703	Giáo dục thể chất 3	67		40	7	3	2	SANTDB5	21/11/2015 - 12/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
					7	9	2	SANTDB5	21/11/2015 - 12/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010703	Giáo dục thể chất 3	68		40	7	3	2	SANTDB4	21/11/2015 - 12/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương
					7	7	2	SANTDB4	21/11/2015 - 12/12/2015	0107-07	Lê Văn Cương

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010704	Giáo dục thể chất 4	01		40	2	9	2	SANTDA1	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	02		40	6	1	2	SANTDA1	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	03		40	4	9	2	SANTDA2	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	05		40	6	1	2	SANTDA2	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	06		40	3	9	2	SANTDA1	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	07		40	5	1	2	SANTDA1	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	08		42	2	1	2	SANTDA1	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	09		40	2	9	2	SANTDA2	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	10		41	4	9	2	SANTDA1	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	11		39	3	1	2	SANTDA1	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	12		41	5	9	2	SANTDA2	08/10/2015 - 08/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	13		40	2	1	2	SANTDA2	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	14		41	5	9	2	SANTDA1	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	15		39	5	1	2	SANTDA2	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	16		40	3	1	2	SANTDA2	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	17		41	6	9	2	SANTDA1	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	18		40	3	9	2	SANTDA2	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-15	Nguyễn Huy Thông
4010704	Giáo dục thể chất 4	19		42	4	1	2	SANTDA1	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010704	Giáo dục thể chất 4	20		30	2	3	2	SANTDA1	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
					3	3	2	SANTDA1	08/09/2015 - 29/09/2015	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ
4010705	Giáo dục thể chất 5	01		41	3	9	2	SANTDA4	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	02		41	4	1	2	SANTDA4	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	03		41	6	9	2	SANTDA3	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010705	Giáo dục thể chất 5	04		41	6	1	2	SANTDA3	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	05		42	5	1	2	SANTDA4	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	06		41	2	3	2	SANTDA3	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	07		40	6	3	2	SANTDA3	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	08		41	6	3	2	SANTDA4	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010705	Giáo dục thể chất 5	09		40	3	1	2	SANTDA3	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	10		40	4	3	2	SANTDA3	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	11		40	3	3	2	SANTDA3	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	12		42	5	3	2	SANTDA4	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	13		40	5	3	2	SANTDA3	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	14		40	6	9	2	SANTDA4	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010705	Giáo dục thể chất 5	15		40	6	1	2	SANTDA4	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 13/11/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010705	Giáo dục thể chất 5	16		42	3	9	2	SANTDA3	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 10/11/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	17		40	5	1	2	SANTDA3	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	18		41	2	1	2	SANTDA4	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	19		40	5	9	2	SANTDA4	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	20		40	2	1	2	SANTDA3	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 09/11/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	21		40	4	1	2	SANTDA3	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 11/11/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	22		40	5	9	2	SANTDA3	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 12/11/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	23		40	3	9	2	SANTDA5	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010705	Giáo dục thể chất 5	24		40	4	1	2	SANTDA5	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	25		40	5	7	2	SANTDA5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	26		41	6	9	2	SANTDA5	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010705	Giáo dục thể chất 5	27		40	3	1	2	SANTDA5	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	28		40	5	1	2	SANTDA5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	29		40	2	7	2	SANTDA5	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	30		40	2	3	2	SANTDA5	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	31		40	3	7	2	SANTDA5	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	32		40	2	9	2	SANTDA5	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	33		42	6	1	2	SANTDA5	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	34		43	4	9	2	SANTDA5	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	35		41	2	1	2	SANTDA5	05/10/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010705	Giáo dục thể chất 5	36		41	5	9	2	SANTDA5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	37		43	4	3	2	SANTDA5	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	38		41	3	3	2	SANTDA5	06/10/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	39		40	5	3	2	SANTDA5	08/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	40		40	6	3	2	SANTDA5	09/10/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	41		43	4	7	2	SANTDA5	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4010705	Giáo dục thể chất 5	42		41	4	3	2	SANTDA4	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	43		40	4	7	2	SANTDA4	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	44		41	4	7	2	SANTDA3	07/10/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0107-17	Trần Lan Hương
4010705	Giáo dục thể chất 5	45		41	2	9	2	SANTDA3	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
					4	9	2	SANTDA3	09/09/2015 - 30/09/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010705	Giáo dục thể chất 5	46		25	2	3	2	SANTDA4	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
					3	3	2	SANTDA4	08/09/2015 - 29/09/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	47		36	2	9	2	SANTDA4	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
					6	7	2	SANTDA3	11/09/2015 - 02/10/2015	0107-05	Thái Việt Hưng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học cơ bản

Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4010705	Giáo dục thể chất 5	48		31	2	7	2	SANTDA3	07/09/2015 - 28/09/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
					4	9	2	SANTDA4	09/09/2015 - 30/09/2015	0107-05	Thái Việt Hưng
4010705	Giáo dục thể chất 5	51		29	2	7	2	SANTDA3	16/11/2015 - 07/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
					6	7	2	SANTDA4	20/11/2015 - 11/12/2015	0107-19	Nguyễn Trường Đông
4010705	Giáo dục thể chất 5	52		25	4	9	2	SANTDA3	18/11/2015 - 09/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
					6	7	2	SANTDA3	20/11/2015 - 11/12/2015	0107-04	Lê Văn Nam
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	01		63	7	3	3	HNBG506	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0201-09	Trần Thị Lan Hương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	02		26	7	9	3	HNBG603	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0201-09	Trần Thị Lan Hương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	03		222	2	1	3	HNAD201	19/10/2015 - 21/12/2015	0201-13	Ngô Văn Hường
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	04		219	5	6	3	HNAD301	22/10/2015 - 24/12/2015	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	06		201	4	1	3	HNAD401	21/10/2015 - 23/12/2015	0201-13	Ngô Văn Hường
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	07		186	2	8	3	HNAD401	19/10/2015 - 21/12/2015	0201-09	Trần Thị Lan Hương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	08		161	2	6	3	HNBG306	19/10/2015 - 21/12/2015	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	09		109	6	9	3	HNBG302	23/10/2015 - 25/12/2015	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	10		213	4	1	3	HNAD101	21/10/2015 - 23/12/2015	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	11		212	5	8	3	HNAD101	22/10/2015 - 24/12/2015	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	13		237	5	2	4	HNAD201	22/10/2015 - 12/11/2015	0201-09	Trần Thị Lan Hương
					6	1	3	HNAD201	23/10/2015 - 13/11/2015	0201-09	Trần Thị Lan Hương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	14		231	2	7	4	HNAD201	19/10/2015 - 09/11/2015	0201-13	Ngô Văn Hường
					4	8	3	HNAD201	21/10/2015 - 11/11/2015	0201-13	Ngô Văn Hường
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	15		125	4	6	3	HNBG306	21/10/2015 - 23/12/2015	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	16		119	4	9	3	HNBG202	21/10/2015 - 23/12/2015	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	17		181	3	9	3	HNAD301	20/10/2015 - 22/12/2015	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	19		129	6	1	3	HNBG302	23/10/2015 - 25/12/2015	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	20		124	5	6	3	HNBG206	22/10/2015 - 24/12/2015	0201-09	Trần Thị Lan Hương
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	21		143	5	1	3	HNBG202	22/10/2015 - 24/12/2015	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh
4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	22		145	6	6	3	HNBG206	23/10/2015 - 25/12/2015	0201-13	Ngô Văn Hường
4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	01		72	2	10	2	HNAB507	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0201-05	Nguyễn Thị Thu
					4	12	2	HNAA307	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0201-05	Nguyễn Thị Thu
4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03		239	5	2	4	HNAD201	19/11/2015 - 24/12/2015	0201-05	Nguyễn Thị Thu
					6	1	3	HNAD201	20/11/2015 - 25/12/2015	0201-05	Nguyễn Thị Thu
4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	04		233	2	7	4	HNAD201	16/11/2015 - 21/12/2015	0201-04	Vũ Đình Thuyền
					4	8	3	HNAD201	18/11/2015 - 23/12/2015	0201-04	Vũ Đình Thuyền
4020103	Pháp luật đại cương	01		59	2	6	3	HNAB205	07/09/2015 - 12/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					4	6	3	HNAA307	09/09/2015 - 14/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	02		60	3	6	3	HNAA408	08/09/2015 - 13/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					6	1	3	HNAA408	11/09/2015 - 16/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	03		49	2	9	3	HNAA408	07/09/2015 - 12/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					4	9	3	HNAB305	09/09/2015 - 14/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	04		51	4	1	3	HNAA406	09/09/2015 - 14/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					5	1	3	HNAB206	10/09/2015 - 15/10/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	05		59	3	6	3	HNAB206	08/09/2015 - 13/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					5	6	3	HNAB206	10/09/2015 - 15/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	06		62	2	1	3	HNAB501	07/09/2015 - 12/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					4	3	3	HNAB503	09/09/2015 - 14/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	07		60	3	1	3	HNAA206	08/09/2015 - 13/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					6	1	3	HNAA205	11/09/2015 - 16/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020103	Pháp luật đại cương	08		61	2	6	3	HNAA303	07/09/2015 - 12/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					4	6	3	HNAA206	09/09/2015 - 14/10/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	09		38	2	6	3	HNAB504	07/09/2015 - 12/10/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
					5	6	3	HNAB205	10/09/2015 - 15/10/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
4020103	Pháp luật đại cương	10		41	2	1	3	HNAA404	07/09/2015 - 12/10/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
					4	1	3	HNAA405	09/09/2015 - 14/10/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
4020103	Pháp luật đại cương	11		36	3	9	3	HNAA405	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					5	6	3	HNAA405	05/11/2015 - 10/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	12		61	3	3	3	HNAB311	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					6	3	3	HNAB311	06/11/2015 - 11/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	13		41	2	6	3	HNAB311	02/11/2015 - 07/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					4	6	3	HNAB311	04/11/2015 - 09/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	14		44	2	1	3	HNAA406	02/11/2015 - 07/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					4	1	3	HNAA408	04/11/2015 - 09/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	15		62	3	9	3	HNAA406	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					5	6	3	HNAA408	05/11/2015 - 10/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	16		60	2	6	3	HNAA405	02/11/2015 - 07/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					4	8	3	HNAB206	04/11/2015 - 09/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	17		70	3	6	3	HNAA409	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					6	6	3	HNAA409	06/11/2015 - 11/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	18		69	3	1	3	HNAB303	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
					5	1	3	HNAB207	05/11/2015 - 10/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	19		40	3	6	3	HNAA408	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
					5	6	3	HNAB206	05/11/2015 - 10/12/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
4020103	Pháp luật đại cương	20		57	7	3	3	HNABG503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
4020103	Pháp luật đại cương	21		37	3	10	3	HNAA307	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
					5	10	3	HNAD503	05/11/2015 - 10/12/2015	0201-14	Đào Thị Tuyết
4020103	Pháp luật đại cương	24		161	6	8	3	HNABG306	23/10/2015 - 25/12/2015	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020103	Pháp luật đại cương	25		109	4	1	3	HNABG306	21/10/2015 - 23/12/2015	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	26		45	2	10	4	HNAB506	16/11/2015 - 04/01/2016	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020103	Pháp luật đại cương	27		68	7	6	4	HNAB401	21/11/2015 - 09/01/2016	0201-06	Nguyễn Thị Nụ
4020103	Pháp luật đại cương	28		47	7	6	4	HNAB307	21/11/2015 - 09/01/2016	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh
4020103	Pháp luật đại cương	29		41	5	10	3	HNAD402	10/12/2015 - 07/01/2016	0201-01	Nguyễn Bình Yên
					7	7	3	HNAB401	12/12/2015 - 09/01/2016	0201-01	Nguyễn Bình Yên
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	01		61	5	11	3	HNAA206	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
					6	11	3	HNAA307	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02		60	4	6	3	HNAD304	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					6	9	3	HNAB502	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	03		53	5	10	3	HNAD503	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					6	9	3	HNAB503	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	04		60	3	11	3	HNAB205	08/09/2015 - 13/10/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
					5	11	3	HNAB504	10/09/2015 - 15/10/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	06		60	2	9	3	HNAB502	07/09/2015 - 12/10/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
					4	9	3	HNAD303	09/09/2015 - 14/10/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	07		59	3	11	3	HNAD202	08/09/2015 - 13/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					4	11	3	HNAA207	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	09		59	4	9	3	HNAA406	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					6	1	3	HNAA307	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	10		61	3	3	3	HNAA203	08/09/2015 - 13/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					5	3	3	HNAA203	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	11		62	2	6	3	HNAA203	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
					4	6	3	HNAA204	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12		60	2	8	3	HNAA405	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					4	8	3	HNAA404	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	13		70	3	8	3	HNAA207	08/09/2015 - 13/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					5	8	3	HNAA207	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14		60	2	8	3	HNAA204	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
					4	8	3	HNAA205	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	15		61	2	1	3	HNAB404	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					6	1	3	HNAB404	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 0202)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16		45	3	10	3	HNAA305	08/09/2015 - 13/10/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
					6	8	3	HNAA307	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	17		61	2	1	3	HNAB205	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					4	3	3	HNAB502	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18		38	4	6	3	HNAB503	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					6	8	3	HNAA308	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	19		61	2	3	3	HNAA408	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
					3	3	3	HNAA403	08/09/2015 - 13/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20		34	2	6	3	HNAB502	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					5	9	3	HNAA307	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	21		60	3	1	3	HNAB501	08/09/2015 - 13/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					5	1	3	HNAB205	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22		60	2	3	3	HNAA206	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					5	3	3	HNAA303	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	23		60	5	8	3	HNAA206	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
					6	8	3	HNAA303	11/09/2015 - 16/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	25		70	3	8	3	HNAA409	08/09/2015 - 13/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
					5	3	3	HNAB207	10/09/2015 - 15/10/2015	0202-06	Lê Thị Yến
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26		71	2	9	3	HNAA409	07/09/2015 - 12/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					4	9	3	HNAB207	09/09/2015 - 14/10/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	27		51	3	9	3	HNAB205	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
					6	3	3	HNAA203	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28		58	2	8	3	HNAA205	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					4	8	3	HNAA206	04/11/2015 - 09/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29		30	4	9	3	HNAB503	04/11/2015 - 09/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					6	1	3	HNAB305	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30		41	3	1	3	HNAA308	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					6	11	3	HNAA205	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	31		37	4	11	3	HNAA203	04/11/2015 - 09/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
					6	11	3	HNAA206	06/11/2015 - 11/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 0202)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	32		60	5	3	3	HNAA303	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					6	3	3	HNAA305	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	33		60	3	6	3	HNAA306	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					5	6	3	HNAA203	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	34		60	4	3	3	HNAA205	04/11/2015 - 09/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					6	1	3	HNAA204	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	35		40	2	9	3	HNAA206	02/11/2015 - 07/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
					4	8	3	HNAA205	04/11/2015 - 09/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	36		60	2	3	3	HNAA303	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					3	1	3	HNAA205	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	37		60	3	3	3	HNAD403	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					5	3	3	HNAB202	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	38		45	3	9	3	HNAA402	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					5	9	3	HNAA402	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	39		56	2	1	3	HNAA306	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
					5	3	3	HNAA306	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-03	Trần Thị Phúc An
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	40		60	4	6	3	HNAA204	04/11/2015 - 09/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					6	6	3	HNAA206	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	41		47	3	8	3	HNAA206	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					5	8	3	HNAA307	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	42		42	2	9	3	HNAA306	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					4	9	3	HNAA307	04/11/2015 - 09/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	43		51	2	6	3	HNAA303	02/11/2015 - 07/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
					6	8	3	HNAA303	06/11/2015 - 11/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	44		33	5	11	3	HNAA205	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					6	11	3	HNAA203	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	45		60	2	1	3	HNAA404	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					4	1	3	HNAA407	04/11/2015 - 09/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	46		64	2	1	3	HNAA409	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					5	1	3	HNAB303	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	47		48	3	1	3	HNAD402	03/11/2015 - 08/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
					5	9	3	HNAB207	05/11/2015 - 10/12/2015	0201-03	Phan Ngọc Danh
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	48		39	3	11	3	HNAA206	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
					4	11	3	HNAA204	04/11/2015 - 09/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	49		37	2	6	3	HNAA406	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					3	9	3	HNAA408	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	50		21	6	8	3	HNAA404	06/11/2015 - 11/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					7	1	3	HNAB204	07/11/2015 - 12/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	51		28	2	9	3	HNAA406	02/11/2015 - 07/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
					5	9	3	HNAB305	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	57		60	3	6	3	HNAA405	03/11/2015 - 08/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
					5	6	3	HNAA402	05/11/2015 - 10/12/2015	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung
4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	58		49	7	6	3	HNAD101	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0202-01	Nguyễn Văn Sơn
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	01		41	4	7	2	HNBG104	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					6	8	2	HNBG104	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	02		40	6	6	4	HNBG105	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	03		47	3	4	2	HNBG205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					6	10	2	HNBA2	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	04		38	2	1	2	HNBD102	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					3	1	2	HNBG105	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	05		60	2	1	2	HNBG501	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
					4	1	2	HNBG106	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	06		63	7	6	4	HNAA204	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	07		56	2	4	2	HNBC2	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	07		56	2	10	2	HNAB306	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	08		32	5	7	2	HNBG105	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					6	1	2	HNBG105	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	09		61	3	4	2	HNAD303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-01	Phạm Công Thịnh
					5	1	2	HNAB202	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-01	Phạm Công Thịnh
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	10		60	3	4	2	HNAA208	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
					5	4	2	HNAD503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	11		70	2	4	2	HNAA409	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					6	4	2	HNAA409	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	12		60	3	10	2	HNAA304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					5	10	2	HNAA403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	13		60	3	3	2	HNAA408	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
					5	1	2	HNAA406	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	14		60	4	10	2	HNAD402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					5	11	2	HNAA405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	15		59	3	10	2	HNAB204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
					5	10	2	HNAB204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	16		59	4	8	2	HNAD204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					6	8	2	HNAB501	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	17		60	2	12	2	HNAA206	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	17		60	4	12	2	HNAA306	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	18		60	3	10	2	HNAB201	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
					5	10	2	HNAD403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	19		60	3	10	2	HNAB506	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					6	10	2	HNAB303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	20		64	3	6	2	HNAD503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					4	10	2	HNAD203	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	21		60	2	1	2	HNBG403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					4	4	2	HNBG508	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	22		58	2	6	2	HNBG503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
					4	6	2	HNBG502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	23		61	3	4	2	HNBG607	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
					5	4	2	HNBG205	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	25		52	3	11	2	HNBG507	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
					5	11	2	HNBG606	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	26		61	2	9	2	HNBG107	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
					6	9	2	HNBG107	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	27		29	2	4	2	HNBB2	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
					4	10	2	HNBG103	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	28		60	2	4	2	HNAA307	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	28		60	4	4	2	HNAA402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	29		60	2	8	2	HNAA307	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					5	4	2	HNAA307	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	30		61	4	4	2	HNAA403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
					6	4	2	HNAA402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	31		60	3	8	2	HNAA304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
					5	8	2	HNAA303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	32		61	4	2	2	HNAA304	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					6	2	2	HNAA303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	33		61	3	8	2	HNAA305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
					5	8	2	HNAA304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	34		60	3	4	2	HNAA304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					5	4	2	HNAA304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	35		24	2	2	2	HNBG107	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
					4	2	2	HNBD103	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	36		20	2	9	2	HNBG305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
					6	9	2	HNBG101	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	37		20	3	1	2	HNBG401	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
					4	2	2	HNBG507	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	39		60	2	2	2	HNAB507	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	39		60	4	2	2	HNAD502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-05	Lê Quốc Hiệp
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	40		60	3	8	2	HNAB405	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					6	6	2	HNAD303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	42		62	2	6	2	HNAA308	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
					4	6	2	HNAA402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm
4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	43		61	7	9	4	HNAB202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà
4030101	Phá vỡ đất đá bằng phương pháp khoan-nổ mìn + BTL	01		33	7	9	5	HNAA406	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0301-03	Lê Văn Quyền
4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	01		38	3	10	3	HNBD103	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
					7	9	3	HNBA3	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 05/12/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	02		24	6	8	3	HNBG607	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
					6	11	3	HNBG607	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	03		39	4	1	3	HNBG407	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0301-05	Lê Hữu Quỳnh
					6	1	3	HNBG407	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0301-05	Lê Hữu Quỳnh
4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	04		63	2	9	3	HNBG403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
					4	9	3	HNBG406	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	05		63	3	1	3	HNBG407	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0301-10	Vũ Đình Hiếu
					5	1	3	HNBG407	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0301-10	Vũ Đình Hiếu
4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	07		70	3	3	3	HNBG408	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
					5	3	3	HNBG408	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	08		60	2	9	3	HNBG407	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
					5	9	3	HNBG501	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
4030104	Khai thác quặng lộ thiên	02		24	4	6	3	HNBA3	04/11/2015 - 09/12/2015	0301-05	Lê Hữu Quỳnh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030104	Khai thác quặng lộ thiên	02		24	5	6	3	HNBA2	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-05	Lê Hữu Quỳnh
4030104	Khai thác quặng lộ thiên	03		32	5	1	3	HNBD102	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
					6	1	3	HNBD102	06/11/2015 - 11/12/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
4030104	Khai thác quặng lộ thiên	04		35	2	6	3	HNBG201	07/09/2015 - 12/10/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
					3	9	3	HNBB2	08/09/2015 - 13/10/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
4030104	Khai thác quặng lộ thiên	05		21	4	6	3	HNBA2	09/09/2015 - 14/10/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
					5	6	3	HNBG108	10/09/2015 - 15/10/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
4030104	Khai thác quặng lộ thiên	06		29	4	6	3	HNBD102	09/09/2015 - 14/10/2015	0301-10	Vũ Đình Hiếu
					5	6	3	HNBA2	10/09/2015 - 15/10/2015	0301-10	Vũ Đình Hiếu
4030105	Khai thác vật liệu xây dựng	01		41	3	1	3	HNBG602	08/09/2015 - 13/10/2015	0301-03	Lê Văn Quyền
					5	1	3	HNBG601	10/09/2015 - 15/10/2015	0301-03	Lê Văn Quyền
4030105	Khai thác vật liệu xây dựng	02		29	3	9	3	HNBG201	03/11/2015 - 08/12/2015	0301-03	Lê Văn Quyền
					6	9	3	HNBA3	06/11/2015 - 11/12/2015	0301-03	Lê Văn Quyền
4030105	Khai thác vật liệu xây dựng	03		29	3	9	3	HNBB2	03/11/2015 - 08/12/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
					5	9	3	HNBG107	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-06	Lê Thị Thu Hoa
4030105	Khai thác vật liệu xây dựng	06		58	3	6	3	HNBB2	08/09/2015 - 13/10/2015	0301-15	Lê Quý Thảo
					6	6	3	HNBG201	11/09/2015 - 16/10/2015	0301-15	Lê Quý Thảo
4030107	Ổn định bờ mỏ và sườn dốc	01		42	2	6	3	HNBA3	07/09/2015 - 12/10/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
					4	6	3	HNBA3	09/09/2015 - 14/10/2015	0301-16	Phạm Văn Việt
4030107	Ổn định bờ mỏ và sườn dốc	02		67	3	1	3	HNBB2	08/09/2015 - 13/10/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
					5	1	3	HNBB2	10/09/2015 - 15/10/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
4030107	Ổn định bờ mỏ và sườn dốc	05		25	3	9	3	HNBG305	03/11/2015 - 08/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
					5	9	3	HNBB2	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
4030107	Ổn định bờ mỏ và sườn dốc	06		18	2	1	3	HNBG102	02/11/2015 - 07/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
					6	1	3	HNBA2	06/11/2015 - 11/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	01		32	2	6	3	HNBC2	02/11/2015 - 07/12/2015	0301-14	Trần Quang Hiếu
					5	1	3	HNAB404	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-14	Trần Quang Hiếu
4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	02		42	2	9	3	HNBA3	07/09/2015 - 12/10/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	02		42	4	9	3	HNBA3	09/09/2015 - 14/10/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	03		43	4	9	3	HNBB2	09/09/2015 - 14/10/2015	0301-19	Đỗ Ngọc Hoàn
					6	1	3	HNBB2	11/09/2015 - 16/10/2015	0301-19	Đỗ Ngọc Hoàn
4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	06		25	2	6	3	HNBB2	02/11/2015 - 07/12/2015	0301-09	Nguyễn Đình An
					5	6	3	HNBB2	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-09	Nguyễn Đình An
4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	07		16	3	1	3	HNBG108	03/11/2015 - 08/12/2015	0301-07	Phạm Văn Hòa
					5	1	3	HNBA2	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-07	Phạm Văn Hòa
4030109	Kỹ thuật môi trường mỏ lộ thiên	01		62	7	6	3	HNAA409	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
4030110	Tin học ứng dụng trong khai thác lộ thiên	01		63	7	3	3	HNBG502	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0301-07	Phạm Văn Hòa
4030112	Thoát nước mỏ	01		88	7	9	3	HNAA207	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0301-15	Lê Quý Thảo
4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	01		41	4	1	3	HNBG303	09/09/2015 - 14/10/2015	0301-07	Phạm Văn Hòa
					6	3	3	HNBG303	11/09/2015 - 16/10/2015	0301-07	Phạm Văn Hòa
4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	02		61	4	6	3	HNBG602	04/11/2015 - 09/12/2015	0301-14	Trần Quang Hiếu
					6	6	3	HNBG602	06/11/2015 - 11/12/2015	0301-14	Trần Quang Hiếu
4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	03		63	7	3	3	HNBG501	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0301-09	Nguyễn Đình An
4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	01		62	2	6	3	HNAD402	07/09/2015 - 12/10/2015	0301-19	Đỗ Ngọc Hoàn
					5	6	3	HNAA208	10/09/2015 - 15/10/2015	0301-19	Đỗ Ngọc Hoàn
4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	02		152	7	6	3	HNBG202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0301-12	Lê Thị Minh Hạnh
4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	03		49	7	9	3	HNAD401	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0301-12	Lê Thị Minh Hạnh
4030118	Cơ sở khai thác mỏ	01		46	3	6	3	HNBG603	03/11/2015 - 08/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
					5	6	3	HNBG201	05/11/2015 - 10/12/2015	0301-20	Nguyễn Hoàng
4030202	Công nghệ khai thác than hầm lò	01		63	3	4	2	HNBG103	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0302-10	Đỗ Anh Sơn
					5	4	2	HNBG108	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0302-10	Đỗ Anh Sơn
4030203	Thông gió mỏ + BTL	01		43	3	1	3	HNBG406	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0302-07	Đặng Vũ Chí

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030203	Thông gió mỏ + BTL	01		43	5	1	3	HNBG406	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0302-07	Đặng Vũ Chí
4030203	Thông gió mỏ + BTL	02		27	2	6	3	HNBG403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0302-07	Đặng Vũ Chí
					4	6	3	HNBG406	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0302-07	Đặng Vũ Chí
4030203	Thông gió mỏ + BTL	03		60	2	1	3	HNBG406	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
					4	1	3	HNBG408	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
4030203	Thông gió mỏ + BTL	04		60	3	9	3	HNBG407	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
					6	9	3	HNBG406	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
4030203	Thông gió mỏ + BTL	05		39	4	3	3	HNBG501	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0302-02	Trần Xuân Hà
					6	3	3	HNBG408	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0302-02	Trần Xuân Hà
4030203	Thông gió mỏ + BTL	06		50	2	6	3	HNBG407	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0302-02	Trần Xuân Hà
					5	6	3	HNBG408	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0302-02	Trần Xuân Hà
4030203	Thông gió mỏ + BTL	07		37	4	8	3	HNBG201	25/11/2015 - 23/12/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
					5	8	3	HNBG103	26/11/2015 - 24/12/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
					6	3	3	HNBG602	27/11/2015 - 25/12/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
					7	3	3	HNBG408	28/11/2015 - 26/12/2015	0302-09	Nguyễn Cao Khải
4030204	Khai thác quặng hầm lò	01		70	3	6	3	HNBA3	08/09/2015 - 13/10/2015	0302-04	Đỗ Mạnh Phong
					6	6	3	HNBA3	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-04	Đỗ Mạnh Phong
4030204	Khai thác quặng hầm lò	02		60	2	1	3	HNBB2	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-04	Đỗ Mạnh Phong
					4	6	3	HNBB2	09/09/2015 - 14/10/2015	0302-04	Đỗ Mạnh Phong
4030204	Khai thác quặng hầm lò	03		65	2	6	3	HNBG608	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-14	Nguyễn Phi Hùng
					6	1	3	HNBG102	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-14	Nguyễn Phi Hùng
4030204	Khai thác quặng hầm lò	04		43	4	1	3	HNBA3	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-14	Nguyễn Phi Hùng
					6	9	3	HNBG205	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-14	Nguyễn Phi Hùng
4030204	Khai thác quặng hầm lò	05		35	2	9	3	HNBB2	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-21	Nguyễn Văn Quang
					6	6	3	HNBB2	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-21	Nguyễn Văn Quang
4030205	Điều khiển áp lực mỏ	01		42	2	6	3	HNBG402	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng
					6	6	3	HNBG406	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030205	Điều khiển áp lực mỏ	02		29	3	9	3	HNBG401	08/09/2015 - 13/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng
					5	9	3	HNBG408	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng
4030205	Điều khiển áp lực mỏ	03		60	4	6	3	HNBG407	09/09/2015 - 14/10/2015	0302-03	Vũ Đình Tiến
					6	6	3	HNBG407	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-03	Vũ Đình Tiến
4030205	Điều khiển áp lực mỏ	04		60	2	6	3	HNBG402	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-03	Vũ Đình Tiến
					4	9	3	HNBG407	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-03	Vũ Đình Tiến
4030205	Điều khiển áp lực mỏ	05		36	4	9	3	HNBG501	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-12	Phạm Đức Hưng
					6	9	3	HNBG408	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-12	Phạm Đức Hưng
4030205	Điều khiển áp lực mỏ	06		49	4	6	3	HNBG403	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-12	Phạm Đức Hưng
					6	6	3	HNBG403	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-12	Phạm Đức Hưng
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	01		34	2	1	3	HNBD103	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi
					3	1	3	HNBD103	03/11/2015 - 08/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	02		54	2	1	3	HNBA3	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
					5	1	3	HNBA3	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	03		60	4	1	3	HNBB2	09/09/2015 - 14/10/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
					6	6	3	HNBB2	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	04		44	3	6	3	HNBG107	08/09/2015 - 13/10/2015	0302-13	Đào Văn Chi
					5	9	3	HNBG508	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-13	Đào Văn Chi
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	05		32	3	9	3	HNBA3	03/11/2015 - 08/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi
					5	6	3	HNBA3	05/11/2015 - 10/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	06		23	4	9	3	HNBB2	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi
					6	9	3	HNBB2	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	07		26	2	6	3	HNBG305	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	07		26	4	6	3	HNBA2	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-13	Đào Văn Chi
4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	01		62	7	6	3	HNAA207	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	01		71	3	1	3	HNBA3	08/09/2015 - 13/10/2015	0302-05	Trần Văn Thanh
					5	6	3	HNBA3	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-05	Trần Văn Thanh
4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	02		61	2	6	3	HNBB2	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-05	Trần Văn Thanh
					5	9	3	HNBB2	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-05	Trần Văn Thanh
4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	03		22	3	1	3	HNBA2	08/09/2015 - 13/10/2015	0302-12	Phạm Đức Hưng
					5	6	3	HNBG106	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-12	Phạm Đức Hưng
4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	04		48	4	9	3	HNBA3	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-11	Vũ Trung Tiến
					5	1	3	HNBA3	05/11/2015 - 10/12/2015	0302-11	Vũ Trung Tiến
4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	05		24	4	6	3	HNBB2	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
					6	1	3	HNBB2	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	06		24	2	9	3	HNBG608	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
					4	9	3	HNBA2	04/11/2015 - 09/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
4030210	Tin học ứng dụng mỏ hầm lò	01		62	7	3	3	HNBG407	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	01		49	4	1	3	HNBA3	09/09/2015 - 14/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng
					6	1	3	HNBA3	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng
4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	02		33	2	9	3	HNBB2	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng
					6	9	3	HNBB2	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-17	Bùi Mạnh Tùng
4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	03		60	2	1	3	HNBG102	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-22	Lê Quang Phục
					5	1	3	HNBA2	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-22	Lê Quang Phục
4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	04		60	2	9	3	HNBA3	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-22	Lê Quang Phục
					5	9	3	HNBA3	05/11/2015 - 10/12/2015	0302-22	Lê Quang Phục
4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	05		22	3	1	3	HNBB2	03/11/2015 - 08/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
					5	1	3	HNBB2	05/11/2015 - 10/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	06		27	3	6	3	HNBG205	03/11/2015 - 08/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
					5	9	3	HNBG102	05/11/2015 - 10/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
4030221	Tiếng Anh chuyên ngành hầm lò	01		41	7	6	3	HNAB201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0302-03	Vũ Đình Tiến

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	01		153	7	1	3	HNBG202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0302-22	Lê Quang Phục
4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	02		80	7	9	3	HNBC2	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0302-15	Đặng Quang Hưng
4030223	Cơ sở thông gió	01		54	3	6	3	HNBG201	08/09/2015 - 13/10/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
					5	6	3	HNBG608	10/09/2015 - 15/10/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
4030223	Cơ sở thông gió	02		34	3	6	3	HNBG608	03/11/2015 - 08/12/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
					6	1	3	HNBG102	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh
4030225	Cơ sở khai thác mỏ	01		53	2	9	3	HNBG608	07/09/2015 - 12/10/2015	0302-14	Nguyễn Phi Hùng
					6	10	3	HNBG603	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-14	Nguyễn Phi Hùng
4030225	Cơ sở khai thác mỏ	02		56	4	3	3	HNBG606	09/09/2015 - 14/10/2015	0302-22	Lê Quang Phục
					6	6	3	HNBD103	11/09/2015 - 16/10/2015	0302-22	Lê Quang Phục
4030225	Cơ sở khai thác mỏ	03		45	5	1	3	HNAB206	05/11/2015 - 10/12/2015	0302-21	Nguyễn Văn Quang
					6	1	3	HNAB503	06/11/2015 - 11/12/2015	0302-21	Nguyễn Văn Quang
4030225	Cơ sở khai thác mỏ	04		56	2	6	3	HNAA404	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-21	Nguyễn Văn Quang
					3	1	3	HNAB205	03/11/2015 - 08/12/2015	0302-21	Nguyễn Văn Quang
4030356	Cơ học đá	01		55	7	2	4	HNAA203	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0303-06	Nguyễn Phúc Nhân
4030357	Đào chống lò	01		61	7	2	4	HNAB502	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0303-09	Đặng Trung Thành
4030358	Qui hoạch mặt mỏ	01		60	7	6	3	HNAB202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0303-05	Ngô Doãn Hào
4030402	Tuyển trọng lực	01		33	2	1	3	HNBG603	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
					4	1	3	HNBG201	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
4030402	Tuyển trọng lực	02		48	4	6	3	HNBG607	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0304-08	Vũ Thị Chinh
					6	6	3	HNBG506	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0304-08	Vũ Thị Chinh
4030403	Tuyển từ – tuyển điện	01		29	3	6	3	HNBG603	08/09/2015 - 13/10/2015	0304-07	Phạm Văn Luận
					5	6	3	HNBG601	10/09/2015 - 15/10/2015	0304-07	Phạm Văn Luận
4030403	Tuyển từ – tuyển điện	02		53	3	6	3	HNBG601	03/11/2015 - 08/12/2015	0304-07	Phạm Văn Luận
					5	6	3	HNBG601	05/11/2015 - 10/12/2015	0304-07	Phạm Văn Luận
4030405	Hóa tuyển	01		30	2	6	3	HNBG101	02/11/2015 - 07/12/2015	0304-09	Trần Trung Tới
					3	9	3	HNBG205	03/11/2015 - 08/12/2015	0304-09	Trần Trung Tới

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Tuyển khoáng (03 0304)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030406	Khử nước khử bụi	01		30	4	6	3	HNBG606	09/09/2015 - 14/10/2015	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn
					6	1	3	HNBG603	11/09/2015 - 16/10/2015	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn
4030406	Khử nước khử bụi	02		50	4	9	3	HNBG606	04/11/2015 - 09/12/2015	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung
					6	9	3	HNBG508	06/11/2015 - 11/12/2015	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung
4030409	Tiêu chuẩn phân tích	01		25	4	6	3	HNBC2	09/09/2015 - 14/10/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
					6	6	3	HNBG205	11/09/2015 - 16/10/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
4030412	Tin học chuyên ngành tuyển khoáng	01		41	2	8	3	HNAB405	07/09/2015 - 12/10/2015	0304-07	Phạm Văn Luận
					6	8	3	HNAB201	11/09/2015 - 16/10/2015	0304-07	Phạm Văn Luận
4030412	Tin học chuyên ngành tuyển khoáng	02		56	2	1	3	HNAB202	02/11/2015 - 07/12/2015	0304-12	Phạm Thanh Hải
					4	3	3	HNAA208	04/11/2015 - 09/12/2015	0304-12	Phạm Thanh Hải
4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	01		60	7	6	3	HNAB507	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung
4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	02		60	2	11	3	HNAB201	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung
4030415	Làm giàu nguyên liệu khoáng không kim loại	01		29	5	9	3	HNBG108	05/11/2015 - 10/12/2015	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn
					6	9	3	HNBG301	06/11/2015 - 11/12/2015	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn
4030416	Làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại	01		30	2	9	3	HNBG201	02/11/2015 - 07/12/2015	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn
					5	6	3	HNBD102	05/11/2015 - 10/12/2015	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn
4030417	Luyện kim	01		64	7	3	3	HNBG406	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0304-09	Trần Trung Tới
4030418	Thực tế tuyển than	01		25	3	6	3	HNBG108	08/09/2015 - 13/10/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
					5	6	3	HNBD102	10/09/2015 - 15/10/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
4030419	Chế biến tinh nguyên liệu khoáng	01		29	3	6	3	HNBB2	03/11/2015 - 08/12/2015	0304-05	Nguyễn Ngọc Phú
					4	9	3	HNBD103	04/11/2015 - 09/12/2015	0304-05	Nguyễn Ngọc Phú
4030420	Quản lý chất lượng sản phẩm	01		24	4	9	3	HNBG507	09/09/2015 - 14/10/2015	0304-12	Phạm Thanh Hải
					6	9	3	HNBA3	11/09/2015 - 16/10/2015	0304-12	Phạm Thanh Hải
4030421	Chế biến than	01		25	3	9	3	HNBG501	08/09/2015 - 13/10/2015	0304-05	Nguyễn Ngọc Phú
					5	9	3	HNBG601	10/09/2015 - 15/10/2015	0304-05	Nguyễn Ngọc Phú
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	01		60	2	9	3	HNAD503	07/09/2015 - 12/10/2015	0304-13	Phùng Tiến Thuật
					6	6	3	HNAB202	11/09/2015 - 16/10/2015	0304-13	Phùng Tiến Thuật
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	02		70	3	9	3	HNBG108	08/09/2015 - 13/10/2015	0304-13	Phùng Tiến Thuật

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Tuyển khoáng (03 0304)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	02		70	5	9	3	HNBG108	10/09/2015 - 15/10/2015	0304-13	Phùng Tiến Thuật
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	03		60	3	6	3	HNBB2	08/09/2015 - 13/10/2015	0304-09	Trần Trung Tới
					5	6	3	HNBB2	10/09/2015 - 15/10/2015	0304-09	Trần Trung Tới
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	04		61	4	9	3	HNBG503	09/09/2015 - 14/10/2015	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung
					6	9	3	HNBG501	11/09/2015 - 16/10/2015	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	05		61	2	6	3	HNBA3	02/11/2015 - 07/12/2015	0304-08	Vũ Thị Chinh
					3	6	3	HNBA3	03/11/2015 - 08/12/2015	0304-08	Vũ Thị Chinh
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	06		59	2	1	3	HNBB2	02/11/2015 - 07/12/2015	0304-13	Phùng Tiến Thuật
					4	1	3	HNBB2	04/11/2015 - 09/12/2015	0304-13	Phùng Tiến Thuật
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	07		60	3	9	3	HNBG608	03/11/2015 - 08/12/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
					5	6	3	HNBG108	05/11/2015 - 10/12/2015	0304-02	Phạm Hữu Giang
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	09		61	7	6	3	HNAD304	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0304-12	Phạm Thanh Hải
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	10		37	7	9	3	HNBG407	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0304-09	Trần Trung Tới
4030428	Thí nghiệm tuyển khoáng 1	01		34	3	1	3	HNBG201	08/09/2015 - 13/10/2015	0304-11	Lê Việt Hà
					5	1	3	HNBG608	10/09/2015 - 15/10/2015	0304-11	Lê Việt Hà
4030428	Thí nghiệm tuyển khoáng 1	02		45	4	9	3	HNBG407	09/09/2015 - 14/10/2015	0304-14	Phạm Thị Nhung
					6	9	3	HNBG407	11/09/2015 - 16/10/2015	0304-14	Phạm Thị Nhung
4030429	Thí nghiệm tuyển khoáng 2	01		41	4	6	3	HNBD102	04/11/2015 - 09/12/2015	0304-14	Phạm Thị Nhung
					6	6	3	HNBG301	06/11/2015 - 11/12/2015	0304-14	Phạm Thị Nhung
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	01		48	7	8	4	HNAA206	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0305-04	Nguyễn Việt Thắng
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	03		23	2	6	2	HNAB310	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0305-04	Nguyễn Việt Thắng
					5	11	2	HNAB505	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0305-04	Nguyễn Việt Thắng
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	05		70	4	4	2	HNAB506	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0305-06	Bùi Thị Thuyết
					6	4	2	HNAB303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0305-06	Bùi Thị Thuyết
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	06		46	4	9	2	HNAB506	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0305-06	Bùi Thị Thuyết
					6	8	2	HNAB303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0305-06	Bùi Thị Thuyết
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	07		48	2	1	2	HNAA408	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0305-04	Nguyễn Việt Thắng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Sức bền vật liệu (03 0305)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	07		48	4	2	2	HNAB205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0305-04	Nguyễn Viết Thắng
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	08		56	4	6	2	HNAB206	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
					6	6	2	HNAA403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	09		41	3	2	2	HNAA407	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
					5	1	2	HNAA404	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
4030504	Sức bền vật liệu B	01		41	2	8	3	HNAA208	07/09/2015 - 12/10/2015	0305-10	Trần Mạnh Tiến
					3	3	3	HNAB405	08/09/2015 - 13/10/2015	0305-10	Trần Mạnh Tiến
4030504	Sức bền vật liệu B	02		48	3	8	3	HNAB205	08/09/2015 - 13/10/2015	0305-04	Nguyễn Viết Thắng
					6	8	3	HNAD203	11/09/2015 - 16/10/2015	0305-04	Nguyễn Viết Thắng
4030504	Sức bền vật liệu B	03		60	5	1	3	HNAA408	05/11/2015 - 10/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
					6	1	3	HNAB502	06/11/2015 - 11/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
4030504	Sức bền vật liệu B	04		32	3	6	3	HNAB504	03/11/2015 - 08/12/2015	0305-10	Trần Mạnh Tiến
					5	9	3	HNAD202	05/11/2015 - 10/12/2015	0305-10	Trần Mạnh Tiến
4030504	Sức bền vật liệu B	06		40	3	1	3	HNAD204	08/09/2015 - 13/10/2015	0305-04	Nguyễn Viết Thắng
					5	1	3	HNAD202	10/09/2015 - 15/10/2015	0305-04	Nguyễn Viết Thắng
4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	01		67	2	1	2	HNAD402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0305-32	Nguyễn Văn Cận
					4	1	2	HNAD402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0305-32	Nguyễn Văn Cận
4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	02		70	4	9	2	HNAB310	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
					6	9	2	HNAB204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	03		51	2	9	2	HNAD204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
					5	8	2	HNAB405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	04		40	4	4	2	HNAD303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
					6	4	2	HNAD202	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	05		27	2	4	2	HNAB504	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
					5	1	2	HNAB501	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Mỏ

Bộ môn: Sức bền vật liệu (03 0305)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	06		55	3	6	2	HNAB201	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
					5	6	2	HNAB201	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
4030510	Cơ học kết cấu B	01		56	2	6	3	HNAD202	07/09/2015 - 12/10/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
					3	8	3	HNAD202	08/09/2015 - 13/10/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
4030510	Cơ học kết cấu B	02		60	3	8	3	HNAD503	03/11/2015 - 08/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
					6	8	3	HNAB507	06/11/2015 - 11/12/2015	0305-07	Đỗ Ngọc Tú
4030514	Cơ học môi trường liên tục	01		69	3	3	3	HNAD402	08/09/2015 - 13/10/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
					6	1	3	HNAB204	11/09/2015 - 16/10/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
4030514	Cơ học môi trường liên tục	02		59	4	1	3	HNAB405	09/09/2015 - 14/10/2015	0305-06	Bùi Thị Thuyết
					6	1	3	HNAB310	11/09/2015 - 16/10/2015	0305-06	Bùi Thị Thuyết
4030514	Cơ học môi trường liên tục	03		54	3	1	3	HNAD202	03/11/2015 - 08/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
					5	3	3	HNAB501	05/11/2015 - 10/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
4030514	Cơ học môi trường liên tục	04		52	2	6	3	HNAB201	02/11/2015 - 07/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
					6	1	3	HNAD202	06/11/2015 - 11/12/2015	0305-01	Dương Đức Hùng
4030515	Động lực học công trình	01		61	3	6	3	HNBG608	08/09/2015 - 13/10/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
					5	6	3	HNBG603	10/09/2015 - 15/10/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
4030515	Động lực học công trình	02		50	2	1	3	HNBG201	07/09/2015 - 12/10/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
					3	9	3	HNBG406	08/09/2015 - 13/10/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
4030515	Động lực học công trình	03		58	2	9	3	HNBG602	02/11/2015 - 07/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
					4	9	3	HNBG205	04/11/2015 - 09/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
4030515	Động lực học công trình	04		52	2	6	3	HNBG606	02/11/2015 - 07/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
					5	6	3	HNBG205	05/11/2015 - 10/12/2015	0305-02	Phạm Tuấn Long
4040101	Địa chất đại cương	01		41	3	8	2	HNAB503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
					5	8	2	HNAB503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
4040101	Địa chất đại cương	02		70	2	2	2	HNAB207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
					4	2	2	HNAB207	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
4040101	Địa chất đại cương	03		71	3	6	2	HNAA207	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
					5	6	2	HNAA207	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất

Bộ môn: Địa chất (04 0401)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040101	Địa chất đại cương	04		59	2	4	2	HNAA204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					4	4	2	HNAA204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040101	Địa chất đại cương	05		60	5	6	2	HNAA205	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					6	8	2	HNAA204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040101	Địa chất đại cương	06		40	3	9	2	HNAB502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					4	7	2	HNAB504	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040101	Địa chất đại cương	07		61	4	1	2	HNAB502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					6	1	2	HNAB205	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040101	Địa chất đại cương	08		49	2	7	2	HNAB206	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					3	4	2	HNAA407	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040101	Địa chất đại cương	09		59	2	2	2	HNAA305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0401-20	Đào Văn Nghiêm
					4	2	2	HNAA306	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0401-20	Đào Văn Nghiêm
4040101	Địa chất đại cương	10		60	4	6	2	HNAA305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0401-20	Đào Văn Nghiêm
					6	6	2	HNAA304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0401-20	Đào Văn Nghiêm
4040101	Địa chất đại cương	11		67	7	9	4	HNAD304	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0401-20	Đào Văn Nghiêm
4040102	Địa chất cơ sở	01		53	2	9	3	HNAB502	02/11/2015 - 07/12/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
					3	9	3	HNAB505	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
4040102	Địa chất cơ sở	03		42	4	9	3	HNAB202	09/09/2015 - 14/10/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
					6	9	3	HNAB205	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
4040102	Địa chất cơ sở	04		61	3	1	3	HNAA205	08/09/2015 - 13/10/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
					5	3	3	HNAA205	10/09/2015 - 15/10/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
4040102	Địa chất cơ sở	05		61	2	6	3	HNAA206	07/09/2015 - 12/10/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
					6	6	3	HNAA206	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp
4040102	Địa chất cơ sở	06		61	2	1	3	HNAA306	07/09/2015 - 12/10/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					5	3	3	HNAA306	10/09/2015 - 15/10/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất

Bộ môn: Địa chất (04 0401)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040102	Địa chất cơ sở	07		54	2	9	3	HNAA205	07/09/2015 - 12/10/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					4	9	3	HNAA206	09/09/2015 - 14/10/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040102	Địa chất cơ sở	08		60	4	1	3	HNAA308	04/11/2015 - 09/12/2015	0401-12	Phạm Nguyên Phương
					6	1	3	HNAA205	06/11/2015 - 11/12/2015	0401-12	Phạm Nguyên Phương
4040102	Địa chất cơ sở	09		52	2	6	3	HNAA206	02/11/2015 - 07/12/2015	0401-12	Phạm Nguyên Phương
					4	6	3	HNAA307	04/11/2015 - 09/12/2015	0401-12	Phạm Nguyên Phương
4040102	Địa chất cơ sở	10		48	3	1	3	HNAA206	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-12	Phạm Nguyên Phương
					5	8	3	HNAA406	05/11/2015 - 10/12/2015	0401-12	Phạm Nguyên Phương
4040102	Địa chất cơ sở	11		62	3	3	3	HNAA403	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
					5	1	3	HNAA206	05/11/2015 - 10/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
4040102	Địa chất cơ sở	12		36	2	6	3	HNAA306	02/11/2015 - 07/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
					4	8	3	HNAA404	04/11/2015 - 09/12/2015	0401-02	Ngô Thị Kim Chi
4040102	Địa chất cơ sở	13		60	5	3	3	HNAA404	05/11/2015 - 10/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					6	3	3	HNAA403	06/11/2015 - 11/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040102	Địa chất cơ sở	14		39	3	6	3	HNAA406	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
					5	9	3	HNAA408	05/11/2015 - 10/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	01		53	2	12	2	HNAA308	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0401-13	Ngô Xuân Thành
					6	12	2	HNAA402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0401-13	Ngô Xuân Thành
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	02		32	4	1	2	HNAD203	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					5	1	2	HNAA306	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	03		31	2	9	2	HNAB205	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					5	8	2	HNAA305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	04		40	2	8	2	HNAD502	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0401-13	Ngô Xuân Thành
					6	8	2	HNAD502	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0401-13	Ngô Xuân Thành
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	05		45	3	1	2	HNAB405	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0401-13	Ngô Xuân Thành
					6	4	2	HNAA208	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0401-13	Ngô Xuân Thành
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	06		59	3	6	2	HNAB405	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0401-10	Hoàng Văn Long

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất

Bộ môn: Địa chất (04 0401)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	06		59	6	6	2	HNAB506	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0401-10	Hoàng Văn Long
4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	01		36	5	10	3	HNAA304	10/09/2015 - 15/10/2015	0401-10	Hoàng Văn Long
					6	8	3	HNAB506	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-10	Hoàng Văn Long
4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	02		61	4	3	3	HNAD203	09/09/2015 - 14/10/2015	0401-10	Hoàng Văn Long
					6	1	3	HNAD202	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-10	Hoàng Văn Long
4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	03		38	3	9	3	HNAB504	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-20	Đào Văn Nghiêm
					6	9	3	HNAB205	06/11/2015 - 11/12/2015	0401-20	Đào Văn Nghiêm
4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	05		24	2	6	3	HNAD303	02/11/2015 - 07/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					3	6	3	HNAD302	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040106	Địa chất Việt Nam	01		27	3	9	3	HNBG602	08/09/2015 - 13/10/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					4	9	3	HNBG205	09/09/2015 - 14/10/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040106	Địa chất Việt Nam	02		33	2	1	3	HNBC2	07/09/2015 - 12/10/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					6	9	3	HNBG608	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040106	Địa chất Việt Nam	03		57	3	1	3	HNBG606	08/09/2015 - 13/10/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					6	3	3	HNBG103	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040106	Địa chất Việt Nam	04		61	5	3	3	HNBG603	05/11/2015 - 10/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					6	1	3	HNBG606	06/11/2015 - 11/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040106	Địa chất Việt Nam	05		60	4	8	3	HNAD304	04/11/2015 - 09/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
					6	8	3	HNAB503	06/11/2015 - 11/12/2015	0401-06	Trần Thanh Hải
4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	01		57	5	8	3	HNAD202	10/09/2015 - 15/10/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
					6	1	3	HNAB504	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	02		56	4	6	3	HNAD302	09/09/2015 - 14/10/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
					6	6	3	HNAB502	11/09/2015 - 16/10/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	03		38	3	1	3	HNAB404	08/09/2015 - 13/10/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
					5	1	3	HNAB404	10/09/2015 - 15/10/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	04		40	3	3	3	HNAB507	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
					6	1	3	HNAB204	06/11/2015 - 11/12/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	05		30	3	8	3	HNAB404	03/11/2015 - 08/12/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo
					6	8	3	HNAB404	06/11/2015 - 11/12/2015	0401-17	Phí Thị Phương Thảo

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất

Bộ môn: Địa chất (04 0401)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	06		60	7	3	3	HNBG403	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0401-07	Hạ Văn Hải
4040108	Địa chất biển đại cương	01		61	7	6	3	HNAD303	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0401-10	Hoàng Văn Long
4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	01		65	7	6	3	HNAD302	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0401-07	Hạ Văn Hải
4040110	Địa mạo cảnh quan	01		72	7	6	3	HNBG108	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng
4040202	Toán địa chất	01		60	2	6	3	HNBG506	07/09/2015 - 12/10/2015	0402-06	Bùi Hoàng Bắc
					5	6	3	HNBG508	10/09/2015 - 15/10/2015	0402-06	Bùi Hoàng Bắc
4040202	Toán địa chất	02		65	3	6	3	HNBG506	03/11/2015 - 08/12/2015	0402-08	Khương Thế Hùng
					5	6	3	HNBG503	05/11/2015 - 10/12/2015	0402-08	Khương Thế Hùng
4040202	Toán địa chất	03		62	7	6	3	HNBG107	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0402-08	Khương Thế Hùng
4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	01		35	3	1	3	HNBG603	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng
					5	1	3	HNBG602	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng
4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	02		36	2	6	3	HNBG507	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng
					4	6	3	HNBG603	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng
4040205	Tin ứng dụng trong Địa chất	01		57	5	10	3	HNAB307	10/09/2015 - 15/10/2015	0402-08	Khương Thế Hùng
					6	7	3	HNAB307	11/09/2015 - 16/10/2015	0402-08	Khương Thế Hùng
4040205	Tin ứng dụng trong Địa chất	02		48	3	9	3	HNBG108	03/11/2015 - 08/12/2015	0402-11	Đỗ Mạnh An
					6	9	3	HNAB307	06/11/2015 - 11/12/2015	0402-11	Đỗ Mạnh An
4040206	Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng trong địa chất (GIS)	01		62	7	6	3	HNAD204	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0402-13	Nguyễn Duy Hưng
4040207	Địa chất mỏ	01		61	2	3	3	HNBD103	07/09/2015 - 12/10/2015	0402-05	Nguyễn Trọng Toàn
					6	3	3	HNBG301	11/09/2015 - 16/10/2015	0402-05	Nguyễn Trọng Toàn
4040207	Địa chất mỏ	02		51	3	9	3	HNBG603	08/09/2015 - 13/10/2015	0402-07	Phan Viết Sơn
					5	9	3	HNBG205	10/09/2015 - 15/10/2015	0402-07	Phan Viết Sơn
4040207	Địa chất mỏ	03		43	3	1	3	HNBG602	03/11/2015 - 08/12/2015	0402-13	Nguyễn Duy Hưng
					5	6	3	HNBG508	05/11/2015 - 10/12/2015	0402-13	Nguyễn Duy Hưng
4040207	Địa chất mỏ	04		38	3	1	3	HNAB501	03/11/2015 - 08/12/2015	0402-08	Khương Thế Hùng
					4	1	3	HNAB501	04/11/2015 - 09/12/2015	0402-08	Khương Thế Hùng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
Bộ môn: Tìm kiếm thăm dò (04 0402)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040218	Luật khoáng sản và luật môi trường	01		60	7	6	3	HNBG106	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0402-05	Nguyễn Trọng Toàn
4040218	Luật khoáng sản và luật môi trường	02		23	7	9	3	HNBG106	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0402-05	Nguyễn Trọng Toàn
4040301	Tinh thể khoáng vật + TN	01		59	2	2	2	HNAA204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
					4	2	2	HNAA204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
4040301	Tinh thể khoáng vật + TN	02		60	3	6	2	HNAA205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
					6	6	2	HNAA205	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
4040301	Tinh thể khoáng vật + TN	03		26	2	8	2	HNAB505	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0403-02	Nguyễn Văn Bình
					6	9	2	HNAA407	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0403-02	Nguyễn Văn Bình
4040301	Tinh thể khoáng vật + TN	04		56	2	4	2	HNAA305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0403-02	Nguyễn Văn Bình
					4	4	2	HNAA306	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0403-02	Nguyễn Văn Bình
4040303	Khoáng vật sét	01		60	7	6	3	HNAD203	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
4040303	Khoáng vật sét	02		26	3	11	3	HNAD304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
4040304	Thạch học 1 + TN	01		43	3	11	3	HNAB502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0403-01	Phạm Thị Vân Anh
					5	11	3	HNAB502	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0403-01	Phạm Thị Vân Anh
4040305	Thạch học 2	01		54	2	6	3	HNAD204	07/09/2015 - 12/10/2015	0403-04	Lê Tiến Dũng
					5	1	3	HNAB502	10/09/2015 - 15/10/2015	0403-04	Lê Tiến Dũng
4040310	Địa hoá	01		68	3	1	3	HNAB303	08/09/2015 - 13/10/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
					5	3	3	HNAD402	10/09/2015 - 15/10/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
4040310	Địa hoá	02		64	2	6	3	HNAB502	02/11/2015 - 07/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
					4	9	3	HNAB504	04/11/2015 - 09/12/2015	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng
4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	01		45	2	9	3	HNAA306	07/09/2015 - 12/10/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành
					4	9	3	HNAB206	09/09/2015 - 14/10/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành
4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	02		69	3	3	3	HNAB207	08/09/2015 - 13/10/2015	0403-16	Đặng Thị Vinh
					6	3	3	HNAB207	11/09/2015 - 16/10/2015	0403-16	Đặng Thị Vinh
4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	03		69	2	6	3	HNAA409	07/09/2015 - 12/10/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành
					4	6	3	HNAB207	09/09/2015 - 14/10/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
Bộ môn: Khoáng thạch - Địa hóa (04 0403)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	04		24	4	3	3	HNAB305	09/09/2015 - 14/10/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành
					5	6	3	HNAA408	10/09/2015 - 15/10/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành
4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	05		29	3	9	3	HNAB501	03/11/2015 - 08/12/2015	0403-16	Đặng Thị Vinh
					4	6	3	HNAB503	04/11/2015 - 09/12/2015	0403-16	Đặng Thị Vinh
4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	06		52	3	1	3	HNAD203	03/11/2015 - 08/12/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành
					6	1	3	HNAD503	06/11/2015 - 11/12/2015	0403-12	Nguyễn Trung Thành
4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	07		46	2	9	3	HNAA409	02/11/2015 - 07/12/2015	0403-16	Đặng Thị Vinh
					5	1	3	HNAB505	05/11/2015 - 10/12/2015	0403-16	Đặng Thị Vinh
4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	01		29	2	12	2	HNAA304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0404-05	Lê Thị Thu
					3	10	2	HNAB405	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0404-05	Lê Thị Thu
4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	02		69	3	4	2	HNAB506	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
					6	4	2	HNAB506	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	03		52	3	9	2	HNAB507	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
					6	9	2	HNAA408	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	04		22	2	6	2	HNAB507	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0404-05	Lê Thị Thu
					6	6	2	HNAD402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0404-05	Lê Thị Thu
4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	05		18	3	6	2	HNBG101	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0404-05	Lê Thị Thu
					6	9	2	HNBG606	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0404-05	Lê Thị Thu
4040402	Các mỏ khoáng kim loại + TH	01		37	3	4	2	HNBG102	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0404-07	Hoàng Thị Thoa
					6	4	2	HNBG305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0404-07	Hoàng Thị Thoa
4040403	Các mỏ khoáng không kim loại +TH	01		34	5	10	4	HNAB401	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 17/12/2015	0404-05	Lê Thị Thu
4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	01		33	3	6	3	HNBG601	08/09/2015 - 13/10/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
					6	6	3	HNBG503	11/09/2015 - 16/10/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	02		38	3	11	3	HNBG506	03/11/2015 - 08/12/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
					5	9	3	HNBG601	05/11/2015 - 10/12/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
4040411	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	01		35	2	1	3	HNBG507	07/09/2015 - 12/10/2015	0404-04	Trần Bình Chư

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất

Bộ môn: Khoáng sản (04 0404)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040411	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	01		35	4	1	3	HNBG506	09/09/2015 - 14/10/2015	0404-04	Trần Bình Chư
4040411	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	02		35	2	9	3	HNBG502	02/11/2015 - 07/12/2015	0404-04	Trần Bình Chư
					4	9	3	HNBG602	04/11/2015 - 09/12/2015	0404-04	Trần Bình Chư
4040413	Khoáng sản Việt Nam	01		62	7	6	3	HNAD202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0404-02	Nguyễn Quang Luật
4040502	Cơ học đất	01		61	2	4	2	HNBG407	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-11	Nguyễn Văn Phóng
					4	4	2	HNBG507	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-11	Nguyễn Văn Phóng
4040502	Cơ học đất	02		49	3	8	2	HNBG508	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-11	Nguyễn Văn Phóng
					5	8	2	HNBG507	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-11	Nguyễn Văn Phóng
4040502	Cơ học đất	03		70	5	4	2	HNAA208	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-20	Dương Bình
					6	4	2	HNAB310	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0405-20	Dương Bình
4040502	Cơ học đất	04		64	3	8	2	HNAD403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-20	Dương Bình
					5	8	2	HNAB204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-20	Dương Bình
4040502	Cơ học đất	05		55	3	6	2	HNAD204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-22	Nguyễn Thành Dương
					5	6	2	HNAB202	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-22	Nguyễn Thành Dương
4040502	Cơ học đất	06		54	4	2	2	HNAB404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-22	Nguyễn Thành Dương
					6	2	2	HNAD304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0405-22	Nguyễn Thành Dương
4040502	Cơ học đất	07		45	3	4	2	HNAB310	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-20	Dương Bình
					4	4	2	HNAD304	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-20	Dương Bình
4040502	Cơ học đất	08		41	2	9	2	HNAD302	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-22	Nguyễn Thành Dương
					3	10	2	HNAA403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-22	Nguyễn Thành Dương
4040504	Nền và móng	01		60	3	1	3	HNBG103	08/09/2015 - 13/10/2015	0405-20	Dương Bình
					4	1	3	HNBG103	09/09/2015 - 14/10/2015	0405-20	Dương Bình
4040505	Cơ học đá	01		48	3	6	3	HNBG507	08/09/2015 - 13/10/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn
					5	6	3	HNBG503	10/09/2015 - 15/10/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn
4040505	Cơ học đá	02		52	2	6	3	HNBG502	07/09/2015 - 12/10/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040505	Cơ học đá	02		52	4	6	3	HNBG508	09/09/2015 - 14/10/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn
4040505	Cơ học đá	03		43	2	3	3	HNBG508	02/11/2015 - 07/12/2015	0405-19	Vũ Thái Linh
					4	1	3	HNBG607	04/11/2015 - 09/12/2015	0405-19	Vũ Thái Linh
4040505	Cơ học đá	04		37	4	6	3	HNBG501	04/11/2015 - 09/12/2015	0405-19	Vũ Thái Linh
					6	6	3	HNBG503	06/11/2015 - 11/12/2015	0405-19	Vũ Thái Linh
4040506	Địa chất động lực công trình	01		40	4	4	2	HNBG601	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-06	Nguyễn Viết Tinh
					6	4	2	HNBG508	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0405-06	Nguyễn Viết Tinh
4040506	Địa chất động lực công trình	02		40	2	6	2	HNBG508	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-06	Nguyễn Viết Tinh
					5	6	2	HNBG507	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-06	Nguyễn Viết Tinh
4040507	Vật liệu xây dựng +TN	01		56	2	2	2	HNBG506	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-09	Phạm Minh Tuấn
					4	2	2	HNBG603	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-09	Phạm Minh Tuấn
4040507	Vật liệu xây dựng +TN	02		43	3	6	2	HNBG503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-12	Nguyễn Thị Nụ
					5	6	2	HNBG506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-12	Nguyễn Thị Nụ
4040508	Công trình xây dựng	01		59	2	1	3	HNAB504	07/09/2015 - 12/10/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn
					4	1	3	HNAA408	09/09/2015 - 14/10/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn
4040508	Công trình xây dựng	02		60	2	6	3	HNAA407	02/11/2015 - 07/12/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn
					5	6	3	HNAB505	05/11/2015 - 10/12/2015	0405-10	Bùi Trường Sơn
4040509	Tin học ứng dụng trong địa chất công trình	01		60	3	1	3	HNBG601	08/09/2015 - 13/10/2015	0405-21	Bùi Bình
					5	1	3	HNBG508	10/09/2015 - 15/10/2015	0405-21	Bùi Bình
4040509	Tin học ứng dụng trong địa chất công trình	02		50	2	6	3	HNBG501	02/11/2015 - 07/12/2015	0405-21	Bùi Bình
					4	6	3	HNBG408	04/11/2015 - 09/12/2015	0405-21	Bùi Bình
4040512	Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình	01		63	3	4	2	HNBG407	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-03	Lê Trọng Thắng
					5	4	2	HNBG506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-03	Lê Trọng Thắng
4040512	Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình	02		40	2	8	2	HNBG503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-05	Tô Xuân Vu

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040512	Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình	02		40	4	8	2	HNBG601	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-05	Tô Xuân Vu
4040513	Khảo sát địa chất công trình	01		62	3	1	3	HNBG601	03/11/2015 - 08/12/2015	0405-03	Lê Trọng Thắng
					5	1	3	HNBG508	05/11/2015 - 10/12/2015	0405-03	Lê Trọng Thắng
4040513	Khảo sát địa chất công trình	02		44	3	6	3	HNBG408	03/11/2015 - 08/12/2015	0405-05	Tô Xuân Vu
					5	9	3	HNBG508	05/11/2015 - 10/12/2015	0405-05	Tô Xuân Vu
4040516	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật	01		26	2	3	3	HNBG504	02/11/2015 - 07/12/2015	0405-23	Nguyễn Ngọc Dũng
					4	1	3	HNBG504	04/11/2015 - 09/12/2015	0405-23	Nguyễn Ngọc Dũng
4040516	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật	02		40	3	1	3	HNBG504	08/09/2015 - 13/10/2015	0405-19	Vũ Thái Linh
					5	1	3	HNBG504	10/09/2015 - 15/10/2015	0405-19	Vũ Thái Linh
4040516	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật	03		40	5	6	3	HNBG502	05/11/2015 - 10/12/2015	0405-16	Phạm Thị Việt Nga
					6	6	3	HNBG501	06/11/2015 - 11/12/2015	0405-16	Phạm Thị Việt Nga
4040519	Địa chất công trình	01		50	7	6	4	HNAA303	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0405-21	Bùi Bình
4040519	Địa chất công trình	03		48	2	9	2	HNAA303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-23	Nguyễn Ngọc Dũng
					4	10	2	HNAA407	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-23	Nguyễn Ngọc Dũng
4040519	Địa chất công trình	04		61	3	10	2	HNAB503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
					5	8	2	HNAD304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
4040519	Địa chất công trình	05		39	3	4	2	HNAB404	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
					5	6	2	HNAB404	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
4040519	Địa chất công trình	06		44	2	6	2	HNAB506	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
					4	6	2	HNAD402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
4040519	Địa chất công trình	07		40	2	8	2	HNAD403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-12	Nguyễn Thị Nụ
					6	6	2	HNAA303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0405-12	Nguyễn Thị Nụ
4040519	Địa chất công trình	08		33	4	10	2	HNAB501	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0405-12	Nguyễn Thị Nụ

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất

Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040519	Địa chất công trình	08		33	6	10	2	HNAB501	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0405-12	Nguyễn Thị Nụ
4040519	Địa chất công trình	09		40	2	10	3	HNBG102	07/12/2015 - 04/01/2016	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
					3	7	3	HNAA407	08/12/2015 - 05/01/2016	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
					6	7	3	HNBG506	11/12/2015 - 08/01/2016	0405-24	Nguyễn Văn Hùng
4040521	Đất đá xây dựng +TN	01		39	2	4	2	HNAD302	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-02	Đỗ Minh Toàn
					5	4	2	HNAB404	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-02	Đỗ Minh Toàn
4040521	Đất đá xây dựng +TN	02		38	2	8	2	HNAB404	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0405-02	Đỗ Minh Toàn
					5	10	2	HNAB201	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0405-02	Đỗ Minh Toàn
4040601	Địa chất thủy văn đại cương	01		61	4	4	2	HNAB505	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
					6	4	2	HNAB502	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
4040601	Địa chất thủy văn đại cương	02		54	2	9	2	HNAB206	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
					5	9	2	HNAD203	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
4040601	Địa chất thủy văn đại cương	03		39	2	1	2	HNAA208	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
					5	1	2	HNAB201	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
4040601	Địa chất thủy văn đại cương	04		41	2	6	2	HNAB505	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
					5	6	2	HNAB503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
4040606	Cấp nước và xử lý nước cấp	01		47	3	4	2	HNBG201	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0406-09	Vũ Thu Hiền
					5	4	2	HNBG305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0406-09	Vũ Thu Hiền
4040606	Cấp nước và xử lý nước cấp	02		32	3	9	2	HNBA2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0406-09	Vũ Thu Hiền
					6	9	2	HNBD103	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0406-09	Vũ Thu Hiền
4040607	Thủy địa hóa và nước khoáng	01		36	3	2	2	HNBG607	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
					6	1	2	HNBG602	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
4040607	Thủy địa hóa và nước khoáng	02		36	3	9	2	HNBG507	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040607	Thủy địa hóa và nước khoáng	02		36	4	9	2	HNBG603	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
4040609	Các phương pháp điều tra địa chất thủy văn	01		35	3	6	3	HNBG602	08/09/2015 - 13/10/2015	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy
					5	3	3	HNBG606	10/09/2015 - 15/10/2015	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy
4040609	Các phương pháp điều tra địa chất thủy văn	02		35	3	6	3	HNBG507	03/11/2015 - 08/12/2015	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy
					6	9	3	HNBG507	06/11/2015 - 11/12/2015	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy
4040610	Địa chất thủy văn chuyên môn	01		40	3	9	3	HNBG608	08/09/2015 - 13/10/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
					6	6	3	HNBC2	11/09/2015 - 16/10/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
4040610	Địa chất thủy văn chuyên môn	02		37	3	6	3	HNBA2	03/11/2015 - 08/12/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
					6	6	3	HNBD103	06/11/2015 - 11/12/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
4040612	Địa chất thủy văn Việt Nam	01		37	2	3	3	HNBG601	07/09/2015 - 12/10/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
					4	1	3	HNBG607	09/09/2015 - 14/10/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
4040612	Địa chất thủy văn Việt Nam	02		37	2	8	3	HNBG506	02/11/2015 - 07/12/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
					5	8	3	HNBG602	05/11/2015 - 10/12/2015	0406-03	Nguyễn Văn Lâm
4040613	Đánh giá trữ lượng nước dưới đất	01		41	3	1	3	HNBC1	08/09/2015 - 13/10/2015	0406-30	Nguyễn Tuấn Tiến
					5	1	3	HNBC1	10/09/2015 - 15/10/2015	0406-30	Nguyễn Tuấn Tiến
4040613	Đánh giá trữ lượng nước dưới đất	02		35	2	8	3	HNBD102	02/11/2015 - 07/12/2015	0406-30	Nguyễn Tuấn Tiến
					5	1	3	HNBC2	05/11/2015 - 10/12/2015	0406-30	Nguyễn Tuấn Tiến
4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	01		41	3	1	2	HNBC2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0406-16	Nguyễn Hữu Mạnh
					5	4	2	HNBG103	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0406-16	Nguyễn Hữu Mạnh
4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	02		63	2	1	2	HNAB506	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0406-11	Trần Vũ Long
					6	2	2	HNAB303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0406-11	Trần Vũ Long
4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	03		53	3	6	2	HNAA204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0406-15	Đào Đức Bằng
					5	4	2	HNAA403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0406-15	Đào Đức Bằng
4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	04		43	2	9	2	HNAB504	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0406-11	Trần Vũ Long

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	04		43	4	9	2	HNAA208	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0406-11	Trần Vũ Long
4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	05		59	3	4	2	HNAB502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0406-15	Đào Đức Bằng
					6	4	2	HNAB503	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0406-15	Đào Đức Bằng
4040617	Địa chất thủy văn	01		55	4	6	3	HNAB204	09/09/2015 - 14/10/2015	0406-14	Trần Quang Tuấn
					6	7	3	HNAD302	11/09/2015 - 16/10/2015	0406-14	Trần Quang Tuấn
4040617	Địa chất thủy văn	02		47	4	9	3	HNAB504	09/09/2015 - 14/10/2015	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy
					6	3	3	HNAD303	11/09/2015 - 16/10/2015	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy
4040617	Địa chất thủy văn	03		38	2	9	3	HNAB501	07/09/2015 - 12/10/2015	0406-14	Trần Quang Tuấn
					4	9	3	HNAD304	09/09/2015 - 14/10/2015	0406-14	Trần Quang Tuấn
4040617	Địa chất thủy văn	04		53	2	1	3	HNAB504	02/11/2015 - 07/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
					4	1	3	HNAB405	04/11/2015 - 09/12/2015	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy
4040617	Địa chất thủy văn	05		55	5	1	3	HNAB503	05/11/2015 - 10/12/2015	0406-14	Trần Quang Tuấn
					6	1	3	HNAB310	06/11/2015 - 11/12/2015	0406-14	Trần Quang Tuấn
4040617	Địa chất thủy văn	06		27	3	1	3	HNAA204	03/11/2015 - 08/12/2015	0406-15	Đào Đức Bằng
					6	1	3	HNAB404	06/11/2015 - 11/12/2015	0406-15	Đào Đức Bằng
4040617	Địa chất thủy văn	07		40	4	7	3	HNBG406	09/12/2015 - 06/01/2016	0406-15	Đào Đức Bằng
					5	7	3	HNAB401	10/12/2015 - 07/01/2016	0406-15	Đào Đức Bằng
4040636	Thoát nước công trình ngầm và mỏ	01		60	7	6	3	HNAB505	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0406-14	Trần Quang Tuấn
4040701	Công nghệ vật liệu vô cơ và silicat	01		21	2	1	3	HNAB502	07/09/2015 - 12/10/2015	0407-04	Tạ Thị Toán
					6	1	3	HNAA406	11/09/2015 - 16/10/2015	0407-04	Tạ Thị Toán
4040702	Nhiên liệu khoáng	01		39	4	3	3	HNBG606	04/11/2015 - 09/12/2015	0407-02	Nguyễn Văn Cần
					6	3	3	HNBG603	06/11/2015 - 11/12/2015	0407-02	Nguyễn Văn Cần
4040710	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất phân bón	01		33	3	9	2	HNBC2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0407-10	Nguyễn Khắc Du
					4	11	2	HNBG603	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0407-10	Nguyễn Khắc Du
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	01		60	3	6	2	HNAD303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-08	Đinh Thị Lệ Hà
					5	6	2	HNAD204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0501-08	Đinh Thị Lệ Hà

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	02		31	3	4	2	HNBD102	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-06	Hoàng Thị Minh Hương
					4	4	2	HNBG405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-06	Hoàng Thị Minh Hương
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	03		57	3	4	2	HNAB204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-15	Trần Thùy Linh
					5	4	2	HNAD502	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0501-15	Trần Thùy Linh
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	05		60	2	9	2	HNAB201	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0501-11	Nguyễn Hà
					6	6	2	HNAB405	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-11	Nguyễn Hà
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	06		61	4	8	2	HNAD502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-01	Trần Khánh
					6	8	2	HNAD204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-01	Trần Khánh
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	07		21	3	1	2	HNAB503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-03	Nguyễn Quang Phúc
					6	1	2	HNAD302	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-03	Nguyễn Quang Phúc
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	08		59	4	1	2	HNAB507	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-04	Trần Viết Tuấn
					6	1	2	HNAD303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-04	Trần Viết Tuấn
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	09		59	4	8	2	HNAD503	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-08	Đinh Thị Lệ Hà
					6	9	2	HNAB505	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-08	Đinh Thị Lệ Hà
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	10		25	4	4	2	HNAD204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-02	Nguyễn Quang Thắng
					6	4	2	HNAB505	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-02	Nguyễn Quang Thắng
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	11		24	5	4	2	HNBG508	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0501-06	Hoàng Thị Minh Hương
					6	4	2	HNBG607	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-06	Hoàng Thị Minh Hương
4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	12		59	3	1	2	HNAD302	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-04	Trần Viết Tuấn
					5	2	2	HNAD303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0501-04	Trần Viết Tuấn
4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	01		59	5	9	3	HNBD102	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0501-11	Nguyễn Hà
					6	11	3	HNBD103	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0501-11	Nguyễn Hà

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	02		61	4	1	3	HNBC2	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0501-07	Nguyễn Việt Hà
					5	1	3	HNBD103	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0501-07	Nguyễn Việt Hà
4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	03		24	2	9	3	HNBG102	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0501-03	Nguyễn Quang Phúc
					3	9	3	HNBG301	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0501-03	Nguyễn Quang Phúc
4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	04		29	2	1	3	HNBG108	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0501-02	Nguyễn Quang Thắng
					6	1	3	HNBC2	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0501-02	Nguyễn Quang Thắng
4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	05		61	2	6	3	HNBG107	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0501-09	Phạm Quốc Khánh
					6	6	3	HNBG103	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0501-09	Phạm Quốc Khánh
4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	01		28	3	4	2	HNBA3	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-04	Trần Viết Tuấn
					4	4	2	HNBA3	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-04	Trần Viết Tuấn
4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	02		60	4	10	2	HNBG601	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-09	Phạm Quốc Khánh
					5	10	2	HNBG507	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0501-09	Phạm Quốc Khánh
4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	03		32	2	4	2	HNBA3	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0501-09	Phạm Quốc Khánh
					4	4	2	HNBB2	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-09	Phạm Quốc Khánh
4050106	Quan trắc biến dạng công trình	01		35	2	1	3	HNBG106	07/09/2015 - 12/10/2015	0501-10	Lê Đức Tình
					3	3	3	HNBC2	08/09/2015 - 13/10/2015	0501-10	Lê Đức Tình
4050106	Quan trắc biến dạng công trình	02		33	7	6	3	HNAB504	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0501-14	Nguyễn Thị Kim Thanh
4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	01		60	2	4	2	HNBG507	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0501-06	Hoàng Thị Minh Hương
					6	2	2	HNBG205	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-06	Hoàng Thị Minh Hương
4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	02		52	4	6	2	HNBG608	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0501-14	Nguyễn Thị Kim Thanh
					6	6	2	HNBG508	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-14	Nguyễn Thị Kim Thanh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	03		44	2	8	2	HNBG508	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0501-15	Trần Thùy Linh
					5	7	2	HNBG606	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0501-15	Trần Thùy Linh
4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	01		49	3	4	2	HNBG502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-07	Nguyễn Việt Hà
					6	4	2	HNBG606	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-07	Nguyễn Việt Hà
4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	02		49	3	6	2	HNBG508	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-01	Trần Khánh
					5	6	2	HNBG602	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0501-01	Trần Khánh
4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	03		41	3	2	2	HNBG305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0501-07	Nguyễn Việt Hà
					6	1	2	HNBG301	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0501-07	Nguyễn Việt Hà
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	01		56	3	1	3	HNAD502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0502-10	Lê Minh Tá
					5	1	3	HNAD502	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0502-10	Lê Minh Tá
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	03		60	2	6	3	HNAD503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm
					6	8	3	HNAD503	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	04		61	2	1	3	HNAD202	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm
					4	1	3	HNAD204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	05		33	4	6	3	HNAD403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0502-14	Nguyễn Gia Trọng
					6	6	3	HNAD403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0502-14	Nguyễn Gia Trọng
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	06		25	2	9	3	HNAD202	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0502-09	Nguyễn Văn Sáng
					5	9	3	HNAB310	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0502-09	Nguyễn Văn Sáng
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	07		32	2	1	3	HNAD303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0502-08	Dương Văn Phong
					5	1	3	HNAD203	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0502-08	Dương Văn Phong
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	08		60	4	3	3	HNAD302	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0502-10	Lê Minh Tá
					6	3	3	HNAD302	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0502-10	Lê Minh Tá

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa cao cấp (05 0502)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	09		59	2	6	3	HNAB303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0502-15	Nguyễn Xuân Tùng
					5	6	3	HNAB310	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0502-15	Nguyễn Xuân Tùng
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	10		61	3	1	3	HNAD304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0502-13	Vũ Văn Trí
					5	1	3	HNAD302	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0502-13	Vũ Văn Trí
4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	11		49	3	6	3	HNAB310	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0502-13	Vũ Văn Trí
					6	8	3	HNAD303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0502-13	Vũ Văn Trí
4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	01		60	4	4	2	HNBC2	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0502-09	Nguyễn Văn Sáng
					5	4	2	HNBG107	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0502-09	Nguyễn Văn Sáng
4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	02		60	2	2	2	HNBG608	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0502-01	Đặng Nam Chính
					4	2	2	HNBG305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0502-01	Đặng Nam Chính
4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	03		23	3	8	2	HNBG607	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0502-01	Đặng Nam Chính
					5	8	2	HNBG607	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0502-01	Đặng Nam Chính
4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	04		43	3	4	2	HNBB2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0502-09	Nguyễn Văn Sáng
					4	1	2	HNBG606	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0502-09	Nguyễn Văn Sáng
4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	05		49	7	9	4	HNAD204	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0502-14	Nguyễn Gia Trọng
4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	01		59	7	9	4	HNAD203	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0502-10	Lê Minh Tá
4050205	Thiên văn cầu và định vị thiên văn	01		22	4	11	3	HNAB204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0502-13	Vũ Văn Trí
4050208	Trắc địa biển và đảo hàng	01		37	7	2	4	HNAB305	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0502-08	Dương Văn Phong
4050209	Đo trọng lực	01		23	7	6	3	HNAB503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0502-10	Lê Minh Tá
4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mô- công trình, Tin trắc địa)	01		40	3	1	3	HNBG102	03/11/2015 - 08/12/2015	0502-14	Nguyễn Gia Trọng
					5	1	3	HNBG101	05/11/2015 - 10/12/2015	0502-14	Nguyễn Gia Trọng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa cao cấp (05 0502)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mô- công trình, Tin trắc địa)	02		31	3	1	3	HNBG303	08/09/2015 - 13/10/2015	0502-15	Nguyễn Xuân Tùng
					5	1	3	HNAB306	10/09/2015 - 15/10/2015	0502-15	Nguyễn Xuân Tùng
4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	01		64	7	9	4	HNAD202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0503-15	Nguyễn Văn Trung
4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	02		68	4	11	3	HNAB207	18/11/2015 - 06/01/2016	0503-18	Nguyễn Minh Hải
					6	11	3	HNAB207	20/11/2015 - 08/01/2016	0503-18	Nguyễn Minh Hải
4050302	Cơ sở viễn thám	01		60	2	7	3	HNAB306	07/09/2015 - 12/10/2015	0503-01	Phạm Vọng Thành
					3	6	3	HNAB306	08/09/2015 - 13/10/2015	0503-01	Phạm Vọng Thành
4050302	Cơ sở viễn thám	02		60	3	9	3	HNAA408	08/09/2015 - 13/10/2015	0503-04	Trần Văn Anh
					5	9	3	HNAA407	10/09/2015 - 15/10/2015	0503-04	Trần Văn Anh
4050302	Cơ sở viễn thám	04		60	3	9	3	HNAB501	08/09/2015 - 13/10/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
					5	9	3	HNAA408	10/09/2015 - 15/10/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
4050302	Cơ sở viễn thám	05		61	3	1	3	HNBG606	03/11/2015 - 08/12/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
					5	1	3	HNBG608	05/11/2015 - 10/12/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
4050302	Cơ sở viễn thám	06		60	4	8	3	HNBG608	04/11/2015 - 09/12/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
					6	8	3	HNBG601	06/11/2015 - 11/12/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
4050302	Cơ sở viễn thám	07		62	4	3	3	HNBG205	04/11/2015 - 09/12/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
					6	3	3	HNBG301	06/11/2015 - 11/12/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
4050302	Cơ sở viễn thám	08		61	2	6	3	HNAD304	02/11/2015 - 07/12/2015	0503-02	Trần Đình Trí
					5	6	3	HNAB507	05/11/2015 - 10/12/2015	0503-02	Trần Đình Trí
4050302	Cơ sở viễn thám	09		61	7	3	3	HNBG402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0503-06	Phạm Hà Thái
4050302	Cơ sở viễn thám	10		28	6	1	3	HNBG206	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0503-02	Trần Đình Trí
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	01		60	3	2	2	HNAB505	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0503-17	Lê Thanh Nghị
					4	4	2	HNAD202	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0503-17	Lê Thanh Nghị
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	02		70	4	9	2	HNAB204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0503-18	Nguyễn Minh Hải
					5	6	2	HNAB303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0503-18	Nguyễn Minh Hải
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	03		60	4	6	2	HNAD202	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0503-10	Trần Thanh Hà

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	03		60	6	6	2	HNAD203	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0503-10	Trần Thanh Hà
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	04		60	2	4	2	HNAB502	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0503-18	Nguyễn Minh Hải
					5	4	2	HNAB504	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0503-18	Nguyễn Minh Hải
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	05		61	3	4	2	HNAB505	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0503-17	Lê Thanh Nghị
					5	4	2	HNAB505	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0503-17	Lê Thanh Nghị
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	06		48	2	9	2	HNAD203	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa
					4	6	2	HNAD203	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa
4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	07		41	3	4	2	HNAD202	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa
					5	4	2	HNAD202	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa
4050306	Công nghệ đo ảnh + ĐA	01		38	4	10	3	HNBG305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0503-05	Trần Trung Anh
					6	6	3	HNBG107	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0503-05	Trần Trung Anh
4050308	Đoán đọc và điều vẽ ảnh	01		60	5	9	3	HNBG502	10/09/2015 - 15/10/2015	0503-05	Trần Trung Anh
4050311	Xử lý số tư liệu viễn thám	01		27	5	6	3	HNBG301	05/11/2015 - 10/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
4050319	Sử dụng phần mềm GIS	01		20	4	6	4	HNBG102	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
4050320	Cơ sở kỹ thuật Lidar	01		20	3	6	3	HNBG205	08/09/2015 - 13/10/2015	0503-02	Trần Đình Trí
					5	6	3	HNBG201	10/09/2015 - 15/10/2015	0503-02	Trần Đình Trí
4050328	Kỹ thuật lập trình GIS + BTL	01		25	2	8	2	HNBD101	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
					6	6	2	HNBG108	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
4050329	GIS ứng dụng	01		25	2	1	4	HNBD101	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0503-15	Nguyễn Văn Trung
4050330	GIS mã nguồn mở + BTL	01		25	2	6	2	HNBD101	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
					6	8	2	HNBG108	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	01		47	3	10	3	HNAD204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0504-14	Lê Ngọc Giang
					5	10	3	HNAD402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0504-14	Lê Ngọc Giang
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	02		61	3	1	3	HNAA405	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0504-14	Lê Ngọc Giang

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa phổ thông (05 0504)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	02		61	5	1	3	HNAA405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0504-14	Lê Ngọc Giang
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	03		50	4	9	3	HNAA408	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
					6	8	3	HNAB207	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	04		59	3	3	3	HNAD503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
					6	3	3	HNAA404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	05		43	4	6	3	HNAB303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
					5	1	3	HNAD503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	06		53	2	3	3	HNAB303	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
					6	9	3	HNAB310	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	07		38	3	9	3	HNAA407	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0504-08	Nguyễn Thị Thu Hương
					5	9	3	HNAB206	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0504-08	Nguyễn Thị Thu Hương
4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	09		36	3	6	3	HNAA407	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
					5	6	3	HNAA407	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
4050402	Trắc địa cơ sở 2 + ĐA	01		61	7	8	4	HNAA203	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	01		60	2	10	3	HNBG503	07/09/2015 - 12/10/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
					3	7	3	HNBD103	08/09/2015 - 13/10/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	02		31	3	6	3	HNBC2	08/09/2015 - 13/10/2015	0504-14	Lê Ngọc Giang
					6	9	3	HNBG601	11/09/2015 - 16/10/2015	0504-14	Lê Ngọc Giang
4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	03		29	2	7	3	HNBG106	02/11/2015 - 07/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
					3	1	3	HNBD102	03/11/2015 - 08/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	04		34	7	6	3	HNAB502	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0504-14	Lê Ngọc Giang
4050404	Lý thuyết sai số + BTL	01		64	7	2	4	HNAA204	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0504-15	Phạm Thanh Thạo

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa phổ thông (05 0504)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	01		25	2	6	3	HNAB201	07/09/2015 - 12/10/2015	0504-11	Trương Quang Hiếu
					5	6	3	HNAB507	10/09/2015 - 15/10/2015	0504-11	Trương Quang Hiếu
4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	02		21	3	3	3	HNAD302	08/09/2015 - 13/10/2015	0504-11	Trương Quang Hiếu
					6	3	3	HNAA407	11/09/2015 - 16/10/2015	0504-11	Trương Quang Hiếu
4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	03		60	3	1	3	HNAD303	08/09/2015 - 13/10/2015	0504-10	Lưu Anh Tuấn
					5	1	3	HNAD204	10/09/2015 - 15/10/2015	0504-10	Lưu Anh Tuấn
4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	04		59	3	6	3	HNAD304	03/11/2015 - 08/12/2015	0504-10	Lưu Anh Tuấn
					6	6	3	HNAD302	06/11/2015 - 11/12/2015	0504-10	Lưu Anh Tuấn
4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	05		61	4	1	3	HNAB201	04/11/2015 - 09/12/2015	0504-03	Nguyễn Quang Minh
					6	1	3	HNAB504	06/11/2015 - 11/12/2015	0504-03	Nguyễn Quang Minh
4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	06		60	7	6	3	HNBG101	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0504-03	Nguyễn Quang Minh
4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	01		60	4	4	2	HNBG603	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
					5	4	2	HNBG507	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	02		50	3	10	2	HNBG508	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
					5	10	2	HNBG506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	03		50	2	10	2	HNBG408	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
					5	9	2	HNBG608	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	04		60	3	9	2	HNAD304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
					6	6	2	HNAD204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0504-02	Đinh Công Hòa
4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	05		60	7	3	3	HNBG401	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới	01		58	2	7	3	HNBG101	07/09/2015 - 12/10/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
					4	9	3	HNBC2	09/09/2015 - 14/10/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới	03		70	4	1	3	HNBD102	09/09/2015 - 14/10/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
					5	1	3	HNBC2	10/09/2015 - 15/10/2015	0504-06	Hoàng Thị Thủy
4050503	Trắc địa mô hình	01		43	3	3	3	HNBG101	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0505-02	Nguyễn Xuân Thụy

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050503	Trắc địa mỏ hầm lò	01		43	4	3	3	HNBG101	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0505-02	Nguyễn Xuân Thụy
4050507	Tin học ứng dụng trong trắc địa mỏ	01		41	4	9	3	HNBG607	09/09/2015 - 14/10/2015	0505-04	Phạm Công Khải
					6	1	3	HNBD102	11/09/2015 - 16/10/2015	0505-04	Phạm Công Khải
4050508	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa mỏ	01		41	5	1	3	HNBG201	05/11/2015 - 10/12/2015	0505-07	Nguyễn Quốc Long
					6	1	3	HNBG305	06/11/2015 - 11/12/2015	0505-07	Nguyễn Quốc Long
4050509	Kỹ thuật môi trường	01		66	7	6	3	HNAB501	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0505-05	Lê Thị Thu Hà
4050509	Kỹ thuật môi trường	02		45	6	11	3	HNAD503	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0505-09	Phạm Thị Làn
4050510	Trắc địa phổ thông + TT	01		36	2	4	2	HNBG201	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0505-08	Võ Ngọc Dũng
					4	4	2	HNBD103	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0505-08	Võ Ngọc Dũng
4050516	Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS môi trường	01		19	3	11	3	HNAD303	03/11/2015 - 08/12/2015	0505-09	Phạm Thị Làn
					5	11	3	HNAA406	05/11/2015 - 10/12/2015	0505-09	Phạm Thị Làn
4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	01		42	2	10	3	HNAA402	07/09/2015 - 12/10/2015	0505-11	Lê Văn Cảnh
					6	6	3	HNAA208	11/09/2015 - 16/10/2015	0505-11	Lê Văn Cảnh
4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	03		50	3	7	3	HNAB504	08/09/2015 - 13/10/2015	0505-03	Vương Trọng Kha
					6	10	3	HNAA406	11/09/2015 - 16/10/2015	0505-03	Vương Trọng Kha
4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	04		45	4	6	3	HNAA208	09/09/2015 - 14/10/2015	0505-07	Nguyễn Quốc Long
					6	7	3	HNAD304	11/09/2015 - 16/10/2015	0505-07	Nguyễn Quốc Long
4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	05		45	3	9	3	HNAD302	03/11/2015 - 08/12/2015	0505-11	Lê Văn Cảnh
					4	6	3	HNAD302	04/11/2015 - 09/12/2015	0505-11	Lê Văn Cảnh
4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	06		41	3	9	3	HNAA409	03/11/2015 - 08/12/2015	0505-06	Nguyễn Viết Nghĩa
					5	9	3	HNAB404	05/11/2015 - 10/12/2015	0505-06	Nguyễn Viết Nghĩa
4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	07		52	4	3	3	HNAB507	04/11/2015 - 09/12/2015	0505-03	Vương Trọng Kha
					5	6	3	HNAD502	05/11/2015 - 10/12/2015	0505-03	Vương Trọng Kha
4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	08		36	2	6	3	HNAB205	02/11/2015 - 07/12/2015	0505-06	Nguyễn Viết Nghĩa
					5	3	3	HNAB201	05/11/2015 - 10/12/2015	0505-06	Nguyễn Viết Nghĩa
4050526	Trắc địa đại cương	01		61	2	1	3	HNAA407	07/09/2015 - 12/10/2015	0505-10	Phạm Văn Chung
					5	1	3	HNAA407	10/09/2015 - 15/10/2015	0505-10	Phạm Văn Chung
4050526	Trắc địa đại cương	02		58	3	9	3	HNAA404	08/09/2015 - 13/10/2015	0505-08	Võ Ngọc Dũng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050526	Trắc địa đại cương	02		58	6	9	3	HNAA306	11/09/2015 - 16/10/2015	0505-08	Võ Ngọc Dũng
4050526	Trắc địa đại cương	03		61	4	6	3	HNAB311	09/09/2015 - 14/10/2015	0505-03	Vương Trọng Kha
					6	6	3	HNAB504	11/09/2015 - 16/10/2015	0505-03	Vương Trọng Kha
4050526	Trắc địa đại cương	04		60	2	6	3	HNBG602	02/11/2015 - 07/12/2015	0505-04	Phạm Công Khải
					5	6	3	HNBG608	05/11/2015 - 10/12/2015	0505-04	Phạm Công Khải
4050526	Trắc địa đại cương	05		60	2	6	3	HNAB202	02/11/2015 - 07/12/2015	0505-10	Phạm Văn Chung
					6	6	3	HNAD304	06/11/2015 - 11/12/2015	0505-10	Phạm Văn Chung
4050601	Địa chính đại cương	01		60	3	9	3	HNAB505	08/09/2015 - 13/10/2015	0506-09	Phạm Thị Kim Thoa
					5	9	3	HNAD302	10/09/2015 - 15/10/2015	0506-09	Phạm Thị Kim Thoa
4050601	Địa chính đại cương	02		62	3	1	3	HNBG205	03/11/2015 - 08/12/2015	0506-09	Phạm Thị Kim Thoa
					5	1	3	HNBG305	05/11/2015 - 10/12/2015	0506-09	Phạm Thị Kim Thoa
4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	01		68	2	10	4	HNAD502	16/11/2015 - 04/01/2016	0506-14	Phùng Minh Sơn
4050603	Kỹ thuật thành lập bản đồ số	01		71	2	4	2	HNBG406	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0506-08	Phạm Thế Huỳnh
					6	1	2	HNBG408	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0506-08	Phạm Thế Huỳnh
4050607	Định giá bất động sản + BTL	01		29	3	9	2	HNBG107	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga
					6	9	2	HNBG103	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga
4050609	Đo đạc địa chính 1 + ĐA	01		60	2	4	2	HNAA306	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0506-07	Nguyễn Thế Công
					3	4	2	HNAB504	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0506-07	Nguyễn Thế Công
4050609	Đo đạc địa chính 1 + ĐA	02		65	5	8	2	HNAD403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0506-08	Phạm Thế Huỳnh
					6	9	2	HNAD403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0506-08	Phạm Thế Huỳnh
4050611	Luật và quản lý nhà nước về đất đai	01		66	3	3	3	HNBG503	08/09/2015 - 13/10/2015	0506-04	Nguyễn Thị Dung
					6	3	3	HNBG502	11/09/2015 - 16/10/2015	0506-04	Nguyễn Thị Dung
4050612	Quy hoạch sử dụng đất + ĐA	01		23	3	4	2	HNBG606	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0506-13	Trần Xuân Miến
					5	4	2	HNBB2	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0506-13	Trần Xuân Miến
4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	01		72	3	3	3	HNBG506	03/11/2015 - 08/12/2015	0506-05	Trần Đình Thành
					6	3	3	HNBG503	06/11/2015 - 11/12/2015	0506-05	Trần Đình Thành
4050615	Hệ thống thông tin đất đai 1	01		71	2	2	2	HNBG502	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0506-03	Trần Thùy Dương

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Địa chính (05 0506)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050615	Hệ thống thông tin đất đai 1	01		71	4	4	2	HNBG407	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0506-03	Trần Thùy Dương
4050616	Quản lý bất động sản	01		23	2	3	3	HNBA2	07/09/2015 - 12/10/2015	0506-04	Nguyễn Thị Dung
					4	7	3	HNBG303	09/09/2015 - 14/10/2015	0506-04	Nguyễn Thị Dung
4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	01		24	2	10	3	HNBG503	02/11/2015 - 07/12/2015	0506-07	Nguyễn Thế Công
					5	9	3	HNBD103	05/11/2015 - 10/12/2015	0506-07	Nguyễn Thế Công
4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	01		47	2	10	3	HNBG607	07/09/2015 - 12/10/2015	0506-03	Trần Thùy Dương
					6	1	3	HNBD103	11/09/2015 - 16/10/2015	0506-03	Trần Thùy Dương
4050625	Thanh tra đất đai	01		22	2	7	3	HNBG103	07/09/2015 - 12/10/2015	0506-04	Nguyễn Thị Dung
					5	9	3	HNBG201	10/09/2015 - 15/10/2015	0506-04	Nguyễn Thị Dung
4050626	Quản lý tài chính đất đai	01		30	3	6	3	HNBG107	03/11/2015 - 08/12/2015	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga
					4	6	3	HNBC2	04/11/2015 - 09/12/2015	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga
4050702	Địa lý tự nhiên	01		41	3	6	2	HNAB404	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0507-01	Nguyễn Thế Việt
					5	6	2	HNAB405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0507-01	Nguyễn Thế Việt
4050703	Địa lý kinh tế xã hội	01		49	3	6	3	HNAA405	08/09/2015 - 13/10/2015	0507-12	Nguyễn Văn Lợi
					5	6	3	HNAA405	10/09/2015 - 15/10/2015	0507-12	Nguyễn Văn Lợi
4050703	Địa lý kinh tế xã hội	02		48	2	1	3	HNAA407	02/11/2015 - 07/12/2015	0507-01	Nguyễn Thế Việt
					4	1	3	HNAB206	04/11/2015 - 09/12/2015	0507-01	Nguyễn Thế Việt
4050706	Bản đồ địa lý chung 1	01		36	4	3	3	HNBG106	09/09/2015 - 14/10/2015	0507-02	Hà Thị Mai
					6	3	3	HNBG608	11/09/2015 - 16/10/2015	0507-02	Hà Thị Mai
4050707	Bản đồ chuyên đề + ĐA	01		34	3	4	2	HNBG507	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo
					5	4	2	HNBG601	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo
4050709	Trình bày bản đồ 1	01		34	4	3	3	HNBG106	04/11/2015 - 09/12/2015	0507-08	Trần Thị Tuyết Vinh
					6	3	3	HNBG103	06/11/2015 - 11/12/2015	0507-08	Trần Thị Tuyết Vinh
4050712	Cơ sở dữ liệu GIS	01		38	4	8	2	HNAB401	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0507-02	Hà Thị Mai
					6	8	2	HNAB306	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0507-02	Hà Thị Mai
4050713	Internet – GIS	01		37	2	10	2	HNAC208	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0507-06	Bùi Ngọc Quý

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai

Bộ môn: Bản đồ (05 0507)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4050713	Internet – GIS	01		37	2	12	2	HNAC208	07/09/2015 – 12/10/2015 02/11/2015 – 07/12/2015	0507-06	Bùi Ngọc Quý
4050714	ứng dụng GIS trong biên tập thành lập Bđ	01		38	2	8	2	HNAC208	07/09/2015 – 12/10/2015 02/11/2015 – 07/12/2015	0507-05	Trần Quỳnh An
					4	4	2	HNAB306	09/09/2015 – 14/10/2015 04/11/2015 – 09/12/2015	0507-05	Trần Quỳnh An
4050715	ứng dụng tư liệu viễn thám trong thành lập bản đồ chuyên đề	01		38	2	6	2	HNAC208	07/09/2015 – 12/10/2015 02/11/2015 – 07/12/2015	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo
					5	9	2	HNAB306	10/09/2015 – 15/10/2015 05/11/2015 – 10/12/2015	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo
4050718	ứng dụng GIS hỗ trợ ra quyết định	01		38	4	10	2	HNAB306	09/09/2015 – 14/10/2015 04/11/2015 – 09/12/2015	0507-02	Hà Thị Mai
					6	10	2	HNAB306	11/09/2015 – 16/10/2015 06/11/2015 – 11/12/2015	0507-02	Hà Thị Mai
4050720	Sử dụng phần mềm GIS	01		38	3	4	2	HNAB306	08/09/2015 – 13/10/2015 03/11/2015 – 08/12/2015	0507-12	Nguyễn Văn Lợi
					5	4	2	HNAB306	10/09/2015 – 15/10/2015 05/11/2015 – 10/12/2015	0507-12	Nguyễn Văn Lợi
4050727	ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	01		45	3	1	3	HNBG108	08/09/2015 – 13/10/2015	0507-05	Trần Quỳnh An
					5	1	3	HNBG103	10/09/2015 – 15/10/2015	0507-05	Trần Quỳnh An
4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	01		41	7	6	3	HNBG305	12/09/2015 – 17/10/2015 07/11/2015 – 12/12/2015	0507-06	Bùi Ngọc Quý
4050813	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa	01		42	3	1	3	HNBD103	08/09/2015 – 13/10/2015	0503-15	Nguyễn Văn Trung
					6	1	3	HNBA2	11/09/2015 – 16/10/2015	0503-15	Nguyễn Văn Trung
4050813	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa	02		24	3	1	3	HNBD101	08/09/2015 – 13/10/2015	0503-04	Trần Văn Anh
					6	1	3	HNBD101	11/09/2015 – 16/10/2015	0503-04	Trần Văn Anh
4050813	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa	03		47	4	6	3	HNBD101	09/09/2015 – 14/10/2015	0503-15	Nguyễn Văn Trung
					5	6	3	HNBD101	10/09/2015 – 15/10/2015	0503-15	Nguyễn Văn Trung
4050813	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa	05		40	4	1	3	HNBD101	04/11/2015 – 09/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
					5	1	3	HNBD101	05/11/2015 – 10/12/2015	0503-04	Trần Văn Anh
4050813	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa	06		68	3	10	4	HNAD403	17/11/2015 – 05/01/2016	0503-15	Nguyễn Văn Trung
4060101	Địa vật lý đại cương + TT	01		35	2	10	2	HNBG205	07/09/2015 – 12/10/2015 02/11/2015 – 07/12/2015	0601-18	Trần Quang Trung
					3	10	2	HNBG102	08/09/2015 – 13/10/2015 03/11/2015 – 08/12/2015	0601-18	Trần Quang Trung
4060102	Lý thuyết trường + BTL	01		60	3	1	3	HNAB504	08/09/2015 – 13/10/2015 03/11/2015 – 01/12/2015	0601-03	Nguyễn Trọng Nga

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Địa vật lý (06 0601)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060102	Lý thuyết trường + BTL	01		60	6	1	3	HNAB505	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0601-03	Nguyễn Trọng Nga
4060104	Thăm dò điện khoáng sản và môi trường + ĐA	01		18	3	8	2	HNBG102	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0601-03	Nguyễn Trọng Nga
					4	7	2	HNBG101	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0601-03	Nguyễn Trọng Nga
4060116	Thăm dò phóng xạ khoáng sản và môi trường + ĐA	01		18	2	4	2	HNBG607	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0601-02	Lê Khánh Phồn
					4	9	2	HNBG106	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0601-02	Lê Khánh Phồn
4060117	Thăm dò địa chấn	01		61	2	8	2	HNBG408	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0601-18	Trần Quang Trung
					4	8	2	HNBG502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0601-18	Trần Quang Trung
4060118	Xử lý số liệu địa chấn + ĐA	01		35	2	2	2	HNBG301	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0601-11	Nguyễn Thanh Tùng
					5	9	2	HNBG305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0601-11	Nguyễn Thanh Tùng
4060119	Địa chấn địa tầng + BTL	01		35	3	4	2	HNBA2	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0601-09	Phan Thiên Hương
					5	3	2	HNBG106	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0601-09	Phan Thiên Hương
4060120	Thăm dò địa chấn khoáng sản và môi trường + BTL	01		19	3	1	2	HNBG608	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0601-09	Phan Thiên Hương
					5	1	2	HNBG106	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0601-09	Phan Thiên Hương
4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	01		50	3	1	2	HNBG408	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0601-14	Vũ Hồng Dương
					5	1	2	HNBG606	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0601-14	Vũ Hồng Dương
4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	02		59	2	6	2	HNBG408	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0601-14	Vũ Hồng Dương
					4	6	2	HNBG401	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0601-14	Vũ Hồng Dương
4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí + ĐA	01		37	4	1	2	HNBG101	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0601-05	Lê Hải An
					6	1	2	HNBG103	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0601-05	Lê Hải An
4060125	Địa vật lý biển	01		36	5	6	3	HNBG301	10/09/2015 - 15/10/2015	0601-11	Nguyễn Thanh Tùng
					6	6	3	HNBG602	11/09/2015 - 16/10/2015	0601-11	Nguyễn Thanh Tùng
4060126	Tổ hợp các phương pháp địa vật lý khoáng sản và môi trường	01		19	5	6	3	HNBG106	05/11/2015 - 10/12/2015	0601-33	Bùi Thế Bình

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Địa vật lý (06 0601)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060126	Tổ hợp các phương pháp địa vật lý khoáng sản và môi trường	01		19	6	6	3	HNABG608	06/11/2015 - 11/12/2015	0601-33	Bùi Thế Bình
4060130	Kĩ thuật số và máy địa vật lý	01		58	2	1	3	HNAB505	07/09/2015 - 12/10/2015	0902-15	Thái Hải Âu
					4	1	3	HNAB206	09/09/2015 - 14/10/2015	0902-15	Thái Hải Âu
4060142	Địa vật lý đại cương	01		60	3	3	3	HNAB503	08/09/2015 - 13/10/2015	0601-19	Phạm Ngọc Kiên
					5	3	3	HNAB501	10/09/2015 - 15/10/2015	0601-19	Phạm Ngọc Kiên
4060142	Địa vật lý đại cương	02		60	2	6	3	HNAD203	07/09/2015 - 12/10/2015	0601-12	Nguyễn Như Trung
					5	6	3	HNAB505	10/09/2015 - 15/10/2015	0601-12	Nguyễn Như Trung
4060142	Địa vật lý đại cương	03		70	2	3	3	HNAD402	07/09/2015 - 12/10/2015	0601-18	Trần Quang Trung
					4	3	3	HNAD402	09/09/2015 - 14/10/2015	0601-18	Trần Quang Trung
4060142	Địa vật lý đại cương	04		61	4	6	3	HNAD303	04/11/2015 - 09/12/2015	0601-02	Lê Khánh Phồn
					6	6	3	HNAB205	06/11/2015 - 11/12/2015	0601-02	Lê Khánh Phồn
4060142	Địa vật lý đại cương	05		60	4	1	3	HNABG502	04/11/2015 - 09/12/2015	0601-15	Phan Thị Kim Văn
					6	1	3	HNABG501	06/11/2015 - 11/12/2015	0601-15	Phan Thị Kim Văn
4060142	Địa vật lý đại cương	06		42	4	9	3	HNABG503	04/11/2015 - 09/12/2015	0601-16	Phan Thị Hồng
					6	6	3	HNABG406	06/11/2015 - 11/12/2015	0601-16	Phan Thị Hồng
4060142	Địa vật lý đại cương	08		38	7	6	3	HNABG301	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0601-15	Phan Thị Kim Văn
4060144	Thăm dò điện 2	01		58	3	6	3	HNABG408	08/09/2015 - 13/10/2015	0601-19	Phạm Ngọc Kiên
					5	6	3	HNABG501	10/09/2015 - 15/10/2015	0601-19	Phạm Ngọc Kiên
4060201	Trầm tích, tướng đá, cổ địa lý + TH	01		40	3	8	2	HNAB204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0602-10	Nguyễn Duy Mười
					5	8	2	HNAB201	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0602-10	Nguyễn Duy Mười
4060203	Địa chất dầu khí 1	01		45	3	6	2	HNAD203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0602-02	Lê Văn Bình
					5	6	2	HNAD304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0602-02	Lê Văn Bình
4060206	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí	01		62	2	6	3	HNABG501	07/09/2015 - 12/10/2015	0602-10	Nguyễn Duy Mười
					6	1	3	HNABG501	11/09/2015 - 16/10/2015	0602-10	Nguyễn Duy Mười
4060206	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí	02		62	2	9	3	HNABG406	02/11/2015 - 07/12/2015	0602-10	Nguyễn Duy Mười
					5	10	3	HNABG502	05/11/2015 - 10/12/2015	0602-10	Nguyễn Duy Mười

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Địa chất dầu (06 0602)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060207	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí 1	01		49	4	3	3	HNBG608	09/09/2015 - 14/10/2015	0602-08	Lê Ngọc ánh
					6	3	3	HNBG602	11/09/2015 - 16/10/2015	0602-08	Lê Ngọc ánh
4060209	Địa chất dầu khí Việt nam và Thế giới	01		61	3	6	3	HNBD103	03/11/2015 - 08/12/2015	0602-05	Nguyễn Thị Minh Hồng
					6	9	3	HNBC2	06/11/2015 - 11/12/2015	0602-05	Nguyễn Thị Minh Hồng
4060211	Thủy động lực mỏ dầu khí	01		60	3	9	3	HNBD102	03/11/2015 - 08/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
					6	6	3	HNBC2	06/11/2015 - 11/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
4060212	Địa chất giếng khoan dầu khí	01		49	2	3	3	HNBG602	07/09/2015 - 12/10/2015	0602-08	Lê Ngọc ánh
					5	3	3	HNBG607	10/09/2015 - 15/10/2015	0602-08	Lê Ngọc ánh
4060214	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất dầu khí	01		46	3	3	3	HNBG608	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0602-06	Phạm Văn Tuấn
4060216	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	01		61	7	6	3	HNBG205	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0602-10	Nguyễn Duy Mười
4060216	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	02		0	7	9	3	HNBG507	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0602-13	Nguyễn Minh Hòa
4060217	Quản lý phát triển mỏ dầu khí	01		60	4	9	3	HNBG101	09/09/2015 - 14/10/2015	0602-06	Phạm Văn Tuấn
					5	9	3	HNBG301	10/09/2015 - 15/10/2015	0602-06	Phạm Văn Tuấn
4060218	Địa chất dầu khí	01		46	4	4	2	HNBG102	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
					6	4	2	HNBG101	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
4060218	Địa chất dầu khí	02		61	2	4	2	HNAB501	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
					5	4	2	HNAB305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
4060218	Địa chất dầu khí	03		35	2	8	2	HNAB507	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
					4	8	2	HNAB201	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0602-12	Bùi Thị Ngân
4060223	Mô hình hóa tầng chứa dầu khí	01		47	2	3	3	HNBD102	02/11/2015 - 07/12/2015	0602-08	Lê Ngọc ánh
					5	3	3	HNBG606	05/11/2015 - 10/12/2015	0602-08	Lê Ngọc ánh
4060302	Hoá hữu cơ 1	01		60	3	6	3	HNAD304	08/09/2015 - 13/10/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
					5	6	3	HNAD302	10/09/2015 - 15/10/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
4060302	Hoá hữu cơ 1	02		60	2	6	3	HNAD202	02/11/2015 - 07/12/2015	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy
					4	9	3	HNAB507	04/11/2015 - 09/12/2015	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy
4060305	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	01		61	2	6	3	HNAB202	07/09/2015 - 12/10/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060305	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	01		61	6	6	3	HNAB503	11/09/2015 - 16/10/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn
4060305	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	02		58	4	6	3	HNAB310	04/11/2015 - 09/12/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn
					6	9	3	HNAB502	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn
4060307	Quá trình và thiết bị truyền chất	01		55	5	1	3	HNBG503	05/11/2015 - 10/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
					6	1	3	HNBG508	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
4060307	Quá trình và thiết bị truyền chất	02		50	5	6	3	HNBG102	05/11/2015 - 10/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
					6	6	3	HNBG606	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
4060308	Kỹ thuật phản ứng	01		24	7	9	3	HNBG103	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0603-02	Lê Đình Chiền
4060311	Kỹ thuật môi trường trong công nghệ hóa học	01		63	4	6	3	HNAB202	09/09/2015 - 14/10/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
					6	1	3	HNAD203	11/09/2015 - 16/10/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
4060311	Kỹ thuật môi trường trong công nghệ hóa học	02		60	2	9	3	HNAA408	02/11/2015 - 07/12/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
					6	6	3	HNAB505	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
4060315	Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên	01		44	3	6	3	HNBG506	08/09/2015 - 13/10/2015	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy
					5	6	3	HNBG502	10/09/2015 - 15/10/2015	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy
4060315	Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên	02		56	3	9	3	HNBG602	03/11/2015 - 08/12/2015	0603-05	Ngô Thanh Hải
					5	9	3	HNBG301	05/11/2015 - 10/12/2015	0603-05	Ngô Thanh Hải
4060317	Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học	01		47	2	1	3	HNBG503	07/09/2015 - 12/10/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn
					4	6	3	HNBG506	09/09/2015 - 14/10/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn
4060317	Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học	02		52	2	9	3	HNBG606	02/11/2015 - 07/12/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn
					3	6	3	HNBG201	03/11/2015 - 08/12/2015	0603-13	Vũ Văn Toàn
4060321	An toàn lao động trong công nghệ hoá học	01		61	3	1	3	HNAD202	08/09/2015 - 13/10/2015	0603-09	Phạm Xuân Núi
					5	1	3	HNAB504	10/09/2015 - 15/10/2015	0603-09	Phạm Xuân Núi
4060321	An toàn lao động trong công nghệ hoá học	02		60	3	9	3	HNAD202	03/11/2015 - 08/12/2015	0603-09	Phạm Xuân Núi
					5	9	3	HNAD303	05/11/2015 - 10/12/2015	0603-09	Phạm Xuân Núi

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060322	Công nghệ chế biến khí	01		55	2	1	3	HNBG101	02/11/2015 - 07/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
					3	1	3	HNBG106	03/11/2015 - 08/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
					4	4	2	HNBG103	04/11/2015 - 09/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
4060322	Công nghệ chế biến khí	02		35	2	6	2	HNBG506	02/11/2015 - 07/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
					3	9	3	HNBG603	03/11/2015 - 08/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
					6	9	3	HNBG608	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-11	Công Ngọc Thắng
4060323	Công nghệ hóa dầu và chế biến Polyme	01		29	4	1	2	HNBG608	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
					5	2	2	HNBG108	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương
4060323	Công nghệ hóa dầu và chế biến Polyme	02		60	4	6	2	HNBG106	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0603-08	Nguyễn Thị Linh
					5	9	2	HNBG101	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0603-08	Nguyễn Thị Linh
4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	01		53	3	6	3	HNBG106	08/09/2015 - 13/10/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
					5	6	3	HNBG102	10/09/2015 - 15/10/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	02		36	4	8	3	HNBG107	04/11/2015 - 09/12/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
					6	6	3	HNBG201	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
4060325	Thiết kế quá trình công nghệ lọc dầu	01		18	2	1	3	HNBG101	07/09/2015 - 12/10/2015	0603-04	Nguyễn Anh Dũng
					6	1	3	HNBG305	11/09/2015 - 16/10/2015	0603-04	Nguyễn Anh Dũng
4060326	Xúc tác trong công nghệ lọc dầu	01		29	4	1	3	HNBG503	09/09/2015 - 14/10/2015	0603-08	Nguyễn Thị Linh
					6	1	3	HNBG503	11/09/2015 - 16/10/2015	0603-08	Nguyễn Thị Linh
4060326	Xúc tác trong công nghệ lọc dầu	02		22	4	9	3	HNBG101	04/11/2015 - 09/12/2015	0603-08	Nguyễn Thị Linh
					6	9	3	HNBG602	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-08	Nguyễn Thị Linh
4060327	Động học và nhiệt động học trong công nghệ hóa học	01		58	3	1	3	HNBG508	08/09/2015 - 13/10/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
					5	1	3	HNBG507	10/09/2015 - 15/10/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
4060327	Động học và nhiệt động học trong công nghệ hóa học	02		60	2	6	3	HNBG201	02/11/2015 - 07/12/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
					6	3	3	HNAB202	06/11/2015 - 11/12/2015	0603-02	Lê Đình Chiễn
4060328	Thiết kế quá trình công nghệ hóa dầu	01		46	3	11	3	HNAB306	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0603-04	Nguyễn Anh Dũng
4060328	Thiết kế quá trình công nghệ hóa dầu	02		43	5	11	3	HNAB306	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0603-04	Nguyễn Anh Dũng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060329	Xúc tác trong công nghệ hoá dầu	01		60	4	11	3	HNAB405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0603-09	Phạm Xuân Núi
4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	01		61	7	6	3	HNBG201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0603-05	Ngô Thanh Hải
4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	01		60	3	9	3	HNAB202	08/09/2015 - 13/10/2015	0604-05	Nguyễn Thế Vinh
					5	9	3	HNAB205	10/09/2015 - 15/10/2015	0604-05	Nguyễn Thế Vinh
4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	02		64	2	9	3	HNAA404	02/11/2015 - 07/12/2015	0604-05	Nguyễn Thế Vinh
					4	1	3	HNAD304	04/11/2015 - 09/12/2015	0604-05	Nguyễn Thế Vinh
4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	03		64	7	6	3	HNAB305	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-32	Hoàng Dung
4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	04		45	7	9	3	HNBG408	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-09	Doãn Thị Trâm
4060404	Công nghệ khoan dầu khí 1 + ĐA	01		61	3	1	3	HNBG501	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0604-30	Lê Văn Thăng
					5	1	3	HNBG501	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0604-30	Lê Văn Thăng
4060406	Dung dịch khoan và vữa trám + TN	01		34	4	9	3	HNBG508	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0604-02	Trần Đình Kiên
					6	9	3	HNBG506	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0604-02	Trần Đình Kiên
4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	01		57	4	6	3	HNBG501	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-09	Doãn Thị Trâm
					6	6	3	HNBG501	11/09/2015 - 16/10/2015	0604-09	Doãn Thị Trâm
4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	02		57	2	6	3	HNBG406	02/11/2015 - 07/12/2015	0604-09	Doãn Thị Trâm
					5	6	3	HNBG406	05/11/2015 - 10/12/2015	0604-09	Doãn Thị Trâm
4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	01		40	2	1	3	HNBG305	07/09/2015 - 12/10/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
					4	6	3	HNBG301	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	03		60	4	6	3	HNBG108	04/11/2015 - 09/12/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
					6	6	3	HNBG205	06/11/2015 - 11/12/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	05		38	7	6	3	HNBG608	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-04	Vũ Thiết Thạch
4060413	Công nghệ khoan dầu khí	01		60	3	9	3	HNBG501	03/11/2015 - 08/12/2015	0604-07	Lê Quang Duyệt
					6	9	3	HNBG501	06/11/2015 - 11/12/2015	0604-07	Lê Quang Duyệt
4060413	Công nghệ khoan dầu khí	02		61	7	6	3	HNAB205	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-07	Lê Quang Duyệt
4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	01		60	3	6	3	HNBG406	03/11/2015 - 08/12/2015	0604-12	Nguyễn Văn Thành
					5	6	3	HNBG501	05/11/2015 - 10/12/2015	0604-12	Nguyễn Văn Thành
4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	02		60	4	6	3	HNBG107	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-12	Nguyễn Văn Thành

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	02		60	6	6	3	HNBG606	11/09/2015 - 16/10/2015	0604-12	Nguyễn Văn Thành
4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	04		60	7	6	3	HNBG607	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-12	Nguyễn Văn Thành
4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	01		41	3	4	2	HNBG601	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0604-20	Tổng Trần Anh
					5	4	2	HNBG608	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0604-20	Tổng Trần Anh
4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	02		32	3	1	2	HNBG301	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0604-20	Tổng Trần Anh
					5	2	2	HNBG107	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0604-20	Tổng Trần Anh
4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	03		40	2	6	2	HNBG607	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0604-20	Tổng Trần Anh
					4	6	2	HNBG103	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0604-20	Tổng Trần Anh
4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	05		42	3	4	2	HNBG602	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0604-05	Nguyễn Thế Vinh
					5	4	2	HNBG201	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0604-05	Nguyễn Thế Vinh
4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	01		53	4	1	3	HNBG108	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
					6	1	3	HNBG606	11/09/2015 - 16/10/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	02		62	3	6	3	HNBG103	08/09/2015 - 13/10/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
					5	6	3	HNBG101	10/09/2015 - 15/10/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	03		39	3	1	3	HNBG103	03/11/2015 - 08/12/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
					6	1	3	HNBG108	06/11/2015 - 11/12/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong khoan	02		61	2	8	3	HNBG606	07/09/2015 - 12/10/2015	0604-30	Lê Văn Thắng
					4	8	3	HNBG608	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-30	Lê Văn Thắng
4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong khoan	03		52	7	6	3	HNAB206	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	01		63	7	9	3	HNAA305	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	02		49	2	11	3	HNBG107	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	01		61	7	6	3	HNAA408	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	02		42	4	11	3	HNAB310	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0604-01	Lê Xuân Lâm
4060423	Khoan khảo sát công trình và giếng kỹ thuật	01		39	2	3	3	HNBG305	02/11/2015 - 07/12/2015	0604-15	Nguyễn Duy Tuấn
					5	1	3	HNBG103	05/11/2015 - 10/12/2015	0604-15	Nguyễn Duy Tuấn

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Dầu khí

Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4060426	Khoan thăm dò - khảo sát	01		63	2	1	3	HNBG407	07/09/2015 - 12/10/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
					4	1	3	HNBG403	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
4060428	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường	01		63	7	6	3	HNBG606	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
4060436	Kỹ thuật khoan	02		32	4	6	3	HNBG602	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
					6	1	3	HNBG508	11/09/2015 - 16/10/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
4060436	Kỹ thuật khoan	03		40	2	9	3	HNBG501	07/09/2015 - 12/10/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
					4	9	3	HNBG403	09/09/2015 - 14/10/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
4060436	Kỹ thuật khoan	04		26	2	1	3	HNBG507	02/11/2015 - 07/12/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
					5	1	3	HNBG601	05/11/2015 - 10/12/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
4060436	Kỹ thuật khoan	05		46	2	6	3	HNAD204	02/11/2015 - 07/12/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
					4	6	3	HNAB404	04/11/2015 - 09/12/2015	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn
4060436	Kỹ thuật khoan	06		60	4	9	3	HNAA306	04/11/2015 - 09/12/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
					6	8	3	HNAA205	06/11/2015 - 11/12/2015	0604-03	Hồ Quốc Hoa
4060440	Công nghệ khai thác dầu khí 1	01		34	3	6	3	HNBG501	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0604-04	Vũ Thiết Thạch
					4	6	3	HNBG503	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0604-04	Vũ Thiết Thạch
4060501	Kỹ thuật ma sát	01		47	3	4	2	HNBG406	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0605-01	Trần Văn Bản
					5	4	2	HNBG501	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0605-01	Trần Văn Bản
4060503	Thiết bị khai thác dầu khí 1	01		46	4	1	3	HNBG602	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0605-03	Lê Đức Vinh
					6	1	3	HNBG601	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0605-03	Lê Đức Vinh
4060504	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	01		37	4	9	2	HNBG108	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0605-02	Nguyễn Văn Giáp
					6	9	2	HNBG201	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0605-02	Nguyễn Văn Giáp
4060509	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát	01		33	4	6	3	HNBG507	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0605-02	Nguyễn Văn Giáp
					6	6	3	HNBG502	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0605-02	Nguyễn Văn Giáp
4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	01		60	7	6	3	HNBG603	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0605-08	Nguyễn Thanh Tuấn
4070101	Kinh tế vi mô	01		35	2	12	2	HNAA306	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070101	Kinh tế vi mô	01		35	6	12	2	HNAA308	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo
4070101	Kinh tế vi mô	03		21	3	12	2	HNAA205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo
					5	12	2	HNAA303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo
4070101	Kinh tế vi mô	04		57	2	2	2	HNAA402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo
					4	2	2	HNAA403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo
4070101	Kinh tế vi mô	05		61	5	8	2	HNAA403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
					6	6	2	HNAA306	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
4070101	Kinh tế vi mô	06		60	4	2	2	HNAA404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
					6	2	2	HNAA402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
4070101	Kinh tế vi mô	07		61	3	6	2	HNAA304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
					5	6	2	HNAA304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
4070101	Kinh tế vi mô	08		61	2	4	2	HNAA304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
					4	4	2	HNAA304	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
4070101	Kinh tế vi mô	09		48	2	8	2	HNAA305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
					4	8	2	HNAA305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
4070101	Kinh tế vi mô	10		33	3	2	2	HNAA305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi
					5	2	2	HNAA305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi
4070101	Kinh tế vi mô	11		32	3	8	2	HNAA403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi
					5	8	2	HNAA404	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi
4070102	Kinh tế vĩ mô	03		26	3	4	2	HNAA308	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi
					6	4	2	HNAA308	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi
4070102	Kinh tế vĩ mô	04		35	2	6	2	HNAA307	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi
					4	6	2	HNAA308	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070102	Kinh tế vĩ mô	05		61	2	4	2	HNAA402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
					5	4	2	HNAA308	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
4070102	Kinh tế vĩ mô	06		61	2	8	2	HNAA304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
					4	8	2	HNAA304	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
4070102	Kinh tế vĩ mô	07		65	2	2	2	HNAA304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
					3	2	2	HNAA304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
4070102	Kinh tế vĩ mô	08		60	2	6	2	HNAA305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc
					4	6	2	HNAA304	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc
4070102	Kinh tế vĩ mô	09		60	4	4	2	HNAA305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc
					6	4	2	HNAA304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc
4070102	Kinh tế vĩ mô	10		62	3	6	2	HNAA403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc
					5	6	2	HNAA308	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc
4070102	Kinh tế vĩ mô	11		55	7	9	4	HNAB505	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan
4070103	Kinh tế lượng	01		50	3	2	2	HNAA402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
					6	2	2	HNAA308	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
4070103	Kinh tế lượng	02		47	4	8	2	HNAA402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
					6	8	2	HNAA305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
4070103	Kinh tế lượng	03		42	2	2	2	HNAA403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
					5	2	2	HNAA403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
4070103	Kinh tế lượng	04		60	2	6	2	HNAA304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
					4	6	2	HNAA303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
4070103	Kinh tế lượng	05		61	3	4	2	HNAA303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền
					6	4	2	HNAA303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-08	Vũ Thị Hiền

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070103	Kinh tế lượng	06		60	3	6	2	HNAA305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-06	Vũ Diệp Anh
					5	6	2	HNAA305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-06	Vũ Diệp Anh
4070103	Kinh tế lượng	07		57	4	2	2	HNAA305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-06	Vũ Diệp Anh
					6	2	2	HNAA304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-06	Vũ Diệp Anh
4070103	Kinh tế lượng	08		36	2	8	2	HNAA308	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0701-06	Vũ Diệp Anh
					4	8	2	HNAA403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-06	Vũ Diệp Anh
4070105	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	01		35	7	6	3	HNAA407	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0701-06	Vũ Diệp Anh
4070106	Tin học ứng dụng trong kinh tế	01		28	4	2	2	HNBG508	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
					6	2	2	HNBG506	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
4070106	Tin học ứng dụng trong kinh tế	02		45	3	8	2	HNBG503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0701-07	Phạm Thu Trang
					5	8	2	HNBG506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0701-07	Phạm Thu Trang
4070106	Tin học ứng dụng trong kinh tế	03		59	4	2	2	HNBG601	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0701-07	Phạm Thu Trang
					6	2	2	HNBG507	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-07	Phạm Thu Trang
4070107	Luật kinh tế	01		61	2	9	3	HNBG106	07/09/2015 - 12/10/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
					4	9	3	HNBG606	09/09/2015 - 14/10/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
4070107	Luật kinh tế	02		58	3	3	3	HNBG506	08/09/2015 - 13/10/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
					5	3	3	HNBG503	10/09/2015 - 15/10/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
4070107	Luật kinh tế	03		60	4	6	3	HNBG407	04/11/2015 - 09/12/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
					6	6	3	HNBG407	06/11/2015 - 11/12/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
4070107	Luật kinh tế	04		35	2	3	3	HNBG501	02/11/2015 - 07/12/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
					4	9	3	HNBG507	04/11/2015 - 09/12/2015	0701-05	Phí Mạnh Cường
4070107	Luật kinh tế	05		59	7	6	3	HNBG602	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0701-07	Phạm Thu Trang
4070108	Mô hình toán kinh tế	01		46	4	4	2	HNBG401	09/09/2015 - 14/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
					5	1	4	HNBG603	10/09/2015 - 15/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070109	Kinh doanh quốc tế	01		75	7	6	3	HNAA406	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0701-11	Phương Hữu Tùng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070109	Kinh doanh quốc tế	02		83	6	11	3	HNAB404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0701-11	Phương Hữu Tùng
4070111	Tin học ứng dụng trong kinh tế	01		60	7	6	3	HNAA405	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0701-04	Trần Anh Dũng
4070202	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp công nghiệp mỏ	01		23	3	3	3	HNAD302	03/11/2015 - 08/12/2015	0702-06	Nguyễn Ngọc Khánh
					6	1	3	HNAD204	06/11/2015 - 11/12/2015	0702-06	Nguyễn Ngọc Khánh
4070205	Marketing căn bản	01		40	4	11	3	HNAA402	18/11/2015 - 06/01/2016	0702-09	Phan Thị Thùy Linh
					6	11	3	HNAA407	20/11/2015 - 08/01/2016	0702-09	Phan Thị Thùy Linh
4070206	Quản trị sản xuất trong doanh nghiệp mỏ	01		61	7	2	4	HNAA408	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0702-13	Phạm Kiên Trung
4070208	Quản trị chất lượng	01		41	4	8	3	HNAB405	09/09/2015 - 14/10/2015	0702-14	Nguyễn Văn Thường
					5	1	3	HNAB303	10/09/2015 - 15/10/2015	0702-14	Nguyễn Văn Thường
4070208	Quản trị chất lượng	02		47	4	6	3	HNAB310	09/09/2015 - 14/10/2015	0703-09	Nguyễn Thu Hà
					6	9	3	HNAA405	11/09/2015 - 16/10/2015	0703-09	Nguyễn Thu Hà
4070208	Quản trị chất lượng	03		62	2	8	3	HNAB405	02/11/2015 - 07/12/2015	0703-09	Nguyễn Thu Hà
					6	8	3	HNAB405	06/11/2015 - 11/12/2015	0703-09	Nguyễn Thu Hà
4070210	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mỏ	01		37	4	4	2	HNBG408	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0702-07	Lê Thị Thu Hường
					6	4	2	HNBG501	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0702-07	Lê Thị Thu Hường
4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	01		60	7	6	3	HNAA403	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0702-07	Lê Thị Thu Hường
4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	02		62	7	2	3	HNAB506	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0702-07	Lê Thị Thu Hường
4070216	Quản trị học	01		61	2	9	3	HNAD304	07/09/2015 - 12/10/2015	0702-10	Nguyễn Đức Thắng
					6	6	3	HNAD202	11/09/2015 - 16/10/2015	0702-10	Nguyễn Đức Thắng
4070216	Quản trị học	02		61	2	10	3	HNAA402	02/11/2015 - 07/12/2015	0702-10	Nguyễn Đức Thắng
					5	3	3	HNAD402	05/11/2015 - 10/12/2015	0702-10	Nguyễn Đức Thắng
4070301	Quản trị chiến lược	01		61	2	11	2	HNAA407	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0703-11	Kim Mạnh Tuấn
					5	4	2	HNAD303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-11	Kim Mạnh Tuấn
4070301	Quản trị chiến lược	02		59	7	2	4	HNAA407	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-11	Kim Mạnh Tuấn
4070302	Quản trị nhân lực	01		19	3	6	3	HNAB307	29/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070302	Quản trị nhân lực	01		19	5	6	2	HNAB306	01/10/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
4070303	Kinh tế công nghiệp	01		57	3	10	2	HNBG402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
					5	10	2	HNBG402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
4070303	Kinh tế công nghiệp	02		33	2	4	2	HNBG402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
					5	1	2	HNBG402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
4070303	Kinh tế công nghiệp	03		39	3	8	2	HNBG403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0702-12	Lê Đình Chiểu
					5	8	2	HNBG407	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0702-12	Lê Đình Chiểu
4070303	Kinh tế công nghiệp	04		31	4	1	2	HNBG406	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0702-10	Nguyễn Đức Thắng
					6	1	2	HNBG403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0702-10	Nguyễn Đức Thắng
4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	01		62	2	4	2	HNBG502	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0703-11	Kim Mạnh Tuấn
					3	4	2	HNBG501	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-11	Kim Mạnh Tuấn
4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	02		61	7	9	4	HNAB503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0702-15	Lê Văn Chiến
4070305	Kinh tế môi trường	01		62	3	3	3	HNAB311	08/09/2015 - 13/10/2015	0702-15	Lê Văn Chiến
					6	1	3	HNAD503	11/09/2015 - 16/10/2015	0702-15	Lê Văn Chiến
4070305	Kinh tế môi trường	02		62	2	6	3	HNAB311	07/09/2015 - 12/10/2015	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân
					6	6	3	HNAB505	11/09/2015 - 16/10/2015	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân
4070305	Kinh tế môi trường	03		70	2	1	3	HNBG407	02/11/2015 - 07/12/2015	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân
					4	1	3	HNBG503	04/11/2015 - 09/12/2015	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân
4070305	Kinh tế môi trường	04		61	4	9	3	HNBG506	04/11/2015 - 09/12/2015	0702-15	Lê Văn Chiến
					6	9	3	HNBG502	06/11/2015 - 11/12/2015	0702-15	Lê Văn Chiến
4070305	Kinh tế môi trường	05		61	7	6	3	HNAA402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0702-13	Phạm Kiên Trung
4070306	Định mức kinh tế kỹ thuật	01		63	5	1	3	HNAB502	05/11/2015 - 10/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
					6	3	3	HNAD303	06/11/2015 - 11/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
4070306	Định mức kinh tế kỹ thuật	02		33	2	11	3	HNAB401	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
4070306	Định mức kinh tế kỹ thuật	03		31	3	11	3	HNAB404	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070307	Quản trị dự án đầu tư	01		27	3	4	2	HNAB201	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
					6	10	2	HNAA304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
4070307	Quản trị dự án đầu tư	02		62	2	4	2	HNAD203	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0702-05	Đồng Thị Bích
					5	4	2	HNAD302	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0702-05	Đồng Thị Bích
4070307	Quản trị dự án đầu tư	03		43	2	9	2	HNAB202	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
					5	4	2	HNAB405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
4070307	Quản trị dự án đầu tư	04		65	2	4	2	HNAD204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
					3	2	2	HNAA208	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	01		63	4	4	2	HNBG502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0703-01	Nguyễn Đức Thành
					6	4	2	HNBG506	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0703-01	Nguyễn Đức Thành
4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	02		70	3	8	2	HNBG402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
					5	8	2	HNBG403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	03		63	4	1	2	HNBG402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
					6	1	2	HNBG402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	04		61	3	6	2	HNBG403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0702-07	Lê Thị Thu Hường
					5	6	2	HNBG403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0702-07	Lê Thị Thu Hường
4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	05		59	2	3	2	HNBG403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0702-12	Lê Đình Chiều
					5	3	2	HNBG403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0702-12	Lê Đình Chiều
4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	06		43	7	2	4	HNAA406	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-01	Nguyễn Đức Thành
4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	07		40	3	11	3	HNAB202	17/11/2015 - 05/01/2016	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
					5	11	3	HNAB504	19/11/2015 - 07/01/2016	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
4070310	Đồ án phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	01		62	3	2	2	HNBG507	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-01	Nguyễn Đức Thành
					5	2	2	HNBG506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-01	Nguyễn Đức Thành

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070313	Kinh tế phát triển	01		60	7	6	3	HNAA308	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
4070314	Quản trị thương mại	01		66	2	1	3	HNAD503	07/09/2015 - 12/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
					6	3	3	HNAB311	11/09/2015 - 16/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070314	Quản trị thương mại	02		70	2	9	3	HNBG401	07/09/2015 - 12/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
					4	1	3	HNBG401	09/09/2015 - 14/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070314	Quản trị thương mại	04		25	2	6	3	HNBG401	02/11/2015 - 07/12/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
					3	1	3	HNBG402	03/11/2015 - 08/12/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070314	Quản trị thương mại	05		30	3	9	3	HNBG406	03/11/2015 - 08/12/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
					5	9	3	HNBG406	05/11/2015 - 10/12/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070314	Quản trị thương mại	06		60	7	9	3	HNAA304	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070315	Quản trị marketing	01		65	2	1	3	HNAB502	02/11/2015 - 07/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
					4	3	3	HNAB503	04/11/2015 - 09/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
4070315	Quản trị marketing	02		52	7	6	3	HNAA307	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy
4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	01		60	3	9	3	HNAA406	08/09/2015 - 13/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
					5	9	3	HNAA406	10/09/2015 - 15/10/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	02		61	7	6	3	HNAA306	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	03		62	6	11	3	HNAB405	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0703-02	Đỗ Hữu Tùng
4070320	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp dầu khí	01		22	3	9	2	HNAB310	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân
					5	10	2	HNAB202	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân
4070323	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp dầu khí	01		23	2	6	3	HNAA208	02/11/2015 - 07/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
					6	6	3	HNAA208	06/11/2015 - 11/12/2015	0703-03	Phan Thị Thái
4070324	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp dầu khí	01		21	3	6	2	HNBG502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0703-01	Nguyễn Đức Thành
					5	6	2	HNBG407	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0703-01	Nguyễn Đức Thành
4070330	Quản trị sản xuất	01		62	7	3	3	HNAD503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-08	Nguyễn Lan Hoàng Thảo

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070331	Quản trị dự án đầu tư	01		63	7	2	3	HNAA303	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn
4070401	Nguyên lý kế toán	01		62	2	10	2	HNAB505	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang
					5	10	2	HNAB405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang
4070401	Nguyên lý kế toán	02		63	2	6	2	HNBG601	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang
					6	6	2	HNBG603	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang
4070401	Nguyên lý kế toán	03		59	7	9	4	HNAB501	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang
4070403	Kế toán tài chính 1	01		68	4	1	3	HNAD403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
					6	1	3	HNAB506	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
4070403	Kế toán tài chính 1	02		70	3	6	3	HNAD402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
					5	6	3	HNAB506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
4070403	Kế toán tài chính 1	03		72	2	1	3	HNAB204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
					5	1	3	HNAD403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
4070403	Kế toán tài chính 1	04		60	2	6	3	HNAD302	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
					4	6	3	HNAB507	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
4070403	Kế toán tài chính 1	05		59	4	1	3	HNAB310	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng
					6	1	3	HNAD403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng
4070404	Kế toán tài chính 2	01		51	3	4	2	HNBG305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
					5	4	2	HNBG102	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
4070406	Tài chính doanh nghiệp	01		26	4	4	2	HNBD102	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-16	Lê Thị Thu Hồng
					6	4	2	HNBB2	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-16	Lê Thị Thu Hồng
4070406	Tài chính doanh nghiệp	02		57	2	4	2	HNAD403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-16	Lê Thị Thu Hồng
					5	4	2	HNAD403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-16	Lê Thị Thu Hồng
4070406	Tài chính doanh nghiệp	03		66	4	6	2	HNAB506	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-16	Lê Thị Thu Hồng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kế toán (07 0704)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070406	Tài chính doanh nghiệp	03		66	6	6	2	HNAB303	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-16	Lê Thị Thu Hồng
4070406	Tài chính doanh nghiệp	04		70	4	4	2	HNAB204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
					6	4	2	HNAD403	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
4070406	Tài chính doanh nghiệp	05		70	2	9	2	HNAD402	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
					4	9	2	HNAD403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
4070406	Tài chính doanh nghiệp	06		69	2	2	2	HNAB310	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
					5	2	2	HNAB204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
4070406	Tài chính doanh nghiệp	07		22	7	9	4	HNAB305	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
4070407	Kế toán quản trị	01		64	2	2	2	HNAD403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
					5	2	2	HNAB506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
4070407	Kế toán quản trị	02		61	3	9	2	HNAD402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
					5	9	2	HNAB506	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
4070407	Kế toán quản trị	03		70	4	2	2	HNAB204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
					6	2	2	HNAD402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
4070407	Kế toán quản trị	04		62	3	8	2	HNAD204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
					5	6	2	HNAB501	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
4070407	Kế toán quản trị	05		70	2	4	2	HNAB310	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
					5	4	2	HNAB310	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
4070409	Kiểm toán căn bản	01		46	3	10	2	HNBG101	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
					6	10	2	HNBD102	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
4070409	Kiểm toán căn bản	02		59	4	4	2	HNAD403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu
					6	4	2	HNAD402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu
4070409	Kiểm toán căn bản	03		52	4	8	2	HNAD402	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kế toán (07 0704)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070409	Kiểm toán căn bản	03		52	6	8	2	HNAD402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
4070409	Kiểm toán căn bản	04		71	2	4	2	HNAB204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
					5	4	2	HNAB204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
4070409	Kiểm toán căn bản	05		71	3	6	2	HNAB506	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
					5	8	2	HNAD402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
4070409	Kiểm toán căn bản	06		71	4	4	2	HNAB310	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
					6	4	2	HNAB204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-10	Phạm Thu Hương
4070410	Quản trị tài chính	01		27	2	2	2	HNAD502	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
					4	4	2	HNAD503	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
4070410	Quản trị tài chính	02		46	3	6	2	HNAA208	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
					5	2	2	HNAB405	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
4070411	Tài chính tiền tệ	01		62	3	12	2	HNAA402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-18	Vũ Ngọc Thịnh
					5	12	2	HNAA307	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-18	Vũ Ngọc Thịnh
4070412	Kế toán máy	01		40	2	10	4	HNAB404	16/11/2015 - 04/01/2016	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng
4070414	Thị trường chứng khoán	01		60	7	6	3	HNBG508	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
4070415	Kinh doanh tiền tệ	01		46	7	6	3	HNBG507	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0704-18	Vũ Ngọc Thịnh
4070419	Kế toán tài chính doanh nghiệp	01		55	3	10	2	HNBG503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
					5	10	2	HNBG407	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
4070419	Kế toán tài chính doanh nghiệp	02		25	4	10	2	HNBG502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
					6	10	2	HNBG503	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh
4070419	Kế toán tài chính doanh nghiệp	03		67	3	4	2	HNBG403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang
					5	4	2	HNBG407	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang
4070420	Thuế	01		57	2	6	3	HNBC2	07/09/2015 - 12/10/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kế toán (07 0704)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4070420	Thuế	01		57	5	9	3	HNBG107	10/09/2015 - 15/10/2015	0704-15	Đỗ Thị Hương
4070421	Kế toán chi phí sản xuất	01		43	2	6	3	HNBG401	07/09/2015 - 12/10/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
					3	1	3	HNBG402	08/09/2015 - 13/10/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
4070421	Kế toán chi phí sản xuất	02		25	2	9	3	HNBG402	07/09/2015 - 12/10/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
					6	9	3	HNBG403	11/09/2015 - 16/10/2015	0704-12	Phạm Minh Hải
4070421	Kế toán chi phí sản xuất	03		34	2	9	3	HNBG401	02/11/2015 - 07/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
					4	1	3	HNBG403	04/11/2015 - 09/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
4070421	Kế toán chi phí sản xuất	04		25	4	9	3	HNBG403	04/11/2015 - 09/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
					6	9	3	HNBG403	06/11/2015 - 11/12/2015	0704-14	Hoàng Thị Thủy
4070422	Kế toán xây dựng cơ bản	01		37	4	6	3	HNBG402	09/09/2015 - 14/10/2015	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh
					6	9	3	HNBG402	11/09/2015 - 16/10/2015	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh
4070422	Kế toán xây dựng cơ bản	02		31	3	6	3	HNBG401	08/09/2015 - 13/10/2015	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh
					5	3	3	HNBG402	10/09/2015 - 15/10/2015	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh
4070422	Kế toán xây dựng cơ bản	03		59	4	7	3	HNBG402	04/11/2015 - 09/12/2015	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh
					6	6	3	HNBG401	06/11/2015 - 11/12/2015	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh
4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	01		44	3	6	2	HNBG402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng
					5	6	2	HNBG401	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng
4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	03		25	3	10	2	HNBG403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng
					5	10	2	HNBG403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng
4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	04		51	2	10	2	HNAB503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng
					2	12	2	HNAB503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng
4070424	Thanh toán quốc tế	01		66	4	9	3	HNBG402	09/09/2015 - 14/10/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
					6	6	3	HNBG403	11/09/2015 - 16/10/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
4070424	Thanh toán quốc tế	04		58	3	1	3	HNBG403	03/11/2015 - 08/12/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
					6	3	3	HNBG406	06/11/2015 - 11/12/2015	0704-11	Dương Thị Nhân
4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	01		60	2	10	2	HNAB207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0806-07	Nguyễn Thế Bình
					4	11	2	HNAB502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0806-07	Nguyễn Thế Bình

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Công nghệ phần mềm (08 0801)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	02		61	3	4	2	HNAA205	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
					4	4	2	HNAA206	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	03		56	3	8	2	HNAA303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
					4	10	2	HNAA303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	02		48	2	8	2	HNBG607	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh
					3	6	2	HNBG606	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh
4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	03		28	2	4	2	HNBG603	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0801-04	Phạm Văn Đồng
					4	4	2	HNBG201	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-04	Phạm Văn Đồng
4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	04		34	4	4	2	HNBG305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0805-01	Cánh Chí Thanh
					6	4	2	HNBG205	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0805-01	Cánh Chí Thanh
4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	02		19	4	6	2	HNBG305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0805-07	Lê Hồng Anh
					6	6	2	HNBG607	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0805-07	Lê Hồng Anh
4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	03		49	4	12	2	HNAA206	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-04	Phạm Văn Đồng
					6	10	2	HNAD204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-04	Phạm Văn Đồng
4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	04		32	2	12	2	HNAA205	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0801-04	Phạm Văn Đồng
					3	12	2	HNAA204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-04	Phạm Văn Đồng
4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	01		20	2	3	2	HNBG105	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0801-06	Hoàng Anh Đức
					4	3	2	HNBG105	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-06	Hoàng Anh Đức
4080107	Tương tác người - máy	01		38	3	6	2	HNBB1	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-06	Hoàng Anh Đức
					6	6	2	HNBD102	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-06	Hoàng Anh Đức
4080108	Lập trình Java	01		27	7	2	4	HNBG404	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
4080108	Lập trình Java	03		39	2	4	2	HNBG606	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
					4	4	2	HNBG301	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080109	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	02		31	2	4	2	HNBB1	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0806-08	Phạm Quang Hiền
					4	4	2	HNBB1	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0806-08	Phạm Quang Hiền
4080110	Mã nguồn mở	01		63	7	6	3	HNAA305	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
4080112	Hệ chuyên gia	02		38	3	4	2	HNBG508	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
					5	4	2	HNBG602	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	01		60	2	6	3	HNAA407	07/09/2015 - 12/10/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
					5	6	3	HNAB504	10/09/2015 - 15/10/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	02		37	2	9	3	HNBG103	02/11/2015 - 07/12/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
					5	9	3	HNBB1	05/11/2015 - 10/12/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	01		33	2	9	3	HNBG301	07/09/2015 - 12/10/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
					6	9	3	HNBG301	11/09/2015 - 16/10/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
4080115	Công nghệ phần mềm	01		40	3	2	2	HNBG107	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
					5	2	2	HNBG102	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
4080115	Công nghệ phần mềm	02		41	4	8	2	HNBG305	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
					6	2	2	HNBG106	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	01		47	4	4	2	HNBC1	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
					5	4	2	HNBB1	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
4080117	Quản trị dự án công nghệ thông tin	01		66	7	9	3	HNBG403	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0806-07	Nguyễn Thế Bình
4080119	Chuyên đề 1	01		34	3	9	3	HNBG201	08/09/2015 - 13/10/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
					5	9	3	HNBG102	10/09/2015 - 15/10/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
4080126	Tin học ứng dụng	01		61	7	6	3	HNBG506	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương
4080153	Thiết kế Website	01		63	7	3	3	HNAB404	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0803-14	Đinh Bảo Ngọc
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	01		61	7	2	4	HNAA402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	02		31	4	11	2	HNBG106	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-03	Dương Chí Thiện

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	02		31	6	11	2	HNAB505	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0802-03	Dương Chí Thiện
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	03		162	3	3	3	HNBG302	20/10/2015 - 15/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
					5	2	2	HNBG302	22/10/2015 - 17/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	04		109	3	8	3	HNBG302	20/10/2015 - 15/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
					5	9	2	HNBG206	22/10/2015 - 17/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	05		213	2	4	2	HNAD101	19/10/2015 - 14/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
					5	3	3	HNAD101	22/10/2015 - 17/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	06		212	2	8	3	HNAD101	19/10/2015 - 14/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
					4	6	2	HNAD101	21/10/2015 - 16/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	08		125	3	6	2	HNBG306	20/10/2015 - 15/12/2015	0802-09	Vũ Lan Phương
					5	6	3	HNBG306	22/10/2015 - 17/12/2015	0802-09	Vũ Lan Phương
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	09		119	5	1	3	HNBG306	22/10/2015 - 17/12/2015	0802-09	Vũ Lan Phương
					6	4	2	HNBG206	23/10/2015 - 18/12/2015	0802-09	Vũ Lan Phương
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	10		184	3	6	2	HNAD101	20/10/2015 - 15/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
					6	6	3	HNAD401	23/10/2015 - 18/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	12		128	3	4	2	HNBG202	20/10/2015 - 15/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
					4	1	3	HNBG206	21/10/2015 - 16/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	13		124	2	6	3	HNBG206	19/10/2015 - 14/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
					3	9	2	HNBG206	20/10/2015 - 15/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	14		141	5	4	2	HNBG202	22/10/2015 - 17/12/2015	0802-14	Đặng Quốc Trung

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	14		141	6	3	3	HNBG202	23/10/2015 - 18/12/2015	0802-14	Đặng Quốc Trung
4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	15		145	2	6	2	HNBG202	19/10/2015 - 14/12/2015	0802-03	Dương Chí Thiện
					4	6	3	HNBG202	21/10/2015 - 16/12/2015	0802-03	Dương Chí Thiện
4080202	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)	01		237	3	1	2	HNAD101	20/10/2015 - 15/12/2015	0802-09	Vũ Lan Phương
					4	3	3	HNAD201	21/10/2015 - 16/12/2015	0802-09	Vũ Lan Phương
4080202	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)	02		231	3	9	2	HNAD201	20/10/2015 - 15/12/2015	0802-03	Dương Chí Thiện
					5	8	3	HNAD201	22/10/2015 - 17/12/2015	0802-03	Dương Chí Thiện
4080203	Cơ sở lập trình	01		33	7	6	4	HNAA205	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0802-14	Đặng Quốc Trung
4080203	Cơ sở lập trình	02		47	5	10	2	HNAA308	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0804-12	Trương Xuân Bình
					6	6	2	HNAA406	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0804-12	Trương Xuân Bình
4080203	Cơ sở lập trình	03		61	2	4	2	HNAB205	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
					5	4	2	HNAA407	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
4080203	Cơ sở lập trình	04		37	2	7	2	HNAB305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
					5	7	2	HNAB502	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
4080203	Cơ sở lập trình	05		61	4	4	2	HNAB501	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
					6	4	2	HNAB205	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
4080203	Cơ sở lập trình	06		31	4	8	2	HNAD202	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
					6	8	2	HNAB206	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0804-04	Phạm Đức Hậu
4080203	Cơ sở lập trình	07		60	3	4	2	HNAB206	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0802-14	Đặng Quốc Trung
					4	1	2	HNAB504	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-14	Đặng Quốc Trung
4080203	Cơ sở lập trình	08		50	4	2	2	HNAA206	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
					6	4	2	HNAA205	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080203	Cơ sở lập trình	09		49	3	6	2	HNAA303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
					5	6	2	HNAA303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0802-02	Đặng Hữu Nghị
4080203	Cơ sở lập trình	11		27	7	2	4	HNAA308	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0802-14	Đặng Quốc Trung
4080205	Lý thuyết đồ thị cho tin học	02		37	2	10	3	HNAA307	02/11/2015 - 07/12/2015	0802-10	Vương Như Quỳnh
					6	10	3	HNAB206	06/11/2015 - 11/12/2015	0802-10	Vương Như Quỳnh
4080206	Cơ sở dữ liệu	01		60	2	1	2	HNAB305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
					5	4	2	HNAA408	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
4080206	Cơ sở dữ liệu	02		61	4	6	2	HNAA405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
					6	6	2	HNAB206	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0802-13	Bùi Thị Vân Anh
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	01		22	4	1	2	HNABG105	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-01	Lê Văn Hưng
					5	1	2	HNABG105	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0801-01	Lê Văn Hưng
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	02		27	2	10	2	HNAA403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
					3	12	2	HNAA304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	03		56	2	4	2	HNAD502	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
					4	6	2	HNAD503	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	04		33	4	10	2	HNAD502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
					6	10	2	HNAD502	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0802-07	Đào Thu Vân
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	05		26	3	12	2	HNAA303	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0804-12	Trương Xuân Bình
					6	12	2	HNAA306	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0804-12	Trương Xuân Bình
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	06		35	4	10	2	HNAD204	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-01	Lê Văn Hưng
					5	12	2	HNAA204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0801-01	Lê Văn Hưng
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	07		33	4	12	2	HNAA303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0801-01	Lê Văn Hưng
					6	12	2	HNAA304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-01	Lê Văn Hưng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Tin học Trắc địa (08 0803)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	08		46	4	6	2	HNAD502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0803-07	Trần Mai Hương
					6	6	2	HNAD503	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0803-07	Trần Mai Hương
4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng trên C++ BTL	01		37	2	4	2	HNAD503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0805-07	Lê Hồng Anh
					5	10	2	HNAB311	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0805-07	Lê Hồng Anh
4080211	Phương pháp tính ứng dụng	01		60	7	9	3	HNBG402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0802-09	Vũ Lan Phương
4080302	Đồ họa máy tính	01		37	2	1	3	HNBG607	02/11/2015 - 07/12/2015	0803-03	Nguyễn Quang Khánh
					4	1	3	HNBG108	04/11/2015 - 09/12/2015	0803-03	Nguyễn Quang Khánh
4080304	Cơ sở xử lý ảnh số	01		46	4	1	3	HNAA407	09/09/2015 - 14/10/2015	0803-07	Trần Mai Hương
					6	1	3	HNAB502	11/09/2015 - 16/10/2015	0803-07	Trần Mai Hương
4080306	Hệ thống tin địa lý + BTL	01		27	3	9	2	HNBG404	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0803-05	Nguyễn Thị Mai Dung
					5	7	2	HNBG404	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0803-05	Nguyễn Thị Mai Dung
4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	01		59	7	3	3	HNBG602	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0803-02	Trần Trung Chuyên
4080311	ứng dụng tin học trong trắc địa công trình	01		27	2	9	3	HNBG405	07/09/2015 - 12/10/2015	0803-03	Nguyễn Quang Khánh
					4	9	3	HNBG405	09/09/2015 - 14/10/2015	0803-03	Nguyễn Quang Khánh
4080313	Cơ sở dữ liệu nền địa lý	01		27	2	6	3	HNBG405	07/09/2015 - 12/10/2015	0803-01	Nguyễn Trường Xuân
					5	9	3	HNBG404	10/09/2015 - 15/10/2015	0803-01	Nguyễn Trường Xuân
4080314	Đo ảnh 1	01		39	2	1	3	HNBG201	02/11/2015 - 07/12/2015	0803-08	Ngô Thị Phương Thảo
					5	6	3	HNBG101	05/11/2015 - 10/12/2015	0803-08	Ngô Thị Phương Thảo
4080316	Tin học đại cương ứng dụng	01		55	7	6	3	HNAB404	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0803-14	Đinh Bảo Ngọc
4080402	Thuật toán trong tin địa chất	01		27	2	6	3	HNBG603	07/09/2015 - 12/10/2015	0804-11	Phạm An Cường
					5	9	3	HNBG503	10/09/2015 - 15/10/2015	0804-11	Phạm An Cường
4080404	Đồ họa máy tính ứng dụng trong tin địa chất	01		27	2	9	3	HNBG603	02/11/2015 - 07/12/2015	0804-08	Nguyễn Thị Hải Yến
					4	6	3	HNBG205	04/11/2015 - 09/12/2015	0804-08	Nguyễn Thị Hải Yến
4080407	Cơ sở lý thuyết xử lý ảnh	01		28	2	1	3	HNAB306	07/09/2015 - 12/10/2015	0804-07	Ngô Hùng Long
					3	8	3	HNBG405	08/09/2015 - 13/10/2015	0804-07	Ngô Hùng Long
4080408	Anh văn chuyên ngành tin địa chất	01		28	2	6	3	HNBG608	02/11/2015 - 07/12/2015	0804-06	Bùi Thị ánh Nguyệt

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Tin học Địa chất (08 0804)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080408	Anh văn chuyên ngành tin địa chất	01		28	5	9	3	HNBG205	05/11/2015 - 10/12/2015	0804-06	Bùi Thị ánh Nguyệt
4080410	Phát triển phần mềm ứng dụng trong địa chất	01		28	3	1	3	HNAB306	08/09/2015 - 13/10/2015	0804-07	Ngô Hùng Long
					5	1	3	HNBG405	10/09/2015 - 15/10/2015	0804-07	Ngô Hùng Long
4080411	Lập trình ứng dụng chuyên ngành tin địa chất	01		52	7	3	3	HNAA208	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0804-07	Ngô Hùng Long
4080412	Chuyên đề 1	01		28	4	6	3	HNAB306	09/09/2015 - 14/10/2015	0804-05	Dương Thị Tâm
					6	1	3	HNAB307	11/09/2015 - 16/10/2015	0804-05	Dương Thị Tâm
4080414	Nghiên cứu, đánh giá tài nguyên khoáng	01		34	3	6	3	HNBG301	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0804-01	Trương Xuân Luận
					5	6	3	HNBG305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0804-01	Trương Xuân Luận
4080504	Phát triển phần mềm ứng dụng trong mỏ + BTL	01		28	2	2	2	HNBG405	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0805-01	Cảnh Chí Thanh
					4	2	2	HNBG405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0805-01	Cảnh Chí Thanh
4080505	Mô hình hóa và giải bài toán kỹ thuật bằng máy tính + TH	01		16	2	6	4	PMAY2	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0805-02	Lê Quang Cường
4080506	Chuyên đề 1 (công nghệ thông tin)	01		16	3	6	2	HNBG607	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0805-06	Nguyễn Thị Phương Bắc
					5	6	2	HNBG607	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0805-06	Nguyễn Thị Phương Bắc
4080512	Mapinfo	01		28	2	7	3	HNBG404	02/11/2015 - 07/12/2015	0805-04	Nông Thị Oanh
					6	3	3	HNBB1	06/11/2015 - 11/12/2015	0805-04	Nông Thị Oanh
4080513	Surfer	01		23	3	3	3	HNBG405	08/09/2015 - 13/10/2015	0805-01	Cảnh Chí Thanh
					6	9	3	HNBG404	11/09/2015 - 16/10/2015	0805-01	Cảnh Chí Thanh
4080514	Microstation	01		24	3	3	3	HNBG404	03/11/2015 - 08/12/2015	0805-04	Nông Thị Oanh
					6	9	3	HNBG405	06/11/2015 - 11/12/2015	0805-04	Nông Thị Oanh
4080515	Tin học ứng dụng chuyên ngành tin học mỏ	01		16	7	9	3	HNBG503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0805-03	Nguyễn Thùy Dương
4080602	ứng dụng tin học trong lập và phân tích dự án đầu tư	01		39	2	1	5	PMAY1	07/09/2015 - 12/10/2015	0806-03	Nguyễn Thu Hằng
4080603	Kinh tế thông tin	01		40	4	6	3	HNBG606	04/11/2015 - 09/12/2015	0806-01	Lê Thanh Huệ
					6	8	3	HNBG603	06/11/2015 - 11/12/2015	0806-01	Lê Thanh Huệ
4080606	Thống kê và ứng dụng tin học	01		42	5	6	5	PMAY1	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 19/11/2015	0806-03	Nguyễn Thu Hằng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080607	Sử dụng bảng tính điện tử trong các bài toán kinh tế	01		41	4	6	5	PMAY1	09/09/2015 - 14/10/2015	0806-05	Phạm Thị Nguyệt
4080608	Lập trình quản lý + TH	01		38	4	1	5	PMAY1	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh
4080610	Tối ưu hóa - thuật toán	01		17	3	8	3	HNBG405	03/11/2015 - 08/12/2015	0806-01	Lê Thanh Huệ
					6	3	3	HNBG405	06/11/2015 - 11/12/2015	0806-01	Lê Thanh Huệ
4080610	Tối ưu hóa - thuật toán	02		60	7	3	3	HNBG608	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0806-07	Nguyễn Thế Bình
4080612	Chuyên đề - thực hành 2	01		38	2	6	5	PMAY1	02/11/2015 - 07/12/2015	0806-01	Lê Thanh Huệ
4080616	Phát triển phần mềm ứng dụng trong kinh tế và quản lý	01		39	5	1	5	PMAY1	10/09/2015 - 15/10/2015	0806-03	Nguyễn Thu Hằng
4080617	Tin học đại cương ứng dụng chuyên ngành kinh tế	01		60	7	6	5	HNAB306	07/11/2015 - 12/12/2015	0806-05	Phạm Thị Nguyệt
4080618	Mã nguồn mở chuyên ngành kinh tế	01		35	5	1	5	PMAY1	05/11/2015 - 10/12/2015	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh
4080621	Thương mại điện tử	01		64	7	6	3	HNBG502	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0806-07	Nguyễn Thế Bình
4080703	Tiếng Anh chuyên ngành mạng	01		54	3	6	3	HNAB505	08/09/2015 - 13/10/2015	0801-07	Đào Anh Thư
					5	9	3	HNAA402	10/09/2015 - 15/10/2015	0801-07	Đào Anh Thư
4080704	Phương pháp tính Ứng dụng chuyên ngành	01		58	7	6	3	HNBG501	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0803-04	Nguyễn Tuấn Anh
4080705	An ninh mạng + BTL	01		60	4	2	4	HNBG404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-05	Đỗ Như Hải
4080705	An ninh mạng + BTL	02		60	7	2	4	HNAA307	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0802-05	Đỗ Như Hải
4080706	Mạng máy tính + BTL	01		23	2	12	2	HNAA403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0801-07	Đào Anh Thư
					6	12	2	HNAA404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-07	Đào Anh Thư
4080706	Mạng máy tính + BTL	02		60	4	6	2	HNAA203	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
					6	6	2	HNAB305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
4080706	Mạng máy tính + BTL	03		42	3	10	2	HNAA208	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-07	Đào Anh Thư
					5	12	2	HNAA305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0801-07	Đào Anh Thư
4080706	Mạng máy tính + BTL	04		37	3	12	2	HNAA203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0801-15	Phạm Đình Tân
					6	12	2	HNAA204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-15	Phạm Đình Tân
4080706	Mạng máy tính + BTL	05		39	2	10	2	HNAA308	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin
Bộ môn: Mạng máy tính (08 0807)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080706	Mạng máy tính + BTL	05		39	4	10	2	HNAB201	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
4080707	Lập trình mạng	01		29	3	9	2	HNBG601	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0805-07	Lê Hồng Anh
					4	9	2	HNBG301	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0805-07	Lê Hồng Anh
4080708	Cơ sở truyền tin và truyền số liệu	01		62	7	3	3	HNBG102	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
4080709	Kiến trúc máy tính	01		32	2	6	3	HNAD304	07/09/2015 - 12/10/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
					6	6	3	HNAB204	11/09/2015 - 16/10/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
4080709	Kiến trúc máy tính	02		27	4	10	3	HNAD202	09/09/2015 - 14/10/2015	0804-08	Nguyễn Thị Hải Yến
					6	11	3	HNAA303	11/09/2015 - 16/10/2015	0804-08	Nguyễn Thị Hải Yến
4080709	Kiến trúc máy tính	03		60	3	1	3	HNAB205	08/09/2015 - 13/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
					5	1	3	HNAA408	10/09/2015 - 15/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
4080709	Kiến trúc máy tính	04		33	3	11	3	HNAA306	08/09/2015 - 13/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
					6	11	3	HNAA206	11/09/2015 - 16/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
4080709	Kiến trúc máy tính	05		27	2	11	3	HNAA303	07/09/2015 - 12/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
					6	1	3	HNAB305	11/09/2015 - 16/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
4080709	Kiến trúc máy tính	06		23	2	11	3	HNAA203	02/11/2015 - 07/12/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
					5	11	3	HNAA206	05/11/2015 - 10/12/2015	0807-07	Đặng Xuân Điệp
4080709	Kiến trúc máy tính	07		53	3	1	3	HNAB206	03/11/2015 - 08/12/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
					5	1	3	HNAA407	05/11/2015 - 10/12/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
4080709	Kiến trúc máy tính	08		58	2	3	3	HNAA206	02/11/2015 - 07/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
					5	3	3	HNAA205	05/11/2015 - 10/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
4080709	Kiến trúc máy tính	09		40	5	8	3	HNAA206	05/11/2015 - 10/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
					6	8	3	HNAA203	06/11/2015 - 11/12/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
4080709	Kiến trúc máy tính	10		38	2	6	3	HNAB501	02/11/2015 - 07/12/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
					6	6	3	HNAA408	06/11/2015 - 11/12/2015	0805-08	Đặng Văn Nam
4080714	Quản trị mạng + ĐA	01		32	2	1	3	HNBG205	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0801-15	Phạm Đình Tân
					4	1	3	HNBG107	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0801-15	Phạm Đình Tân
4080716	Truyền dữ liệu	01		28	3	1	3	HNBG106	08/09/2015 - 13/10/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy
					5	1	3	HNBG101	10/09/2015 - 15/10/2015	0802-11	Trần Thị Thu Thúy

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Công nghệ thông tin
Bộ môn: Mạng máy tính (08 0807)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4080717	Chuyên đề 1	01		33	3	6	3	HNBG305	08/09/2015 - 13/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Diệp
					5	6	3	HNBG205	10/09/2015 - 15/10/2015	0807-07	Đặng Xuân Diệp
4080721	Mã nguồn mở chuyên ngành + BTL	01		41	2	4	2	HNBC1	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0801-15	Phạm Đình Tân
					6	2	2	HNBG404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-15	Phạm Đình Tân
4080722	Mô phỏng mạng + BTL	01		41	2	2	2	HNBG404	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
					6	4	2	HNBG404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang
4080723	Kỹ thuật điện tử	01		51	7	6	3	HNBG408	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0805-02	Lê Quang Cường
4080725	Thiết kế mạng	01		41	3	2	3	HNBG404	08/09/2015 - 13/10/2015	0801-07	Đào Anh Thư
					5	2	3	HNBG404	10/09/2015 - 15/10/2015	0801-07	Đào Anh Thư
4090101	Máy điện 1 + BTL	01		44	4	1	3	HNAB307	04/11/2015 - 09/12/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
					6	7	5	HNAB401	06/11/2015 - 11/12/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
4090101	Máy điện 1 + BTL	02		28	4	4	2	HNAB405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0901-02	Nguyễn Hạnh Tiến
					6	4	2	HNAD204	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-02	Nguyễn Hạnh Tiến
4090101	Máy điện 1 + BTL	03		45	4	4	2	HNAB404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
					5	8	2	HNAD503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
4090102	Máy điện 2 + TN	01		43	3	3	3	HNAB202	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0901-02	Nguyễn Hạnh Tiến
					5	3	3	HNAB507	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0901-02	Nguyễn Hạnh Tiến
4090106	Vật liệu điện và cao áp	01		45	2	12	2	HNAA305	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
					3	11	2	HNAB206	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
4090106	Vật liệu điện và cao áp	02		39	3	1	2	HNAB507	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
					4	1	2	HNAA208	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
4090106	Vật liệu điện và cao áp	03		37	2	1	2	HNAB201	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
					6	2	2	HNAA208	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
4090106	Vật liệu điện và cao áp	04		43	2	6	2	HNAD403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090106	Vật liệu điện và cao áp	04		43	6	4	2	HNAB404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
4090107	An toàn điện	01		63	2	3	3	HNAB201	02/11/2015 - 07/12/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
					5	9	3	HNAD302	05/11/2015 - 10/12/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
4090107	An toàn điện	02		60	2	1	3	HNBG606	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
					4	1	3	HNBG205	09/09/2015 - 14/10/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
4090107	An toàn điện	03		59	5	3	3	HNAD304	05/11/2015 - 10/12/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
					6	3	3	HNAD203	06/11/2015 - 11/12/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
4090107	An toàn điện	04		62	2	9	3	HNAB501	02/11/2015 - 07/12/2015	0901-07	Bùi Đình Thanh
					5	6	3	HNAA208	05/11/2015 - 10/12/2015	0901-07	Bùi Đình Thanh
4090107	An toàn điện	05		60	7	6	3	HNBG407	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0901-07	Bùi Đình Thanh
4090109	Bảo vệ role	01		39	5	1	2	HNBG104	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
					6	1	2	HNBG405	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090109	Bảo vệ role	02		46	2	4	2	HNBG506	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
					6	4	2	HNBG601	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090111	Tiếng Anh chuyên ngành điện khí hóa	01		40	5	1	2	HNAB507	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
					6	1	2	HNAB202	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
4090113	Truyền tin công nghiệp	01		38	2	3	3	HNBG104	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
					4	1	3	HNBG104	09/09/2015 - 14/10/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
4090113	Truyền tin công nghiệp	02		43	2	1	3	HNBG601	02/11/2015 - 07/12/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
					5	1	3	HNBG607	05/11/2015 - 10/12/2015	0901-17	Lê Văn Tuấn
4090114	Điện khí hoá xí nghiệp + ĐA	01		42	3	4	2	HNBC1	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
					5	4	2	HNBC1	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
4090114	Điện khí hoá xí nghiệp + ĐA	02		38	2	6	2	HNBC1	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
					4	6	2	HNBB1	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
4090115	Tin học chuyên ngành điện khí hóa	01		40	3	9	3	HNBC1	08/09/2015 - 13/10/2015	0901-09	Ngô Thanh Tuấn
					6	1	3	HNBC1	11/09/2015 - 16/10/2015	0901-09	Ngô Thanh Tuấn

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090115	Tin học chuyên ngành điện khí hóa	02		42	2	1	3	HNBC1	02/11/2015 - 07/12/2015	0901-09	Ngô Thanh Tuấn
					5	9	3	HNBC1	05/11/2015 - 10/12/2015	0901-09	Ngô Thanh Tuấn
4090121	Máy điện	01		60	3	2	2	HNAB502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0901-14	Nguyễn Duy Tuấn
					5	2	2	HNAB305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0901-14	Nguyễn Duy Tuấn
4090121	Máy điện	02		70	3	6	2	HNAB207	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0901-14	Nguyễn Duy Tuấn
					6	6	2	HNAB207	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-14	Nguyễn Duy Tuấn
4090125	Nhà máy điện	01		61	7	1	3	HNBG201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
4090125	Nhà máy điện	02		37	6	6	4	HNBG106	20/11/2015 - 08/01/2016	0901-07	Bùi Đình Thanh
4090126	Cơ sở cung cấp điện	01		54	2	1	3	HNBG402	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-09	Ngô Thanh Tuấn
					4	6	3	HNBG403	09/09/2015 - 14/10/2015	0901-09	Ngô Thanh Tuấn
4090126	Cơ sở cung cấp điện	02		60	3	6	3	HNBG406	08/09/2015 - 13/10/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
					5	6	3	HNBG406	10/09/2015 - 15/10/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
4090126	Cơ sở cung cấp điện	03		62	2	6	3	HNBG406	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
					6	1	3	HNBG406	11/09/2015 - 16/10/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
4090126	Cơ sở cung cấp điện	04		43	2	9	3	HNBG406	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
					4	6	3	HNBG408	09/09/2015 - 14/10/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
4090126	Cơ sở cung cấp điện	05		60	3	9	3	HNBG408	03/11/2015 - 08/12/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
					5	9	3	HNBG408	05/11/2015 - 10/12/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
4090126	Cơ sở cung cấp điện	06		46	4	9	3	HNBG408	04/11/2015 - 09/12/2015	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến
					6	9	3	HNBG407	06/11/2015 - 11/12/2015	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến
4090126	Cơ sở cung cấp điện	07		60	2	1	3	HNAD302	02/11/2015 - 07/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
					4	3	3	HNAD402	04/11/2015 - 09/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090126	Cơ sở cung cấp điện	08		60	2	6	3	HNAD203	02/11/2015 - 07/12/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
					6	6	3	HNAB502	06/11/2015 - 11/12/2015	0901-10	Hồ Việt Bun
4090126	Cơ sở cung cấp điện	09		60	7	3	3	HNAB303	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến
4090129	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống điện	01		29	3	8	3	HNAD503	08/09/2015 - 13/10/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
					5	8	3	HNAD502	10/09/2015 - 15/10/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
4090129	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống điện	02		45	2	9	3	HNAD303	02/11/2015 - 07/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090129	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống điện	02		45	4	1	3	HNAA409	04/11/2015 - 09/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
4090131	Lưới điện 2	01		37	3	8	2	HNBG606	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0901-07	Bùi Đình Thanh
					5	9	2	HNBG606	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0901-07	Bùi Đình Thanh
4090133	Ngắn mạch trong hệ thống điện	01		49	2	9	3	HNBG502	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
					6	9	3	HNBB1	11/09/2015 - 16/10/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090134	Phân điện trong nhà máy điện và trạm biến áp	01		37	4	6	2	HNBG601	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
					6	6	2	HNBG507	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
4090137	Cơ khí đường dây	01		38	3	1	3	HNBG405	03/11/2015 - 08/12/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
					6	3	3	HNBG104	06/11/2015 - 11/12/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
4090139	Hệ thống cung cấp điện 1	01		37	2	3	3	HNAB201	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
					4	1	3	HNAB501	09/09/2015 - 14/10/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
4090139	Hệ thống cung cấp điện 1	02		41	3	8	3	HNAB202	03/11/2015 - 08/12/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
					6	9	3	HNAD304	06/11/2015 - 11/12/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
4090145	Tự động hóa trong hệ thống điện mở	01		42	2	1	3	HNBC1	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
					4	9	3	HNBB1	09/09/2015 - 14/10/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090145	Tự động hóa trong hệ thống điện mở	02		38	3	1	3	HNBC1	03/11/2015 - 08/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
					5	6	3	HNBC1	05/11/2015 - 10/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090150	Kinh tế năng lượng	01		68	7	6	3	HNBG406	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0901-04	Lê Xuân Thành
4090150	Kinh tế năng lượng	02		37	4	9	4	HNAB307	18/11/2015 - 06/01/2016	0901-17	Lê Văn Tuấn
4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	01		61	7	6	3	HNBG403	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0901-14	Nguyễn Duy Tuấn
4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	02		50	7	9	3	HNBG201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0901-08	Đỗ Như ý
4090152	Vận hành hệ thống điện	01		42	2	9	3	HNBD102	07/09/2015 - 12/10/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
					5	3	3	HNBG104	10/09/2015 - 15/10/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
4090152	Vận hành hệ thống điện	02		62	7	3	3	HNAB207	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu
4090159	Chuyên đề điện khí hóa 1+2	01		43	4	1	3	HNBC1	09/09/2015 - 14/10/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
					5	9	3	HNBC1	10/09/2015 - 15/10/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090159	Chuyên đề điện khí hóa 1+2	02		47	3	6	3	HNBC1	03/11/2015 - 08/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090159	Chuyên đề điện khí hóa 1+2	02		47	6	9	3	HNBC1	06/11/2015 - 11/12/2015	0901-05	Phạm Trung Sơn
4090164	Điện khí hoá xí nghiệp	01		36	3	1	3	HNBG104	08/09/2015 - 13/10/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
					6	3	3	HNBG104	11/09/2015 - 16/10/2015	0901-01	Nguyễn Anh Nghĩa
4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	01		60	3	4	2	HNAD204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
					4	4	2	HNAB201	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	02		50	3	8	2	HNAD502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
					4	9	2	HNAB404	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	03		60	3	4	2	HNAB305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
					5	4	2	HNAB206	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	04		66	3	8	2	HNAB506	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
					4	6	2	HNAA207	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	01		57	5	4	2	HNBG401	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
					6	4	2	HNAB401	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	02		60	5	7	2	HNBG402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
					6	7	2	HNBG402	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0902-09	Phạm Minh Hải
4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	01		46	2	4	2	HNBG608	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0902-14	Đào Hiếu
					5	4	2	HNBG101	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-14	Đào Hiếu
4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	02		60	2	1	2	HNAB503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0902-14	Đào Hiếu
					4	4	2	HNAB504	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-14	Đào Hiếu
4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	03		65	2	8	2	HNAB506	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0902-14	Đào Hiếu
					5	8	2	HNAB303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-14	Đào Hiếu
4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	01		36	3	10	2	HNAD502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0902-15	Thái Hải Âu
					5	10	2	HNAD304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-15	Thái Hải Âu

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	02		59	2	4	2	HNAB505	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
					5	1	2	HNAD304	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	03		45	3	10	2	HNAB305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
					5	9	2	HNAA208	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
4090208	Điều khiển mờ và mạng nơron	01		60	2	10	3	HNAB307	07/09/2015 - 12/10/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
					4	10	3	HNAB401	09/09/2015 - 14/10/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
4090208	Điều khiển mờ và mạng nơron	02		55	4	6	3	HNAB307	04/11/2015 - 09/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
					6	1	3	HNAB307	06/11/2015 - 11/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
4090209	Điều khiển số	01		60	4	4	2	HNAB401	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-05	Nguyễn Đức Khoát
					6	2	2	HNAB401	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0902-05	Nguyễn Đức Khoát
4090209	Điều khiển số	02		65	4	8	4	HNBG401	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-05	Nguyễn Đức Khoát
4090210	Các hệ thống rời rạc	01		55	5	8	3	HNBG401	10/09/2015 - 15/10/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
					6	8	3	HNBG401	11/09/2015 - 16/10/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090210	Các hệ thống rời rạc	02		59	4	3	3	HNBG401	04/11/2015 - 09/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
					6	3	3	HNBG402	06/11/2015 - 11/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090210	Các hệ thống rời rạc	04		29	7	6	3	HNBG402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	01		40	3	9	3	HNBG205	08/09/2015 - 13/10/2015	0902-20	Nguyễn ánh Dương
					5	9	3	HNBG106	10/09/2015 - 15/10/2015	0902-20	Nguyễn ánh Dương
4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	01		60	2	3	3	HNBG401	07/09/2015 - 12/10/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
					3	3	3	HNBG401	08/09/2015 - 13/10/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	02		60	3	7	3	HNBG401	03/11/2015 - 08/12/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
					5	9	3	HNBG401	05/11/2015 - 10/12/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
4090213	Điện tử công suất	01		45	3	8	3	HNAB404	08/09/2015 - 13/10/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
					5	8	3	HNAB404	10/09/2015 - 15/10/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
4090213	Điện tử công suất	02		47	2	1	3	HNBG602	02/11/2015 - 07/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090213	Điện tử công suất	02		47	5	8	3	HNBG603	05/11/2015 - 10/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
4090214	Cơ sở truyền động điện	01		55	3	1	3	HNBG205	08/09/2015 - 13/10/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
					5	1	3	HNBG201	10/09/2015 - 15/10/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
4090214	Cơ sở truyền động điện	02		47	4	9	3	HNBG408	09/09/2015 - 14/10/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
					6	9	3	HNBG408	11/09/2015 - 16/10/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
4090214	Cơ sở truyền động điện	03		48	3	1	3	HNBG508	03/11/2015 - 08/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
					5	1	3	HNBG507	05/11/2015 - 10/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	01		20	4	6	3	HNBC1	09/09/2015 - 14/10/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
					6	6	3	HNBC1	11/09/2015 - 16/10/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	03		63	3	3	3	HNAB401	03/11/2015 - 08/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
					5	1	3	HNAB401	05/11/2015 - 10/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	04		60	3	10	3	HNBG401	03/11/2015 - 08/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
					6	9	3	HNBG401	06/11/2015 - 11/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
4090220	Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA	01		40	2	9	3	HNBC2	02/11/2015 - 07/12/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
					4	11	3	HNBG608	04/11/2015 - 09/12/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
4090220	Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA	02		42	2	7	3	HNBG108	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
					6	7	3	HNBA2	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
4090220	Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA	03		56	4	10	3	HNBG102	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
					6	10	3	HNBG106	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0902-04	Nguyễn Chí Tinh
4090221	Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa	01		58	2	3	3	HNAB206	07/09/2015 - 12/10/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
					6	1	3	HNAB503	11/09/2015 - 16/10/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090221	Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa	02		59	4	8	3	HNAB207	04/11/2015 - 09/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
					6	8	3	HNAB506	06/11/2015 - 11/12/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090223	Robot công nghiệp	01		60	3	7	3	HNAB401	08/09/2015 - 13/10/2015	0902-05	Nguyễn Đức Khoát
					6	10	3	HNAB307	11/09/2015 - 16/10/2015	0902-05	Nguyễn Đức Khoát
4090223	Robot công nghiệp	02		56	3	9	3	HNAB307	03/11/2015 - 08/12/2015	0902-05	Nguyễn Đức Khoát
					5	9	3	HNAB307	05/11/2015 - 10/12/2015	0902-05	Nguyễn Đức Khoát
4090224	Phương pháp lập trình CNC	01		36	5	6	3	HNBB1	10/09/2015 - 15/10/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
					6	3	3	HNBB1	11/09/2015 - 16/10/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090224	Phương pháp lập trình CNC	02		45	3	10	3	HNAB307	08/09/2015 - 13/10/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
					4	3	3	HNAB307	09/09/2015 - 14/10/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
4090224	Phương pháp lập trình CNC	03		60	2	1	3	HNBA2	02/11/2015 - 07/12/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
					3	6	3	HNBG108	03/11/2015 - 08/12/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
4090224	Phương pháp lập trình CNC	05		60	7	3	3	HNAA409	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0902-12	Uông Quang Tuyến
4090226	Chuyên đề 1+2	01		61	2	3	3	HNBD102	07/09/2015 - 12/10/2015	0902-19	Nguyễn Thế Lực
					5	3	3	HNAB307	10/09/2015 - 15/10/2015	0902-19	Nguyễn Thế Lực
4090226	Chuyên đề 1+2	02		53	2	8	3	HNBA2	02/11/2015 - 07/12/2015	0902-19	Nguyễn Thế Lực
					5	6	3	HNAB307	05/11/2015 - 10/12/2015	0902-19	Nguyễn Thế Lực
4090227	Điện tử công suất + BTL	01		41	4	4	2	HNBG108	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
					6	4	2	HNBA3	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
4090227	Điện tử công suất + BTL	02		60	4	2	2	HNAB505	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
					6	4	2	HNAB501	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
4090227	Điện tử công suất + BTL	03		66	2	6	2	HNAA207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
					5	6	2	HNAA409	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0902-08	Khổng Cao Phong
4090238	Kỹ thuật điều khiển tự động	01		37	2	8	3	HNAB204	07/09/2015 - 12/10/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
					4	1	3	HNAB201	09/09/2015 - 14/10/2015	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan
4090244	Kỹ thuật đo lường	01		41	4	3	3	HNAB507	09/09/2015 - 14/10/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
					6	3	3	HNAB507	11/09/2015 - 16/10/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
4090244	Kỹ thuật đo lường	02		40	3	1	3	HNAB204	08/09/2015 - 13/10/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
					5	3	3	HNAB201	10/09/2015 - 15/10/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
4090244	Kỹ thuật đo lường	03		41	4	9	3	HNAA409	04/11/2015 - 09/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
					6	6	3	HNAB201	06/11/2015 - 11/12/2015	0902-07	Đặng Văn Chí
4090246	Truyền động điện	01		38	2	9	3	HNBG507	02/11/2015 - 07/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
					4	9	3	HNBG607	04/11/2015 - 09/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
4090249	Kỹ thuật vi điều khiển	01		45	4	4	2	HNBG602	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0902-19	Nguyễn Thế Lực
					6	2	2	HNBG607	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0902-19	Nguyễn Thế Lực

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090255	Truyền động điện	01		42	2	7	2	HNBD103	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
					3	1	2	HNBG101	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0902-03	Phan Minh Tạo
4090264	Kỹ thuật số logic + TH	01		35	7	2	4	HNAA306	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0902-15	Thái Hải Âu
4090301	Kỹ thuật điện +TN	01		60	3	8	2	HNAB305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh
					5	10	2	HNAA306	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh
4090301	Kỹ thuật điện +TN	02		60	4	2	2	HNAA303	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh
					6	2	2	HNAA206	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh
4090301	Kỹ thuật điện +TN	03		61	2	4	2	HNAD304	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh
					6	4	2	HNAD502	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh
4090301	Kỹ thuật điện +TN	04		60	3	4	2	HNAA305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0903-08	Cung Quang Khang
					6	4	2	HNAA306	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0903-08	Cung Quang Khang
4090301	Kỹ thuật điện +TN	05		61	3	6	2	HNAA307	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0903-04	Phạm Công Hòa
					5	6	2	HNAA306	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0903-04	Phạm Công Hòa
4090301	Kỹ thuật điện +TN	06		59	3	4	2	HNAA306	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0903-07	Đinh Văn Thắng
					5	4	2	HNAA305	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0903-07	Đinh Văn Thắng
4090301	Kỹ thuật điện +TN	07		60	3	8	2	HNAA308	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0903-17	Tổng Ngọc Anh
					5	8	2	HNAA308	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0903-17	Tổng Ngọc Anh
4090301	Kỹ thuật điện +TN	08		61	2	1	2	HNAA308	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0903-17	Tổng Ngọc Anh
					4	4	2	HNAA308	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0903-17	Tổng Ngọc Anh
4090301	Kỹ thuật điện +TN	11		41	7	9	4	HNAA407	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0903-14	Bùi Ngọc Hùng
4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	01		46	4	6	2	HNAA306	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0903-14	Bùi Ngọc Hùng
					6	6	2	HNAA305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0903-14	Bùi Ngọc Hùng
4090305	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN	01		42	5	9	2	HNAB502	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0903-01	Đào Đức Tuyên

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Kỹ thuật điện - Điện tử (09 0903)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090305	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN	01		42	6	10	2	HNAA305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0903-01	Đào Đắc Tuyên
4090305	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN	02		66	2	2	2	HNAA207	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0903-01	Đào Đắc Tuyên
					4	2	2	HNAA207	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0903-01	Đào Đắc Tuyên
4090307	Lý thuyết mạch điện - điện tử +TN	01		60	3	12	2	HNAA308	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh
					5	12	2	HNAA306	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh
4090308	Cơ sở lý thuyết trường điện từ	01		51	2	1	3	HNAB202	07/09/2015 - 12/10/2015	0903-04	Phạm Công Hòa
					3	1	3	HNAB201	08/09/2015 - 13/10/2015	0903-04	Phạm Công Hòa
4090308	Cơ sở lý thuyết trường điện từ	02		60	2	6	3	HNAD402	02/11/2015 - 07/12/2015	0903-04	Phạm Công Hòa
					6	9	3	HNAD302	06/11/2015 - 11/12/2015	0903-04	Phạm Công Hòa
4090309	Điện tử tương tự và số +TN	01		37	3	1	3	HNAD204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0903-05	Nguyễn Xuân Cương
					6	3	3	HNAB507	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0903-05	Nguyễn Xuân Cương
4090310	Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN	01		59	4	2	2	HNAD503	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0903-06	Kim Ngọc Linh
					6	1	2	HNAB201	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0903-06	Kim Ngọc Linh
4090310	Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN	02		46	3	6	2	HNAB204	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0903-06	Kim Ngọc Linh
					4	11	2	HNAA205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0903-06	Kim Ngọc Linh
4090312	Thiết kế mạch điện tử	01		51	2	1	3	HNBG607	07/09/2015 - 12/10/2015	0903-06	Kim Ngọc Linh
					5	1	3	HNBG205	10/09/2015 - 15/10/2015	0903-06	Kim Ngọc Linh
4090315	Xử lý số tín hiệu	01		60	5	3	3	HNAB202	10/09/2015 - 15/10/2015	0903-15	Hà Thị Chúc
					6	3	3	HNAB202	11/09/2015 - 16/10/2015	0903-15	Hà Thị Chúc
4090315	Xử lý số tín hiệu	02		41	4	3	3	HNAB502	04/11/2015 - 09/12/2015	0903-15	Hà Thị Chúc
					6	6	3	HNAB202	06/11/2015 - 11/12/2015	0903-15	Hà Thị Chúc
4090317	Hệ thống thông tin đo lường	01		29	4	9	3	HNAB307	09/09/2015 - 14/10/2015	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh
					6	9	3	HNBG507	11/09/2015 - 16/10/2015	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh
4090320	Dụng cụ và thiết bị đo lường điện tử	01		51	4	3	3	HNBG608	04/11/2015 - 09/12/2015	0903-05	Nguyễn Xuân Cương
					5	1	3	HNAD204	05/11/2015 - 10/12/2015	0903-05	Nguyễn Xuân Cương
4090322	Trang bị điện - điện tử công nghiệp	01		31	3	9	3	HNBB1	08/09/2015 - 13/10/2015	0903-07	Đinh Văn Thắng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Kỹ thuật điện - Điện tử (09 0903)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090322	Trang bị điện - điện tử công nghiệp	01		31	5	9	3	HNBB1	10/09/2015 - 15/10/2015	0903-07	Đinh Văn Thắng
4090324	Chuyên đề điện - điện tử 1	01		26	2	6	3	HNBG106	07/09/2015 - 12/10/2015	0903-18	Nguyễn Tiến Sĩ
					6	6	3	HNBB1	11/09/2015 - 16/10/2015	0903-18	Nguyễn Tiến Sĩ
4090325	Chuyên đề điện - điện tử 2	01		27	2	9	3	HNBG101	02/11/2015 - 07/12/2015	0903-08	Cung Quang Khang
					5	6	3	HNBB1	05/11/2015 - 10/12/2015	0903-08	Cung Quang Khang
4090326	Kỹ thuật vi xử lý +TN	01		51	4	1	2	HNBG501	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0903-18	Nguyễn Tiến Sĩ
					6	1	2	HNBG608	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0903-18	Nguyễn Tiến Sĩ
4090327	Điều khiển logic các thiết bị điện - điện tử	01		36	2	9	3	HNBG201	07/09/2015 - 12/10/2015	0903-08	Cung Quang Khang
					5	6	3	HNBC1	10/09/2015 - 15/10/2015	0903-08	Cung Quang Khang
4090341	Mô phỏng mạch điện và điện tử	01		62	7	3	3	HNAB201	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0903-01	Đào Đức Tuyên
4090401	Nguyên lý máy + BTL	01		38	3	4	2	HNAD203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0904-13	Nguyễn Duy Chính
					6	2	2	HNAB405	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0904-13	Nguyễn Duy Chính
4090401	Nguyên lý máy + BTL	03		47	4	6	2	HNAB505	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0904-13	Nguyễn Duy Chính
					6	6	2	HNAB501	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0904-13	Nguyễn Duy Chính
4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	01		49	4	4	2	HNAD502	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
					6	4	2	HNAD304	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	03		39	3	1	2	HNAA408	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
					6	2	2	HNAB206	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	04		26	4	4	2	HNAB205	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
					5	4	2	HNAB503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	05		47	3	10	2	HNAA308	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
					5	10	2	HNAA404	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
4090404	Kỹ thuật đo + BTL	01		37	2	8	2	HNAB310	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0904-12	Bùi Minh Hoàng
					4	10	2	HNAA403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0904-12	Bùi Minh Hoàng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090404	Kỹ thuật đo + BTL	02		46	3	8	2	HNAB201	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0904-11	Lê Quang Thịnh
					5	8	2	HNAB202	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0904-11	Lê Quang Thịnh
4090406	Cơ sở thiết kế máy	01		38	2	4	2	HNAD202	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0904-30	Phạm Tuấn
					5	4	2	HNAD204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0904-30	Phạm Tuấn
4090406	Cơ sở thiết kế máy	03		56	2	6	2	HNAB204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
					6	6	2	HNAB507	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
4090408	Kỹ thuật gia công cơ khí 1	01		41	2	1	3	HNAB405	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0904-11	Lê Quang Thịnh
					5	1	3	HNAA208	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0904-11	Lê Quang Thịnh
4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	01		42	3	6	2	HNAD202	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
					6	2	2	HNAD502	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng
4090410	Đồ án kỹ thuật gia công cơ khí 2	01		54	2	6	3	HNBG502	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-11	Lê Quang Thịnh
					4	6	3	HNBG506	04/11/2015 - 09/12/2015	0904-11	Lê Quang Thịnh
4090412	Thủy lực cơ sở A + TN	01		61	2	2	2	HNAA203	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
					4	2	2	HNAA203	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
4090412	Thủy lực cơ sở A + TN	02		61	3	6	2	HNAA203	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
					6	6	2	HNAA203	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
4090413	Thủy lực cơ sở B	01		33	3	11	3	HNAA306	03/11/2015 - 08/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					5	1	3	HNAD202	05/11/2015 - 10/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090413	Thủy lực cơ sở B	03		44	3	10	3	HNAA307	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					5	9	3	HNAB305	10/09/2015 - 15/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090413	Thủy lực cơ sở B	04		33	2	9	3	HNAA404	07/09/2015 - 12/10/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
					6	10	3	HNAB206	11/09/2015 - 16/10/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
4090413	Thủy lực cơ sở B	05		30	3	1	3	HNAA204	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					4	6	3	HNAB404	09/09/2015 - 14/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090413	Thủy lực cơ sở B	06		60	2	9	3	HNAD303	07/09/2015 - 12/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					4	9	3	HNAB507	09/09/2015 - 14/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090413	Thủy lực cơ sở B	07		52	3	10	3	HNAB504	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
					6	8	3	HNAB507	11/09/2015 - 16/10/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
4090413	Thủy lực cơ sở B	08		60	2	6	3	HNAB501	07/09/2015 - 12/10/2015	0904-31	Lê Kinh Thanh
					3	6	3	HNAB202	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-31	Lê Kinh Thanh
4090413	Thủy lực cơ sở B	09		27	3	10	3	HNAA305	03/11/2015 - 08/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
					5	1	3	HNAB504	05/11/2015 - 10/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
4090413	Thủy lực cơ sở B	10		26	4	10	3	HNAD202	04/11/2015 - 09/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
					6	10	3	HNAA406	06/11/2015 - 11/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
4090413	Thủy lực cơ sở B	11		56	3	3	3	HNAB207	03/11/2015 - 08/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
					6	1	3	HNAB207	06/11/2015 - 11/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
4090413	Thủy lực cơ sở B	12		56	2	6	3	HNAA409	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					4	6	3	HNAA409	04/11/2015 - 09/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090413	Thủy lực cơ sở B	13		48	2	3	3	HNAA408	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-07	Phạm Đức Thiên
					3	1	3	HNAA306	03/11/2015 - 08/12/2015	0904-07	Phạm Đức Thiên
4090413	Thủy lực cơ sở B	14		43	2	9	3	HNAA405	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
					5	6	3	HNAB205	05/11/2015 - 10/12/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
4090413	Thủy lực cơ sở B	15		61	2	3	3	HNAB206	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					6	3	3	HNAA407	06/11/2015 - 11/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090413	Thủy lực cơ sở B	16		31	4	9	3	HNAB305	04/11/2015 - 09/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					6	9	3	HNAA405	06/11/2015 - 11/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090413	Thủy lực cơ sở B	17		47	7	3	3	HNAB202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
4090415	Kỹ thuật nhiệt B	01		62	3	6	3	HNAA406	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-07	Phạm Đức Thiên
					5	6	3	HNAA406	10/09/2015 - 15/10/2015	0904-07	Phạm Đức Thiên
4090415	Kỹ thuật nhiệt B	02		58	4	8	3	HNAA207	09/09/2015 - 14/10/2015	0904-07	Phạm Đức Thiên
					6	3	3	HNAA207	11/09/2015 - 16/10/2015	0904-07	Phạm Đức Thiên
4090415	Kỹ thuật nhiệt B	03		43	3	3	3	HNAD403	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
					6	8	3	HNAA404	11/09/2015 - 16/10/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
4090415	Kỹ thuật nhiệt B	04		61	3	3	3	HNAA203	03/11/2015 - 08/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
					5	3	3	HNAA203	05/11/2015 - 10/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
4090415	Kỹ thuật nhiệt B	05		61	2	6	3	HNAA203	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10 08 2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090415	Kỹ thuật nhiệt B	05		61	5	10	3	HNAA304	05/11/2015 - 10/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
4090415	Kỹ thuật nhiệt B	07		44	7	9	3	HNAD503	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0904-05	Phạm Thị Thủy
4090417	Kỹ thuật thủy khí B + TN	01		42	4	6	2	HNAB201	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
					5	10	2	HNAB503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0904-03	Nguyễn Văn Lại
4090418	Kỹ thuật thủy khí C	01		54	2	10	3	HNAA307	07/09/2015 - 12/10/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
					4	10	3	HNAD503	09/09/2015 - 14/10/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
4090418	Kỹ thuật thủy khí C	02		70	2	1	3	HNAA409	07/09/2015 - 12/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
					4	1	3	HNAA409	09/09/2015 - 14/10/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090418	Kỹ thuật thủy khí C	03		53	2	8	3	HNAA204	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-31	Lê Kinh Thanh
					4	8	3	HNAA203	04/11/2015 - 09/12/2015	0904-31	Lê Kinh Thanh
4090418	Kỹ thuật thủy khí C	05		59	7	9	3	HNAD502	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng
4090421	Nguyên lý máy	01		58	3	1	3	HNAB206	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-12	Bùi Minh Hoàng
					5	1	3	HNAB503	10/09/2015 - 15/10/2015	0904-12	Bùi Minh Hoàng
4090421	Nguyên lý máy	02		29	5	6	3	HNAD202	05/11/2015 - 10/12/2015	0904-12	Bùi Minh Hoàng
					6	6	3	HNAB504	06/11/2015 - 11/12/2015	0904-12	Bùi Minh Hoàng
4090421	Nguyên lý máy	04		41	2	1	3	HNAB205	02/11/2015 - 07/12/2015	0904-13	Nguyễn Duy Chính
					5	1	3	HNAB205	05/11/2015 - 10/12/2015	0904-13	Nguyễn Duy Chính
4090444	Tin học chuyên đề	01		29	7	9	3	HNAB404	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0904-16	Nguyễn Phúc Trường
4090502	Truyền động thủy khí + BTL	01		55	3	3	2	HNBG301	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0905-01	Vũ Nam Ngạn
					5	3	2	HNBG301	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0905-01	Vũ Nam Ngạn
4090503	Thiết bị động lực	01		60	2	6	3	HNBD102	07/09/2015 - 12/10/2015	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng
					4	1	3	HNBB1	09/09/2015 - 14/10/2015	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng
4090503	Thiết bị động lực	02		62	4	8	3	HNAB405	04/11/2015 - 09/12/2015	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng
					6	8	3	HNAD203	06/11/2015 - 11/12/2015	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng
4090504	Máy vận tải + ĐA	01		30	2	9	3	HNBD103	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0905-04	Nguyễn Hữu Việt
					5	10	3	HNBG607	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0905-04	Nguyễn Hữu Việt
4090505	Máy nâng - máy xếp dỡ	01		31	3	6	3	HNBC1	08/09/2015 - 13/10/2015	0904-09	Nguyễn Văn Xô

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Máy và thiết bị công nghiệp (09 0905)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090505	Máy nâng - máy xếp dỡ	01		31	4	9	3	HNBD102	09/09/2015 - 14/10/2015	0904-09	Nguyễn Văn Xô
4090507	Trục tải	01		30	4	6	3	HNBC1	04/11/2015 - 09/12/2015	0905-12	Đặng Vũ Đình
					6	9	3	HNBB1	06/11/2015 - 11/12/2015	0905-12	Đặng Vũ Đình
4090508	Máy và thiết bị khai thác mỏ + ĐA	01		48	4	1	3	HNBG301	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
					6	1	3	HNBG201	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
4090509	Máy tuyển khoáng + BTL	01		29	3	10	2	HNBG606	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0905-05	Đinh Văn Chiến
					6	1	2	HNBB1	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0905-05	Đinh Văn Chiến
4090510	Công nghệ sửa chữa máy	02		48	3	1	2	HNBG503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0905-08	Phạm Văn Tiến
					5	1	2	HNBG301	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0905-08	Phạm Văn Tiến
4090510	Công nghệ sửa chữa máy	03		47	4	4	2	HNBG503	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
					6	4	2	HNBG507	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
4090512	Tin học chuyên ngành	01		39	2	1	3	HNBB1	07/09/2015 - 12/10/2015	0904-09	Nguyễn Văn Xô
					6	9	3	HNBG205	11/09/2015 - 16/10/2015	0904-09	Nguyễn Văn Xô
4090539	Máy thủy khí	01		23	2	9	3	HNBG104	07/09/2015 - 12/10/2015	0905-11	Vũ Ngọc Trà
					4	6	3	HNBG105	09/09/2015 - 14/10/2015	0905-11	Vũ Ngọc Trà
4090539	Máy thủy khí	02		61	3	3	3	HNAB507	08/09/2015 - 13/10/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
					5	3	3	HNAD304	10/09/2015 - 15/10/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
4090539	Máy thủy khí	03		62	2	6	3	HNAA404	07/09/2015 - 12/10/2015	0905-11	Vũ Ngọc Trà
					5	11	3	HNAA205	10/09/2015 - 15/10/2015	0905-11	Vũ Ngọc Trà
4090539	Máy thủy khí	04		27	5	9	3	HNAD303	10/09/2015 - 15/10/2015	0905-01	Vũ Nam Ngạn
					6	6	3	HNAA408	11/09/2015 - 16/10/2015	0905-01	Vũ Nam Ngạn
4090539	Máy thủy khí	05		37	2	9	3	HNAB305	02/11/2015 - 07/12/2015	0905-01	Vũ Nam Ngạn
					5	6	3	HNAB504	05/11/2015 - 10/12/2015	0905-01	Vũ Nam Ngạn
4090539	Máy thủy khí	06		59	2	1	3	HNAB505	02/11/2015 - 07/12/2015	0905-11	Vũ Ngọc Trà
					3	3	3	HNAB405	03/11/2015 - 08/12/2015	0905-11	Vũ Ngọc Trà
4090539	Máy thủy khí	07		36	2	9	3	HNAD304	02/11/2015 - 07/12/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
					5	9	3	HNAD502	05/11/2015 - 10/12/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
4090539	Máy thủy khí	08		40	4	10	3	HNBG406	09/12/2015 - 06/01/2016	0905-11	Vũ Ngọc Trà

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Máy và thiết bị công nghiệp (09 0905)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10 08 2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4090539	Máy thủy khí	08		40	6	10	3	HNBG506	11/12/2015 - 08/01/2016	0905-11	Vũ Ngọc Trà
4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	01		64	2	2	2	HNAD203	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
					4	1	2	HNAD302	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	02		52	2	6	2	HNAA204	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
					4	6	2	HNAB501	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0905-07	Trần Ngọc Minh
4090545	Vận tải và kho chứa	01		44	2	4	2	HNAB404	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0905-12	Đặng Vũ Đình
					5	10	2	HNAB501	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0905-12	Đặng Vũ Đình
4090545	Vận tải và kho chứa	02		54	3	6	2	HNAD502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0905-06	Đặng Trần Việt
					5	6	2	HNAD503	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0905-06	Đặng Trần Việt
4090547	Máy khai thác và máy vận tải	01		61	2	4	2	HNAB507	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0905-09	Trần Bá Trung
					6	4	2	HNAD503	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0905-09	Trần Bá Trung
4090547	Máy khai thác và máy vận tải	02		46	3	6	2	HNAB305	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0905-09	Trần Bá Trung
					5	6	2	HNAD403	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0905-09	Trần Bá Trung
4090547	Máy khai thác và máy vận tải	03		32	2	4	2	HNAB202	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0905-33	Cao Trọng Khuông
					6	9	2	HNAA208	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0905-33	Cao Trọng Khuông
4090547	Máy khai thác và máy vận tải	04		43	3	4	2	HNAD502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0905-09	Trần Bá Trung
					6	10	2	HNAB305	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0905-09	Trần Bá Trung
4090547	Máy khai thác và máy vận tải	05		59	2	4	2	HNAB405	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
					3	1	2	HNAD503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
4090547	Máy khai thác và máy vận tải	06		31	4	6	2	HNAB405	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
					6	6	2	HNAB404	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0905-02	Đoàn Văn Giáp
4090550	Máy xây dựng	01		52	2	9	3	HNBG506	07/09/2015 - 12/10/2015	0905-08	Phạm Văn Tiến
					4	9	3	HNBG501	09/09/2015 - 14/10/2015	0905-08	Phạm Văn Tiến
4100101	Các phương pháp số	01		84	3	6	3	HNBG602	03/11/2015 - 08/12/2015	0303-10	Đặng Văn Kiên

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Xây dựng

Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4100101	Các phương pháp số	01		84	5	9	3	HNBG201	05/11/2015 - 10/12/2015	0303-10	Đặng Văn Kiên
4100105	Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ngầm và mỏ	01		51	2	11	3	HNAA204	07/09/2015 - 12/10/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
					3	11	3	HNAA206	08/09/2015 - 13/10/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
4100106	Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ngầm	01		37	5	11	3	HNAA203	10/09/2015 - 15/10/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
					6	11	3	HNAA203	11/09/2015 - 16/10/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
4100106	Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ngầm	02		44	5	11	3	HNAA203	05/11/2015 - 10/12/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
					6	11	3	HNAA303	06/11/2015 - 11/12/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
4100110	Quy hoạch thiết kế các công trình trên mặt đất	01		59	7	3	3	HNAB507	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
4100110	Quy hoạch thiết kế các công trình trên mặt đất	02		32	4	11	3	HNAB506	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0303-12	Đào Viết Đoàn
4100113	Cấu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm và mỏ	02		59	2	6	3	HNBG602	07/09/2015 - 12/10/2015	0303-04	Đào Văn Canh
					4	6	3	HNBG205	09/09/2015 - 14/10/2015	0303-04	Đào Văn Canh
4100114	Cấu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm	01		44	3	1	3	HNBG201	03/11/2015 - 08/12/2015	0303-27	Phan Tuấn Anh
					5	1	3	HNBG205	05/11/2015 - 10/12/2015	0303-27	Phan Tuấn Anh
4100115	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	01		54	3	9	3	HNBG502	08/09/2015 - 13/10/2015	0303-11	Trần Tuấn Minh
					6	9	3	HNBG502	11/09/2015 - 16/10/2015	0303-11	Trần Tuấn Minh
4100120	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm	01		58	2	6	3	HNBG603	02/11/2015 - 07/12/2015	0303-11	Trần Tuấn Minh
					4	6	3	HNBG508	04/11/2015 - 09/12/2015	0303-11	Trần Tuấn Minh
4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	01		38	3	2	2	HNBG304	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0303-04	Đào Văn Canh
					5	1	2	HNBG303	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0303-04	Đào Văn Canh
4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mỏ (lò băng, lò nghiêng)	01		16	2	3	3	HNBG303	07/09/2015 - 12/10/2015	0303-16	Nguyễn Tài Tiến

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Xây dựng

Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mỏ (lò băng, lò nghiêng)	01		16	5	3	3	HNBG303	10/09/2015 - 15/10/2015	0303-16	Nguyễn Tài Tiến
4100134	Xây dựng công trình ngầm và mỏ trong các điều kiện đặc biệt	01		66	3	1	3	HNBA2	03/11/2015 - 08/12/2015	0303-42	Đặng Văn Quân
					4	1	3	HNBD102	04/11/2015 - 09/12/2015	0303-42	Đặng Văn Quân
4100138	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm	01		55	3	6	3	HNBA2	08/09/2015 - 13/10/2015	0303-05	Ngô Doãn Hào
					5	6	3	HNBD103	10/09/2015 - 15/10/2015	0303-05	Ngô Doãn Hào
4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm và mỏ	01		67	2	1	3	HNBG106	02/11/2015 - 07/12/2015	0303-27	Phan Tuấn Anh
					6	1	3	HNBD103	06/11/2015 - 11/12/2015	0303-27	Phan Tuấn Anh
4100140	Nguyên lý thiết kế xây dựng công trình ngầm và mỏ	01		73	2	1	3	HNBG103	07/09/2015 - 12/10/2015	0303-01	Võ Trọng Hùng
					4	6	3	HNBD103	09/09/2015 - 14/10/2015	0303-01	Võ Trọng Hùng
4100141	Nguyên lý thiết kế xây dựng công trình ngầm	01		54	3	6	3	HNBG305	03/11/2015 - 08/12/2015	0303-01	Võ Trọng Hùng
					5	6	3	HNBD103	05/11/2015 - 10/12/2015	0303-01	Võ Trọng Hùng
4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	01		60	7	9	3	HNAB405	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0303-11	Trần Tuấn Minh
4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	02		39	5	11	3	HNAD204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0303-09	Đặng Trung Thành
4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	01		64	4	9	3	HNBC2	04/11/2015 - 09/12/2015	0303-07	Đỗ Ngọc Anh
					6	9	3	HNBG305	06/11/2015 - 11/12/2015	0303-07	Đỗ Ngọc Anh
4100151	Xây dựng giếng đứng	01		80	4	1	3	HNBA2	09/09/2015 - 14/10/2015	0303-04	Đào Văn Canh
					6	1	3	HNBG108	11/09/2015 - 16/10/2015	0303-04	Đào Văn Canh
4100151	Xây dựng giếng đứng	02		43	2	1	3	HNBG606	02/11/2015 - 07/12/2015	0303-10	Đặng Văn Kiên
					4	1	3	HNBG103	04/11/2015 - 09/12/2015	0303-10	Đặng Văn Kiên
4100153	Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm	01		56	4	9	3	HNBG602	09/09/2015 - 14/10/2015	0303-11	Trần Tuấn Minh
					6	6	3	HNBG305	11/09/2015 - 16/10/2015	0303-11	Trần Tuấn Minh
4100157	Tổ chức và quản lý thi công	01		67	3	1	3	HNBD102	08/09/2015 - 13/10/2015	0303-09	Đặng Trung Thành

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Xây dựng

Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4100157	Tổ chức và quản lý thi công	01		67	5	1	3	HNBD102	10/09/2015 - 15/10/2015	0303-09	Đặng Trung Thành
4100157	Tổ chức và quản lý thi công	02		54	4	6	3	HNBD103	04/11/2015 - 09/12/2015	0303-27	Phan Tuấn Anh
					6	6	3	HNBG305	06/11/2015 - 11/12/2015	0303-27	Phan Tuấn Anh
4100170	Thi công hầm và công trình ngầm	01		64	7	6	3	HNAA304	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0303-09	Đặng Trung Thành
4100201	Vật liệu xây dựng	01		30	2	10	3	HNAB506	07/09/2015 - 12/10/2015	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh
					6	11	3	HNAA407	11/09/2015 - 16/10/2015	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh
4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	01		70	3	1	2	HNAD403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	1002-07	Đặng Văn Phi
					5	2	2	HNAB310	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	1002-07	Đặng Văn Phi
4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	02		71	3	6	2	HNAD403	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	1002-06	Đặng Hoàng Thông
					5	6	2	HNAD402	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	1002-06	Đặng Hoàng Thông
4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	03		59	3	8	2	HNAA208	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh
					6	9	2	HNAD202	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh
4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	04		62	2	4	2	HNAB503	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	1002-07	Đặng Văn Phi
					5	4	2	HNAD203	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	1002-07	Đặng Văn Phi
4100206	Kết cấu thép	01		69	2	3	3	HNAA208	07/09/2015 - 12/10/2015	1002-06	Đặng Hoàng Thông
					4	3	3	HNAA208	09/09/2015 - 14/10/2015	1002-06	Đặng Hoàng Thông
4100206	Kết cấu thép	02		76	4	6	3	HNAB204	04/11/2015 - 09/12/2015	0303-18	Lê Tuấn Anh
					6	6	3	HNAB204	06/11/2015 - 11/12/2015	0303-18	Lê Tuấn Anh
4100206	Kết cấu thép	03		60	2	1	3	HNAB501	02/11/2015 - 07/12/2015	0303-18	Lê Tuấn Anh
					3	3	3	HNAB503	03/11/2015 - 08/12/2015	0303-18	Lê Tuấn Anh
4100210	Kinh tế xây dựng	01		54	3	1	3	HNBG102	08/09/2015 - 13/10/2015	1002-05	Ngô Xuân Hùng
					5	1	3	HNBG305	10/09/2015 - 15/10/2015	1002-05	Ngô Xuân Hùng
4100211	Kiến trúc 1	01		55	4	6	2	HNBG201	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	1002-05	Ngô Xuân Hùng
					6	6	2	HNBG601	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	1002-05	Ngô Xuân Hùng
4100221	Tin học ứng dụng trong xây dựng	01		59	7	3	3	HNAD304	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	1002-07	Đặng Văn Phi
4100226	Giám sát thi công	01		36	6	11	3	HNBG102	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	1002-05	Ngô Xuân Hùng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Xây dựng

Bộ môn: Xây dựng Hạ tầng cơ sở (10 1003)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4100301	Thiết kế công trình cầu	01		45	4	4	2	HNBG607	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng
					6	4	2	HNBG201	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng
4100303	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	01		44	4	2	2	HNBG102	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng
					6	2	2	HNBG101	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng
4100318	Cấp thoát nước trong công trình xây dựng	01		65	7	3	3	HNAD303	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0405-04	Tạ Đức Thịnh
4100325	Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ tầng cơ sở	01		55	7	3	3	HNAD302	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng
4110101	Hóa học môi trường + TN	01		81	3	1	2	HNAB311	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0103-02	Hoàng Thị Chung
					4	4	2	HNAB311	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0103-02	Hoàng Thị Chung
4110101	Hóa học môi trường + TN	02		82	5	8	2	HNAB311	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
					6	10	2	HNAB311	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
4110102	Phân tích môi trường	01		60	3	1	3	HNAD203	08/09/2015 - 13/10/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
					4	9	3	HNAB503	09/09/2015 - 14/10/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
4110102	Phân tích môi trường	02		61	4	9	3	HNAB202	04/11/2015 - 09/12/2015	0103-02	Hoàng Thị Chung
					6	9	3	HNAB504	06/11/2015 - 11/12/2015	0103-02	Hoàng Thị Chung
4110102	Phân tích môi trường	03		40	7	9	3	HNAA208	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-02	Hoàng Thị Chung
4110104	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	01		61	2	6	3	HNAB504	02/11/2015 - 07/12/2015	0408-09	Đỗ Cao Cường
					4	6	3	HNAB202	04/11/2015 - 09/12/2015	0408-09	Đỗ Cao Cường
4110105	Quá trình chuyển khối trong công nghệ môi trường	01		57	3	6	2	HNAB503	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0601-06	Nguyễn Văn Dũng
					5	9	2	HNAD204	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0601-06	Nguyễn Văn Dũng
4110106	Sinh thái học môi trường	01		80	2	4	2	HNAB311	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0408-03	Trần Thị Kim Hà
					5	2	2	HNAB311	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0408-03	Trần Thị Kim Hà
4110106	Sinh thái học môi trường	02		82	2	9	2	HNAB311	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	0408-03	Trần Thị Kim Hà
					5	6	2	HNAB311	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0408-03	Trần Thị Kim Hà

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Môi trường

Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4110107	Vi hóa sinh môi trường + TN	01		59	4	9	3	HNAD302	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0408-06	Trần Thị Thu Hương
					5	6	3	HNAD203	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 03/12/2015	0408-06	Trần Thị Thu Hương
4110107	Vi hóa sinh môi trường + TN	02		80	2	1	3	HNAB311	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 30/11/2015	0408-06	Trần Thị Thu Hương
					4	1	3	HNAB311	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 02/12/2015	0408-06	Trần Thị Thu Hương
4110107	Vi hóa sinh môi trường + TN	03		75	3	8	3	HNAB311	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 01/12/2015	0408-06	Trần Thị Thu Hương
					6	6	3	HNAB311	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 04/12/2015	0408-06	Trần Thị Thu Hương
4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	01		60	2	1	3	HNAD302	07/09/2015 - 12/10/2015	0403-09	Đỗ Văn Nhuận
					4	1	3	HNAD304	09/09/2015 - 14/10/2015	0403-09	Đỗ Văn Nhuận
4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	02		60	4	6	3	HNAA208	04/11/2015 - 09/12/2015	0402-01	Nguyễn Phương
					6	6	3	HNAD202	06/11/2015 - 11/12/2015	0402-01	Nguyễn Phương
4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	03		61	7	9	3	HNAB310	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0403-09	Đỗ Văn Nhuận
4110112	Phương pháp lấy và phân tích mẫu môi trường	01		52	5	1	3	HNAB505	10/09/2015 - 15/10/2015	0402-12	Nguyễn Thị Cúc
					6	1	3	HNAD204	11/09/2015 - 16/10/2015	0402-12	Nguyễn Thị Cúc
4110112	Phương pháp lấy và phân tích mẫu môi trường	02		54	3	6	3	HNAB505	03/11/2015 - 08/12/2015	0402-12	Nguyễn Thị Cúc
					5	6	3	HNAD302	05/11/2015 - 10/12/2015	0402-12	Nguyễn Thị Cúc
4110114	Môi trường và phát triển bền vững	01		67	7	9	3	HNAB311	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	1101-03	Nguyễn Quốc Phi
4110114	Môi trường và phát triển bền vững	02		46	2	10	3	HNAD403	07/09/2015 - 12/10/2015 02/11/2015 - 07/12/2015	1101-03	Nguyễn Quốc Phi
4110132	Kỹ thuật an toàn và môi trường	01		54	7	3	3	HNAD204	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0601-06	Nguyễn Văn Dũng
4110201	Tiếng Anh chuyên ngành địa sinh thái	01		55	2	9	3	HNAB305	07/09/2015 - 12/10/2015	0408-14	Vũ Thị Phương Thảo
					3	8	3	HNAD302	08/09/2015 - 13/10/2015	0408-14	Vũ Thị Phương Thảo
4110202	Các phương pháp điều tra địa sinh thái và môi trường	01		70	3	4	2	HNBG402	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0408-13	Đỗ Văn Bình
					4	4	2	HNBG403	09/09/2015 - 14/10/2015 04/11/2015 - 09/12/2015	0408-13	Đỗ Văn Bình

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Môi trường

Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4110204	Cơ sở địa môi trường	01		60	5	3	3	HNAA404	10/09/2015 - 15/10/2015	0408-17	Trần Hồng Hà
					6	3	3	HNAA403	11/09/2015 - 16/10/2015	0408-17	Trần Hồng Hà
4110204	Cơ sở địa môi trường	02		42	4	9	3	HNAA406	04/11/2015 - 09/12/2015	0408-17	Trần Hồng Hà
					6	8	3	HNAA308	06/11/2015 - 11/12/2015	0408-17	Trần Hồng Hà
4110205	Xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học	01		71	2	1	3	HNBG408	07/09/2015 - 12/10/2015	0408-14	Vũ Thị Phương Thảo
					4	1	3	HNBG502	09/09/2015 - 14/10/2015	0408-14	Vũ Thị Phương Thảo
4110206	Kỹ thuật xử lý nước và nước thải	01		65	3	2	2	HNBG502	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0408-09	Đỗ Cao Cường
					5	1	2	HNBG408	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0408-09	Đỗ Cao Cường
4110208	Kiểm soát chất thải nguy hại	01		60	2	9	3	HNBG602	07/09/2015 - 12/10/2015	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy
					6	9	3	HNBG508	11/09/2015 - 16/10/2015	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy
4110208	Kiểm soát chất thải nguy hại	02		47	2	9	3	HNBG501	02/11/2015 - 07/12/2015	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy
					5	9	3	HNBG503	05/11/2015 - 10/12/2015	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy
4110209	Quản lý môi trường	01		70	5	3	3	HNBG502	10/09/2015 - 15/10/2015	1101-09	Vũ Thị Lan Anh
					6	3	3	HNBG402	11/09/2015 - 16/10/2015	1101-09	Vũ Thị Lan Anh
4110209	Quản lý môi trường	02		38	3	9	3	HNBG502	03/11/2015 - 08/12/2015	1101-08	Phan Thị Mai Hoa
					5	1	3	HNBG502	05/11/2015 - 10/12/2015	1101-08	Phan Thị Mai Hoa
4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	01		59	3	6	2	HNBG102	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	0408-10	Nguyễn Quang Minh
					5	6	2	HNBG103	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0408-10	Nguyễn Quang Minh
4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	02		59	5	4	2	HNBG406	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	0408-07	Nguyễn Mai Hoa
					6	4	2	HNBG407	11/09/2015 - 16/10/2015 06/11/2015 - 11/12/2015	0408-07	Nguyễn Mai Hoa
4110217	Bảo vệ và cải tạo sinh thái đất	01		49	3	8	3	HNBD102	08/09/2015 - 13/10/2015	0408-17	Trần Hồng Hà
					6	6	3	HNBG101	11/09/2015 - 16/10/2015	0408-17	Trần Hồng Hà
4110218	Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước	01		60	2	6	3	HNBG102	02/11/2015 - 07/12/2015	0408-13	Đỗ Văn Bình
					6	6	3	HNBG101	06/11/2015 - 11/12/2015	0408-13	Đỗ Văn Bình
4110220	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	01		64	7	3	3	HNAD202	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0408-10	Nguyễn Quang Minh
4110232	Địa hóa sinh thái môi trường	01		61	7	3	3	HNAB505	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0408-07	Nguyễn Mai Hoa

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Môi trường

Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4110233	Giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng chất thải	01		48	3	8	3	HNBG103	03/11/2015 - 08/12/2015	0408-09	Đỗ Cao Cường
					5	8	3	HNBC2	05/11/2015 - 10/12/2015	0408-09	Đỗ Cao Cường
4110236	Môi trường và con người	01		82	7	3	3	HNAA207	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0408-13	Đỗ Văn Bình
4110236	Môi trường và con người	02		153	7	9	3	HNBG501	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0408-03	Trần Thị Kim Hà
4110302	Ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường	01		61	2	6	3	HNAD303	07/09/2015 - 12/10/2015	1103-06	Nguyễn Thị Hòa
					4	6	3	HNAD303	09/09/2015 - 14/10/2015	1103-06	Nguyễn Thị Hòa
4110302	Ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường	02		29	3	3	3	HNBG503	03/11/2015 - 08/12/2015	1103-07	Nguyễn Thị Hồng
					6	1	3	HNBG502	06/11/2015 - 11/12/2015	1103-07	Nguyễn Thị Hồng
4110303	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	01		45	2	3	3	HNBG501	07/09/2015 - 12/10/2015	0408-02	Đào Đình Thuần
					4	3	3	HNBG406	09/09/2015 - 14/10/2015	0408-02	Đào Đình Thuần
4110304	Tự động hóa dụng cụ đo chất lượng môi trường	01		44	2	3	3	HNBG408	02/11/2015 - 07/12/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
					4	3	3	HNBG506	04/11/2015 - 09/12/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
4110307	Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL	01		44	3	6	2	HNBD102	08/09/2015 - 13/10/2015 03/11/2015 - 08/12/2015	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy
					5	6	2	HNBC2	10/09/2015 - 15/10/2015 05/11/2015 - 10/12/2015	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy
4110319	Thiết kế Wetland cho xử lý nước thải	01		33	3	8	3	HNBG106	03/11/2015 - 08/12/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
					6	6	3	HNBG102	06/11/2015 - 11/12/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
4110320	Công cụ mô hình hóa trong môi trường đất	01		35	2	6	3	HNBG305	07/09/2015 - 12/10/2015	1103-07	Nguyễn Thị Hồng
					5	8	3	HNBC2	10/09/2015 - 15/10/2015	1103-07	Nguyễn Thị Hồng
4110321	Thiết kế mạng lưới thoát nước	01		34	2	6	3	HNBG103	02/11/2015 - 07/12/2015	0302-08	Phan Quang Văn
					5	9	3	HNBA2	05/11/2015 - 10/12/2015	0302-08	Phan Quang Văn
4110326	Công nghệ Wetland xử lý nước thải mở	01		50	7	9	3	HNAD402	12/09/2015 - 17/10/2015 07/11/2015 - 12/12/2015	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	01		187	2	1	5	HNAD201	10/08/2015 - 10/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					3	1	5	HNAD201	11/08/2015 - 11/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Chính trị (30 3001)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	01		187	4	1	5	HNAD201	12/08/2015 - 12/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					5	1	5	HNAD201	13/08/2015 - 13/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					6	1	5	HNAD201	14/08/2015 - 14/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					7	1	5	HNAD201	15/08/2015 - 15/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	02		127	2	1	5	HNAD201	17/08/2015 - 17/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					3	1	5	HNAD201	18/08/2015 - 18/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					4	1	5	HNAD201	19/08/2015 - 19/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					5	1	5	HNAD201	20/08/2015 - 20/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					6	1	5	HNAD201	21/08/2015 - 21/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					7	1	5	HNAD201	22/08/2015 - 22/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	03		82	2	1	5	HNAD401	24/08/2015 - 24/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					3	1	5	HNAD401	25/08/2015 - 25/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					4	1	5	HNAD401	26/08/2015 - 26/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					5	1	5	HNAD401	27/08/2015 - 27/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					6	1	5	HNAD401	28/08/2015 - 28/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					7	1	5	HNAD401	29/08/2015 - 29/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	04		71	2	1	5	HNAD301	24/08/2015 - 24/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					3	1	5	HNAD301	25/08/2015 - 25/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					4	1	5	HNAD301	26/08/2015 - 26/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					5	1	5	HNAD301	27/08/2015 - 27/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					6	1	5	HNAD301	28/08/2015 - 28/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					7	1	5	HNAD301	29/08/2015 - 29/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	05		41	2	6	5	HNAD401	10/08/2015 - 10/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					3	6	5	HNAD401	11/08/2015 - 11/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	6	5	HNAD401	12/08/2015 - 12/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					5	6	5	HNAD401	13/08/2015 - 13/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					6	6	5	HNAD401	14/08/2015 - 14/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					7	6	5	HNAD401	15/08/2015 - 15/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	07		72	2	6	5	HNAD201	24/08/2015 - 24/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					3	6	5	HNAD201	25/08/2015 - 25/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Chính trị (30 3001)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	07		72	4	6	5	HNAD201	26/08/2015 - 26/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					5	6	5	HNAD201	27/08/2015 - 27/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					6	6	5	HNAD201	28/08/2015 - 28/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					7	6	5	HNAD201	29/08/2015 - 29/08/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	17		145	2	1	5	HNAD201	28/12/2015 - 28/12/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					3	1	5	HNAD201	29/12/2015 - 29/12/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					4	1	5	HNAD201	30/12/2015 - 30/12/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					5	1	5	HNAD201	31/12/2015 - 31/12/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					6	1	5	HNAD201	01/01/2016 - 01/01/2016	3001-01	Phạm Quốc Đám
					7	1	5	HNAD201	02/01/2016 - 02/01/2016	3001-01	Phạm Quốc Đám
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	21		23	2	6	5	HNAD201	28/12/2015 - 28/12/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					3	6	5	HNAD201	29/12/2015 - 29/12/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	6	5	HNAD201	30/12/2015 - 30/12/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					5	6	5	HNAD201	31/12/2015 - 31/12/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					6	6	5	HNAD201	01/01/2016 - 01/01/2016	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					7	6	5	HNAD201	02/01/2016 - 02/01/2016	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	33		171	2	6	5	HNAD401	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					3	1	5	HNAD401	15/09/2015 - 22/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					4	6	5	HNAD401	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					5	6	5	HNAD401	17/09/2015 - 24/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	34		175	2	6	5	HNAD301	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					3	1	5	HNAD301	15/09/2015 - 22/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					4	6	5	HNAD301	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					5	6	5	HNAD301	17/09/2015 - 24/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	35		177	2	6	5	HNAD201	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					3	1	5	HNAD201	15/09/2015 - 22/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					4	6	5	HNAD201	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					5	6	5	HNAD201	17/09/2015 - 24/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	36		182	2	6	5	HNAD101	14/09/2015 - 21/09/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					3	1	5	HNAD101	15/09/2015 - 22/09/2015	3002-03	Trần Văn Độ

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Quân sự (30 3002)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	36		182	4	6	5	HNAD101	16/09/2015 - 23/09/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					5	6	5	HNAD101	17/09/2015 - 24/09/2015	3002-03	Trần Văn Độ
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	37		174	2	1	5	HNAD401	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	1	5	HNAD401	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					5	1	5	HNAD401	17/09/2015 - 24/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					6	1	5	HNAD401	18/09/2015 - 25/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	38		177	2	1	5	HNAD301	14/09/2015 - 21/09/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	1	5	HNAD301	16/09/2015 - 23/09/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	5	HNAD301	17/09/2015 - 24/09/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					6	1	5	HNAD301	18/09/2015 - 25/09/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	39		172	2	1	5	HNAD201	14/09/2015 - 21/09/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	1	5	HNAD201	16/09/2015 - 23/09/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	1	5	HNAD201	17/09/2015 - 24/09/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	1	5	HNAD201	18/09/2015 - 25/09/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	40		184	2	1	5	HNAD101	14/09/2015 - 21/09/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					4	1	5	HNAD101	16/09/2015 - 23/09/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					5	1	5	HNAD101	17/09/2015 - 24/09/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					6	1	5	HNAD101	18/09/2015 - 25/09/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	41		138	2	6	5	HNBG202	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					3	6	5	HNBG202	15/09/2015 - 22/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	6	5	HNBG202	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					6	6	5	HNBG206	18/09/2015 - 25/09/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	42		132	3	1	5	HNBG206	15/09/2015 - 22/09/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					4	1	5	HNBG206	16/09/2015 - 23/09/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					5	6	5	HNBG302	17/09/2015 - 24/09/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					6	1	5	HNBG306	18/09/2015 - 25/09/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	43		131	3	1	5	HNBG202	15/09/2015 - 22/09/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					4	1	5	HNBG202	16/09/2015 - 23/09/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					5	6	5	HNBG206	17/09/2015 - 24/09/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					6	1	5	HNBG302	18/09/2015 - 25/09/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng

Bộ môn: Chính trị (30 3001)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	44		128	2	6	5	HNBG306	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					3	6	5	HNBG306	15/09/2015 - 22/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					4	6	5	HNBG306	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					5	6	5	HNBG202	17/09/2015 - 24/09/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	45		132	2	6	5	HNBG302	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					3	6	5	HNBG302	15/09/2015 - 22/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					4	6	5	HNBG302	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					6	6	5	HNBG306	18/09/2015 - 25/09/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	46		129	2	6	5	HNBG206	14/09/2015 - 21/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					3	6	5	HNBG206	15/09/2015 - 22/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					4	6	5	HNBG206	16/09/2015 - 23/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					6	6	5	HNBG302	18/09/2015 - 25/09/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	47		149	2	1	5	HNBG202	21/09/2015 - 28/09/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					3	1	5	HNBG302	22/09/2015 - 29/09/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					4	1	5	HNBG302	23/09/2015 - 30/09/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					5	1	5	HNBG202	24/09/2015 - 01/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	48		149	2	1	5	HNBG206	21/09/2015 - 28/09/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	1	5	HNBG306	22/09/2015 - 29/09/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	1	5	HNBG306	23/09/2015 - 30/09/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	5	HNBG206	24/09/2015 - 01/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	49		120	3	1	5	HNBH601	22/09/2015 - 29/09/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	1	5	HNBH601	23/09/2015 - 30/09/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	1	5	HNBH601	24/09/2015 - 01/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	1	5	HNBH601	25/09/2015 - 02/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	50		121	3	1	5	HNBH606	22/09/2015 - 29/09/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					4	1	5	HNBH606	23/09/2015 - 30/09/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					5	1	5	HNBH606	24/09/2015 - 01/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					6	1	5	HNBH606	25/09/2015 - 02/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	51		118	3	6	5	HNBH601	22/09/2015 - 29/09/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					4	6	5	HNBH601	23/09/2015 - 30/09/2015	3002-04	Vũ Quang Hay

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Quân sự (30 3002)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	51		118	5	6	5	HNBH601	24/09/2015 - 01/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					6	6	5	HNBH601	25/09/2015 - 02/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
4300111	Đường lối quân sự của Đảng	52		0	3	6	5	HNBH606	22/09/2015 - 29/09/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					4	6	5	HNBH606	23/09/2015 - 30/09/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					5	6	5	HNBH606	24/09/2015 - 01/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					6	6	5	HNBH606	25/09/2015 - 02/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	01		158	2	1	4	HNAD301	10/08/2015 - 10/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đam
					3	1	4	HNAD301	11/08/2015 - 11/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đam
					4	1	4	HNAD301	12/08/2015 - 12/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đam
					5	1	4	HNAD301	13/08/2015 - 13/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đam
					6	1	4	HNAD301	14/08/2015 - 14/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đam
					7	1	4	HNAD301	15/08/2015 - 15/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đam
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	02		137	2	1	4	HNAD301	17/08/2015 - 17/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					3	1	4	HNAD301	18/08/2015 - 18/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					4	1	4	HNAD301	19/08/2015 - 19/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					5	1	4	HNAD301	20/08/2015 - 20/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					6	1	4	HNAD301	21/08/2015 - 21/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					7	1	4	HNAD301	22/08/2015 - 22/08/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	03		102	2	6	4	HNAD401	24/08/2015 - 24/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					3	6	4	HNAD401	25/08/2015 - 25/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	6	4	HNAD401	26/08/2015 - 26/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					5	6	4	HNAD401	27/08/2015 - 27/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					6	6	4	HNAD401	28/08/2015 - 28/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					7	6	4	HNAD401	29/08/2015 - 29/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	05		24	2	6	4	HNAD401	17/08/2015 - 17/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					3	6	4	HNAD401	18/08/2015 - 18/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					4	6	4	HNAD401	19/08/2015 - 19/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					5	6	4	HNAD401	20/08/2015 - 20/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					6	6	4	HNAD401	21/08/2015 - 21/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					7	6	4	HNAD401	22/08/2015 - 22/08/2015	3002-03	Trần Văn Độ

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Chính trị (30 3001)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	06		47	2	6	4	HNAD301	17/08/2015 - 17/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					3	6	4	HNAD301	18/08/2015 - 18/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	6	4	HNAD301	19/08/2015 - 19/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					5	6	4	HNAD301	20/08/2015 - 20/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					6	6	4	HNAD301	21/08/2015 - 21/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					7	6	4	HNAD301	22/08/2015 - 22/08/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	07		23	2	6	4	HNAD301	24/08/2015 - 24/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					3	6	4	HNAD301	25/08/2015 - 25/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					4	6	4	HNAD301	26/08/2015 - 26/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					5	6	4	HNAD301	27/08/2015 - 27/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					6	6	4	HNAD301	28/08/2015 - 28/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
					7	6	4	HNAD301	29/08/2015 - 29/08/2015	3001-01	Phạm Quốc Đám
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	17		43	2	1	4	HNAD301	28/12/2015 - 28/12/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					3	1	4	HNAD301	29/12/2015 - 29/12/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					4	1	4	HNAD301	30/12/2015 - 30/12/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					5	1	4	HNAD301	31/12/2015 - 31/12/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					6	1	4	HNAD301	01/01/2016 - 01/01/2016	3001-04	Hà Văn Thanh
					7	1	4	HNAD301	02/01/2016 - 02/01/2016	3001-04	Hà Văn Thanh
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	18		94	2	1	4	HNAD301	04/01/2016 - 04/01/2016	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					3	1	4	HNAD301	05/01/2016 - 05/01/2016	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					4	1	4	HNAD301	06/01/2016 - 06/01/2016	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					5	1	4	HNAD301	07/01/2016 - 07/01/2016	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					6	1	4	HNAD301	08/01/2016 - 08/01/2016	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					7	1	4	HNAD301	09/01/2016 - 09/01/2016	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	21		37	2	6	4	HNAD301	28/12/2015 - 28/12/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					3	6	4	HNAD301	29/12/2015 - 29/12/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					4	6	4	HNAD301	30/12/2015 - 30/12/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					5	6	4	HNAD301	31/12/2015 - 31/12/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					6	6	4	HNAD301	01/01/2016 - 01/01/2016	3002-03	Trần Văn Độ
					7	6	4	HNAD301	02/01/2016 - 02/01/2016	3002-03	Trần Văn Độ

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng

Bộ môn: Chính trị (30 3001)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	33		171	2	6	4	HNAD301	28/09/2015 - 05/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đảm
					3	6	4	HNAD301	29/09/2015 - 06/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đảm
					4	6	4	HNAD301	30/09/2015 - 07/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đảm
					5	6	4	HNAD301	01/10/2015 - 08/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đảm
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	34		175	2	6	4	HNAD201	28/09/2015 - 05/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					3	6	4	HNAD201	29/09/2015 - 06/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					4	6	4	HNAD201	30/09/2015 - 07/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					5	6	4	HNAD201	01/10/2015 - 08/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	35		177	2	1	4	HNAD401	28/09/2015 - 05/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					3	6	4	HNAD101	29/09/2015 - 06/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	1	4	HNAD401	30/09/2015 - 07/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					5	1	4	HNAD401	01/10/2015 - 08/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	36		182	2	1	4	HNAD301	28/09/2015 - 05/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					3	1	4	HNAD401	29/09/2015 - 06/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					4	1	4	HNAD301	30/09/2015 - 07/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					5	1	4	HNAD301	01/10/2015 - 08/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	37		174	2	1	4	HNAD201	28/09/2015 - 05/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					3	1	4	HNAD301	29/09/2015 - 06/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					4	1	4	HNAD201	30/09/2015 - 07/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					6	1	4	HNAD401	02/10/2015 - 09/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	38		177	2	6	4	HNAD101	28/09/2015 - 05/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	1	4	HNAD201	29/09/2015 - 06/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	4	HNAD201	01/10/2015 - 08/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					6	1	4	HNAD301	02/10/2015 - 09/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	39		172	2	1	4	HNAD101	28/09/2015 - 05/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	6	4	HNAD101	30/09/2015 - 07/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	6	4	HNAD101	01/10/2015 - 08/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	1	4	HNAD201	02/10/2015 - 09/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	40		184	3	1	4	HNAD101	29/09/2015 - 06/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					4	1	4	HNAD101	30/09/2015 - 07/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng

Bộ môn: Quân sự (30 3002)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	40		184	5	1	4	HNAD101	01/10/2015 - 08/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					6	1	4	HNAD101	02/10/2015 - 09/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	41		138	3	1	4	HNBG206	29/09/2015 - 06/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					4	6	4	HNBG306	30/09/2015 - 07/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					5	6	4	HNBG306	01/10/2015 - 08/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					6	1	4	HNBG306	02/10/2015 - 09/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	42		132	2	6	4	HNBG306	28/09/2015 - 05/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					3	6	4	HNBG306	29/09/2015 - 06/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					4	6	4	HNBG302	30/09/2015 - 07/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					5	6	4	HNBG302	01/10/2015 - 08/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	43		131	2	6	4	HNBG302	28/09/2015 - 05/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đàm
					3	6	4	HNBG302	29/09/2015 - 06/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đàm
					4	6	4	HNBG206	30/09/2015 - 07/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đàm
					6	6	4	HNBG306	02/10/2015 - 09/10/2015	3001-01	Phạm Quốc Đàm
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	44		128	2	6	4	HNBG206	28/09/2015 - 05/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					3	6	4	HNBG206	29/09/2015 - 06/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					5	6	4	HNBG206	01/10/2015 - 08/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
					6	6	4	HNBG302	02/10/2015 - 09/10/2015	3001-04	Hà Văn Thanh
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	45		132	2	6	4	HNBG202	28/09/2015 - 05/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					3	1	4	HNBG202	29/09/2015 - 06/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					4	1	4	HNBG202	30/09/2015 - 07/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
					6	1	4	HNBG302	02/10/2015 - 09/10/2015	3001-06	Hoàng Xuân Trường
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	46		129	3	6	4	HNBG202	29/09/2015 - 06/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					4	6	4	HNBG202	30/09/2015 - 07/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					5	6	4	HNBG202	01/10/2015 - 08/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
					6	6	4	HNBG206	02/10/2015 - 09/10/2015	3002-03	Trần Văn Độ
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	47		149	2	1	5	HNBG202	05/10/2015 - 05/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					3	1	5	HNBG302	06/10/2015 - 06/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					4	1	5	HNBG206	07/10/2015 - 07/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng
					5	1	5	HNBG202	08/10/2015 - 08/10/2015	3001-03	Nguyễn Văn Quảng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Quân sự (30 3002)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	48		149	2	1	5	HNBG206	05/10/2015 - 05/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	1	5	HNBG306	06/10/2015 - 06/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	1	5	HNBG302	07/10/2015 - 07/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	5	HNBG206	08/10/2015 - 08/10/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	49		120	3	1	5	HNBH601	06/10/2015 - 06/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	1	5	HNBH601	07/10/2015 - 07/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	1	5	HNBH601	08/10/2015 - 08/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	1	5	HNBH601	09/10/2015 - 09/10/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	50		121	3	1	5	HNBH606	06/10/2015 - 06/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					4	1	5	HNBH606	07/10/2015 - 07/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					5	1	5	HNBH606	08/10/2015 - 08/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					6	1	5	HNBH606	09/10/2015 - 09/10/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	51		118	3	6	5	HNBH601	06/10/2015 - 06/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					4	6	5	HNBH601	07/10/2015 - 07/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					5	6	5	HNBH601	08/10/2015 - 08/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					6	6	5	HNBH601	09/10/2015 - 09/10/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	52		0	3	6	5	HNBH606	06/10/2015 - 06/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					4	6	5	HNBH606	07/10/2015 - 07/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					5	6	5	HNBH606	08/10/2015 - 08/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
					6	6	5	HNBH606	09/10/2015 - 09/10/2015	3002-07	Vũ Thanh Hà
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	01		164	2	1	5	HNAD101	10/08/2015 - 10/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	1	5	HNAD101	11/08/2015 - 11/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	1	5	HNAD101	12/08/2015 - 12/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	5	HNAD101	13/08/2015 - 13/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					6	1	5	HNAD101	14/08/2015 - 14/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					7	1	5	HNAD101	15/08/2015 - 15/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	02		71	2	1	5	HNAD101	17/08/2015 - 17/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	1	5	HNAD101	18/08/2015 - 18/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	1	5	HNAD101	19/08/2015 - 19/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	5	HNAD101	20/08/2015 - 20/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Quân sự (30 3002)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	02		71	6	1	5	HNAD101	21/08/2015 - 21/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					7	1	5	HNAD101	22/08/2015 - 22/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	03		166	2	1	5	HNAD201	24/08/2015 - 24/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					3	1	5	HNAD201	25/08/2015 - 25/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					4	1	5	HNAD201	26/08/2015 - 26/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					5	1	5	HNAD201	27/08/2015 - 27/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					6	1	5	HNAD201	28/08/2015 - 28/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					7	1	5	HNAD201	29/08/2015 - 29/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	04		27	2	1	5	HNAD101	24/08/2015 - 24/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					3	1	5	HNAD101	25/08/2015 - 25/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	1	5	HNAD101	26/08/2015 - 26/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	1	5	HNAD101	27/08/2015 - 27/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	1	5	HNAD101	28/08/2015 - 28/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					7	1	5	HNAD101	29/08/2015 - 29/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	05		59	2	6	5	HNAD201	10/08/2015 - 10/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					3	6	5	HNAD201	11/08/2015 - 11/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	6	5	HNAD201	12/08/2015 - 12/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	6	5	HNAD201	13/08/2015 - 13/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	6	5	HNAD201	14/08/2015 - 14/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					7	6	5	HNAD201	15/08/2015 - 15/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	07		30	2	6	5	HNAD101	24/08/2015 - 24/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	6	5	HNAD101	25/08/2015 - 25/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	6	5	HNAD101	26/08/2015 - 26/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	6	5	HNAD101	27/08/2015 - 27/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					6	6	5	HNAD101	28/08/2015 - 28/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					7	6	5	HNAD101	29/08/2015 - 29/08/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	09		55	2	1	5	HNAA207	10/08/2015 - 10/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					3	1	5	HNAA207	11/08/2015 - 11/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					4	1	5	HNAA207	12/08/2015 - 12/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					5	1	5	HNAA207	13/08/2015 - 13/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Quân sự (30 3002)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	09		55	6	1	5	HNAA207	14/08/2015 - 14/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					7	1	5	HNAA207	15/08/2015 - 15/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	10		75	2	1	5	HNAA409	17/08/2015 - 17/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					3	1	5	HNAA409	18/08/2015 - 18/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	1	5	HNAA409	19/08/2015 - 19/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	1	5	HNAA409	20/08/2015 - 20/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	1	5	HNAA409	21/08/2015 - 21/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					7	1	5	HNAA409	22/08/2015 - 22/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	11		80	2	1	5	HNAA207	24/08/2015 - 24/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					3	1	5	HNAA207	25/08/2015 - 25/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					4	1	5	HNAA207	26/08/2015 - 26/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					5	1	5	HNAA207	27/08/2015 - 27/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					6	1	5	HNAA207	28/08/2015 - 28/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
					7	1	5	HNAA207	29/08/2015 - 29/08/2015	3002-06	Trần Thanh Hanh
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	15		21	2	6	5	HNAA207	24/08/2015 - 24/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					3	6	5	HNAA207	25/08/2015 - 25/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					4	6	5	HNAA207	26/08/2015 - 26/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					5	6	5	HNAA207	27/08/2015 - 27/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					6	6	5	HNAA207	28/08/2015 - 28/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
					7	6	5	HNAA207	29/08/2015 - 29/08/2015	3002-05	Nguyễn Văn Phong
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	17		68	2	1	5	HNAD101	28/12/2015 - 28/12/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	1	5	HNAD101	29/12/2015 - 29/12/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	1	5	HNAD101	30/12/2015 - 30/12/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	5	HNAD101	31/12/2015 - 31/12/2015	3002-02	Bùi Kim Hồng
					6	1	5	HNAD101	01/01/2016 - 01/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng
					7	1	5	HNAD101	02/01/2016 - 02/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	18		32	2	1	5	HNAD101	04/01/2016 - 04/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng
					3	1	5	HNAD101	05/01/2016 - 05/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng
					4	1	5	HNAD101	06/01/2016 - 06/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng
					5	1	5	HNAD101	07/01/2016 - 07/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng

THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Khoa: Giáo dục quốc phòng
Bộ môn: Quân sự (30 3002)

Ngày bắt đầu học kỳ : 10/08/2015 (Tuần 1)

Mã MH	Tên môn học	NH	Tổ TH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	18		32	6	1	5	HNAD101	08/01/2016 - 08/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng
					7	1	5	HNAD101	09/01/2016 - 09/01/2016	3002-02	Bùi Kim Hồng
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	19		82	2	1	5	HNAD101	11/01/2016 - 11/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					3	1	5	HNAD101	12/01/2016 - 12/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					4	1	5	HNAD101	13/01/2016 - 13/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					5	1	5	HNAD101	14/01/2016 - 14/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					6	1	5	HNAD101	15/01/2016 - 15/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					7	1	5	HNAD101	16/01/2016 - 16/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	25		31	2	1	5	HNAA207	28/12/2015 - 28/12/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					3	1	5	HNAA207	29/12/2015 - 29/12/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					4	1	5	HNAA207	30/12/2015 - 30/12/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					5	1	5	HNAA207	31/12/2015 - 31/12/2015	3002-04	Vũ Quang Hay
					6	1	5	HNAA207	01/01/2016 - 01/01/2016	3002-04	Vũ Quang Hay
					7	1	5	HNAA207	02/01/2016 - 02/01/2016	3002-04	Vũ Quang Hay
4300211	Quân sự chung và chiến thuật	32		51	2	6	5	HNAA207	18/01/2016 - 18/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					3	6	5	HNAA207	19/01/2016 - 19/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					4	6	5	HNAA207	20/01/2016 - 20/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					5	6	5	HNAA207	21/01/2016 - 21/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					6	6	5	HNAA207	22/01/2016 - 22/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà
					7	6	5	HNAA207	23/01/2016 - 23/01/2016	3002-07	Vũ Thanh Hà

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu